

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7140231

THANH HÓA, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHD ngày 18 / 9 / 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức).*

Tên chương trình: Sư phạm Tiếng Anh
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh
Mã ngành: 7140231

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm tiếng Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Teacher Training
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140231
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Ngoại ngữ
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 130TC; - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Sư phạm tiếng Anh
Vị trí làm việc:	- Giáo viên tiếng Anh ở các bậc phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục Việt Nam; - Nghiên cứu tiếng Anh và khoa học giáo dục tại các viện nghiên cứu, trường đại học; - Quản lý chuyên môn về giáo dục tại các trường hoặc cơ sở quản lý nhà nước; - Làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức, văn hoá, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên ngành tương đối hoàn chỉnh, đủ để có thể học tập tiếp trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.
Chương trình tham khảo:	- CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh - ĐH sư phạm Hà Nội - CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh – ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN - CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh – ĐH sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh (SPTA) có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực nghề nghiệp đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên môn tiếng Anh ở trường phổ thông; tham gia công tác chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục – đào tạo hoặc cơ quan quản lý giáo dục; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh.

PO3: Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, văn hoá, con người và đất nước nói tiếng Anh; kiến thức về biên dịch nhằm hỗ trợ quá trình tiếp thụ ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Anh và chuyển dịch ngôn ngữ Anh-Việt, Việt-Anh;

PO4: Sử dụng tiếng Anh đạt bậc 5 và một ngoại ngữ 2 đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PO5: Phát triển kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông; từ đó, hình thành và phát triển năng lực thiết kế, tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông;

PO6: Trang bị kiến thức chuyên sâu và cập nhật về lý luận dạy học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình dạy học môn tiếng Anh ở các trường phổ thông; Từ đó, hình thành và phát triển năng lực chuyên môn trong giảng dạy tiếng Anh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho người học;

PO7: Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức, phong cách chuẩn mực của một nhà giáo;

PO8: Hình thành và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2.2. Chuẩn đầu ra

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Hệ thống được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp... Thiết kế được đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với chuyên môn;

PLO3: Hệ thống được kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng), văn học, văn hoá Anh - Mỹ, giao tiếp liên văn hoá;

PLO4: Phân tích được kiến thức về tâm lý học, giáo dục học liên quan tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy và học tiếng Anh;

PLO5: Giải thích chuyên sâu lý thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình dạy học môn tiếng Anh trong thực tiễn dạy học;

2.2. Kỹ năng

PLO6: Giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong học tập và các hoạt động chuyên môn được đào tạo; đạt bậc 5 theo Khung năng lực Ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam; Giao tiếp cơ bản bằng một ngoại ngữ 2 ở bậc 3 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

PLO7: Áp dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa), và văn hoá xã hội của các nước nói tiếng Anh trong thực tiễn giao tiếp, dịch thuật và chuyên môn, tránh được các xung đột về văn hoá;

PLO8: Vận dụng được kiến thức về tâm lý học, giáo dục học để giải quyết tốt các tình huống trong thực tiễn dạy và học tiếng Anh; Xác định kiến thức về thực tiễn hoạt động và quản lý hoạt động ngành giáo dục để vận dụng vào thực tế dạy học;

PLO9: Phân tích được lý luận dạy học tiếng Anh. Xây dựng và phát triển kế hoạch, chương trình dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học ở các trường phổ thông;

PLO10: Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và thiết kế được các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của người học; từ đó, đề xuất và triển khai các giải pháp và khuyến nghị trong quá trình dạy học;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

PLO11: Thực hiện và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, chuẩn mực của một nhà giáo, tâm huyết và trách nhiệm với nghề nghiệp; xây dựng mối quan hệ, hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, với học sinh và phụ huynh;

PLO12: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GDĐC		42							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		2	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	1	3	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	4	LL Mác-Lênin
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	5	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	5	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		4	Luật
II	Khoa học QL, KHXH & nhân văn		13							
7	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	18	6	90		1	VNH-DL
8	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		5	QTKD
9	118001	Môi trường và con người	2	18	18	6	90		1	Sinh học
10	131076	Ngữ pháp	3	27	18	18	135		1	NN-VH-PPGD
11	Chọn 1 trong 2 học phần		3							
a	132055	Ngữ âm- âm vị học	3	27	18	18	135		1	NN-VH-PPGD
b	132056	Luyện phát âm tiếng Anh	3	27	18	18	135		1	NN-VH-PPGD
III	Khoa học tự nhiên – công nghệ		6							
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50			2	MMT & UD
13	132080	PPNCKH chuyên ngành TA	3	27	36		135		4	NN-VH-PPGD
IV	Ngoại ngữ II – Chọn 1 trong 2		10							
	Tiếng Pháp									
14a	133069	Tiếng Pháp 1	4	36	24	24	180		2	NNKC
15a	133005	Tiếng Pháp 2	3	27	18	18	135	12a	3	NNKC
16a	133055	Tiếng Pháp 3	3	27	18	18	135	13a	4	NNKC
	Tiếng Trung Quốc									
14b	133009	Tiếng Trung Quốc 1	4	36	24	24	180		2	NNKC
15b	133011	Tiếng Trung Quốc 2	3	27	18	18	135	12b	3	NNKC
16b	133010	Tiếng Trung Quốc 3	3	27	18	18	135	13b	4	NNKC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	Bóng-ĐK

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 /5 HP</i>)									
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng-ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
V	Giáo dục quốc phòng		165t							TTGDQP
B	KIẾN THỨC GDCN		88							
I	Kiến thức cơ sở ngành		10							
17	181080	Tâm lý học	4	36	48		180		2	Tâm lý học
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	17	3	Giáo dục học
19	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	18	24		90	18	7	Giáo dục học
II	Kiến thức ngành		46							
20	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	27	18	18	135		1	PTKN
21	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	27	18	18	135		1	PTKN
22	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	27	18	18	135	20	2	PTKN
23	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	27	18	18	135	21	2	PTKN
24	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	27	18	18	135	22	3	PTKN
25	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	27	18	18	135	23	3	PTKN
26	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	27	18	18	135	24	4	PTKN
27	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	27	18	18	135	25	4	PTKN
28	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	27	18	18	135	26	5	PTKN
29	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	27	18	18	135	27	5	PTKN
30	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	27	18	18	135	28	6	PTKN
31	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	27	18	18	135	29	6	PTKN
32	132002	Lý luận dạy tiếng Anh	2	18	24		90		5	NN-VH-PPGD
33	123115	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1	3	27	36		135	32	6	NN-VH-PPGD
34	123120	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2	3	27	36		135	33	7	NN-VH-PPGD
35	132048	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	2	18	24		90	32	7	NN-VH-PPGD
III	Kiến thức bổ trợ		21							
36	Chọn 1 trong 2 học phần		2							
a	132069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24		90		6	NN-VH-PPGD

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
b	132065	Ngữ dụng học	2	18	24		90		6	NN-VH-PPGD
37	132006	Biên dịch 1	3	27	18	18	135		3*	NN-VH-PPGD
38	Chọn 1 trong 2 học phần		3							
a	132026	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học*	3	27	18	18	135		7	NN-VH-PPGD
b	132013	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	27	18	18	135		7	NN-VH-PPGD
39	131090	Văn hoá Anh-Mỹ	2	18	24		90		6	NN-VH-PPGD
40	132058	Văn học Anh Mỹ	3	27	36		135		7	NN-VH-PPGD
41	Chọn 1 trong 2 học phần		3							
a	132067	Kỹ năng thuyết trình	3	27	18	18	135		6	NN-VH-PPGD
b	132027	Phong cách học	3	27	18	18	135		6	NN-VH-PPGD
42	Chọn 1 trong 3 học phần		3							
a	123020	Giao thoa văn hoá	3	27	36		135		7	NN-VH-PPGD
b	123025	Giao tiếp liên văn hoá	3	27	36		135		7	NN-VH-PPGD
c	132081	Tiếng Anh du lịch	3	27	36		135		7	NN-VH-PPGD
43	132005	Kiến tập sư phạm	2			60		17,18	5	
IV	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		11							
44	132010	Thực tập tốt nghiệp	5			150	225	43	8	
45	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6			180	270	13,30,31	8	Khoa NN
46	Học phần thay thế KLTN		6							
	Chọn 2 trong 5 học phần									
a	132082	Ngôn ngữ học tri nhận	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD
b	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD
c	132015	Sử dụng CN trong dạy học ngoại ngữ	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD
e	233055	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai	3	27	36		135		8	NN-VH-PPGD
Tổng số tín chỉ			130							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ 1: 16 (14 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)								
1	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x		18	18	6
2	125105	Môi trường và con người	2	x		18	18	6
3	131076	Ngữ pháp	3	x		27	36	
4	Chọn 1 trong 2 học phần							
a	132055	Ngữ âm – Âm vị	3		x	27	18	18
b	132009	Luyện phát âm tiếng Anh	3		x	27	18	18
5	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	x		27	18	18
6	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	x		27	18	18
Học kỳ 2: 20 (16 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)								
1	196055	Triết học Mác - Lênin	3	x		32	26	
2	172555	Công nghệ số	3	x		20	0	50
3	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	x		27	18	18
4	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	x		27	18	18
5	181080	Tâm lý học	4	x		36	48	
6	Chọn 1 trong 2 học phần							
a	133069	Tiếng Pháp 1	4		x	36	24	24
b	133009	Tiếng Trung Quốc 1	4		x	36	24	24
Học kỳ 3: 18 (15TC bắt buộc, 03TC tự chọn)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		21	18	
2	182005	Giáo dục học	4	x		36	48	
3	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	x		27	18	18
4	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	x		27	18	18
5	132006	Biên dịch 1	3	x		18	24	
6	Chọn 1 trong 2 học phần							
a	133005	Tiếng Pháp 2	3		x	27	18	18
b	133011	Tiếng Trung Quốc 2	3		x	27	18	18
Học kỳ 4: 16 (13 TC bắt buộc, 03 TC tự chọn)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
2	197030	Pháp luật đại cương	2	x		18	12	12

3	132080	PP NCKH chuyên ngành Tiếng Anh	3	x		27	36	
4	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	x		27	18	18
5	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	x		27	18	18
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	133055	Tiếng Pháp 3	3		x	27	18	18
b	133010	Tiếng Trung Quốc 3	3		x	27	18	18
Học kỳ 5: 17 (17 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	x		21	18	
2	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		21	18	
3	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
4	132002	Lý luận dạy tiếng Anh	2	x		24	18	
5	132005	Kiến tập sư phạm	2	x				
6	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	x		27	18	18
7	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	x		27	18	18
Học kỳ 6: 16 (11 TC bắt buộc, 05 TC tự chọn)								
1	123115	Phương pháp dạy học tiếng Anh 1	3	x		27	18	18
2	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	x		27	18	18
3	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	x		27	18	18
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	132069	Từ vựng - Ngữ nghĩa học	2		x	18	24	
b	132065	Ngữ dụng học	2		x	18	24	
5	131085	Văn hoá Anh - Mỹ	2	x		18	24	
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	132067	Kỹ năng thuyết trình	3		x	27	18	18
b	132027	Phong cách học	3		x	27	18	18
Học kỳ 7: 16 (10 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)								
1	132048	Kiểm tra đánh giá trong DH tiếng Anh	2	x		18	12	12
2	132057	Phương pháp dạy học tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
3	198000	Quản lý HCNN và QLGD2	2	x		18	24	
4	132058	Văn học Anh Mỹ	3	x		18	24	

5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
a	132026	Thiết kế giáo án và PT tài liệu dạy học	3		x	27	36	
b	132013	Dạy tiếng Anh cho trẻ em	3		x	27	36	
6	<i>Chọn 1 trong 3 học phần:</i>							
a	123020	Giao thoa văn hoá	3		x	18	24	
b	123025	Giao tiếp liên văn hoá	3		x	18	24	
c	132081	Tiếng Anh du lịch	3		x	18	24	
Học kỳ 8: 11 (05 TC bắt buộc, 6TC tự chọn)								
1	132010	Thực tập tốt nghiệp	5		x			
2	132068	Khóa luận tốt nghiệp	6					
3	Học phần thay thế KLTN		6					
	<i>Chọn 2 trong 5 học phần:</i>							
a	132082	Ngôn ngữ học tri nhận	3		x	27	36	
b	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3		x	27	36	
c	132015	Sử dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ	3		x	27	36	
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3		x	27	36	
e	233055	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2	3		x	27	36	

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	0	0
3	Tiến sỹ	1	3	4
4	Thạc sỹ	1	17	18

5.2. Phòng học

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành pháp luật gồm có: Bàn của hội đồng xét xử; Ghế của thành viên hội đồng xét xử; Bục khai báo; Bàn thư ký; Bàn kiểm sát viên; Bàn luật sư; Bàn của người tham gia tố tụng; Ghế tham dự phiên tòa... đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...cho các môn học chính.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực tập	- Các trường THPT trong và ngoài tỉnh (Theo QĐ của Nhà trường)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (<i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính:

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

* Tài liệu tham khảo:

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội (1999, 2000, 2001, 2002)

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.
- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.
- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế	6	8	0	0	0	27

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
thị trường.						
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính:**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội (1999, 2000, 2001, 2002)

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2005), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội (1999, 2000, 2001, 2002)

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.
- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 1- 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội (1999, 2000, 2001, 2002)

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình	4	2				18

thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh						
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Tập 01 đến tập 15)

[2]. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG / GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

[2]. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân.

6.7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 18TL: 6TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10

Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

[2]. Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn học

6.8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/ BUSINESS STARTUP AND INNOVATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 26TL, 10TH)

- Mã học phần: 154888

- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.

- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.

- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.

- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4:Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5:Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
	Giờ lên lớp (tiết)			Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Dạy học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	

Đánh giá giữa kỳ (20%)				
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	20%
Thi cuối kì (50%)				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.9. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18,18,6)
- Mã số học phần: 118001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người

trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1.Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường	2	3				15

1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin						
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.	3	4				15

Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN	4	6				15
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi	3	4				15

trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác						
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4				15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời	3	3				15

sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3,4,5, 6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Học liệu:

8.1. Giáo trình chính:

1. Lê Văn Khoa (chủ biên). (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.

2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.10. NGỮ PHÁP TIẾNG ANH/ ENGLISH GRAMMAR

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36TL-BT)

- Mã HP: 131076

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức

1. Mô tả học phần:

Học phần Ngữ pháp nhằm cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại (traditional and modern grammar). Học phần đưa ra một số bài học về các chủ điểm ngữ pháp cơ bản và thiết yếu, mang đậm tính thực hành ngữ pháp như: thì, thể, thức, các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Có thể nhớ và nhận diện các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại.

- CO2: Có thể hiểu, giải thích được và hệ thống hóa kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh (NPTA), có khả năng tự nghiên cứu thêm những tài liệu về NPTA ở cấp độ cơ bản.

- CO3: Có thể vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào học những môn khác; có thể nói, viết câu chính xác hơn, hạn chế lỗi ngữ pháp; có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tự tin với độ chính xác cao về NPTA.

- CO4: Có thái độ nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu, trao đổi thảo luận các bài học trước khi lên lớp; có khả năng phản biện, chủ động, tích cực tham gia bài học trên lớp bằng cách nêu ý kiến và đặt câu hỏi.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Có thể ghi nhớ, hiểu và nắm vững kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ từ cơ bản theo xu hướng ngữ pháp truyền thống và hiện đại.

- CLO2: Có thể giải thích, hệ thống hóa kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh, có khả năng tự nghiên cứu thêm những tài liệu về ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ cơ bản.

- CLO3: Có thể vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp vào học những môn khác; có thể nói, viết câu chính xác hơn, hạn chế lỗi ngữ pháp; có khả năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ tự tin với độ chính xác cao về ngữ pháp tiếng Anh.

- CLO4: Tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Nouns and Articles, Possessives, Pronouns, Quantifiers 1. Nouns 2. Articles 3. Demonstratives: this/ that/ these/ those 4. Possessives 5. Pronouns 6. Quantifiers	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 2: Prepositions, Adjectives and Adverbs 1. Prepositions 1.1. General Use and Form 1.2. Prepositions of Place, Movement, Time 1.3. Common Prepositional Phrases 2. Adjectives 2.1. Adjectives with Nouns and Verbs 2.2. Orders of Adjectives 2.3. Comparison of Adjectives 3. Adverbs 3.1. Types of Adverbs 3.2. Orders of Adverbs 3.3. Comparison of Adverbs	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 3: Tenses: Present; Past, Present Perfect 1. Present Tenses 1.1. Present Simple	3	1,5	1,5	0	0	11

1.2. Present Continuous 2. Past Tenses 2.1. Past Simple 2.2. Past Continuous 2.3. Past Perfect Simple 2.4. Past Perfect Continuous 3. Present Perfect						
Nội dung 4: Future Forms and Modal Verbs 1. Future Forms 1.1. Going to; Present Continuous and Will 1.2. Future Continuous, Future Perfect 1.3. Other Ways to Talk about the Future 2. Modal Verbs 2.1. Ability; Possibility, Permission, Requests; Suggestions; Offers... 2.2. Making a Guess 2.3. Rules	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 5: Conditionals 1. Present, Future Conditionals 2. Past Conditionals 3. Mixed Conditionals 4. I wish; if only; it's time...	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 6: Word Order and Sentence Patterns 1. Word Order in Statement 2. It and There 3. Yes/ No Questions 4. WH - Questions	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 7: Verbs with ING - Forms and Infinitives 1. Verb + ING Forms 2. Verb + Infinitives 3. Verbs + ING or Infinitives	2	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 8: Reported Speech 1. Reported Statements 2. Reported Questions 3. Reported Orders, Requests and	3	1,5	1,5	0	0	11

Advice						
4. Reported Verb Patterns						
Nội dung 9: Relative, Particle and Other Clauses; Linking Words 1. Relative Clauses 2. Particle Clauses 3. Infinitive Clauses 4. Other Noun Structures 5. Linking Words 5.1 Reasons and Purposes 5.2. Causes and Results 5.3. Additional Information	3	1,5	1,5	0	0	11
Nội dung 10: Passive Forms 1. The Passive 2. Passive with Modals and Other Verbs 3. Have something done 4. Passive Reporting Verbs	2	1,5	1,5	0	0	12
Nội dung 11: Word Combinations and Word Formation 1. Common Collocations 2. Adjective, Noun, Verb + Prepositions 3. Phrasal Verbs 4. Confusing Adjectives and Verbs 5. Forming Nouns, Adjectives and Adverbs 6. Compound Nouns and Adjectives	2	1,5	1,5	0	0	12
Nội dung 12: Formal, Written and Spoken English 1. Punctuation 2. Ways to Avoid Repeating Words 3. Using Word Orders for Emphasis 4. Using Nouns Instead of Verbs 5. Formal Language 6. Spoken Question Forms 7. Expressing Agreement, Disagreement, Feeling, Ideas and Emphasis 8. Other Spoken Features	2	1,5	1,5	0	0	12

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài kiểm tra ngữ pháp số 1	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài kiểm tra ngữ pháp số 2	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO1, CLO2, CLO3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubic đánh giá kiểm tra cuối kì	CLO1, CLO2, CLO3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Mark Foley & Danie Hall (2012), *My GrammarLab – Intermediate B1/2*. Pearson Education Limited.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. L.G Alexander (2012), *Longman English Grammar*, Longman Limited
2. Thompson, A., Martinetz, A (2012), *A Practical English Grammar*, Oxford University Press.

6.11a. NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC/ PHONETICS AND PHONOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã HP: 132055

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm

CO2: Tạo môi trường cho sinh viên vận dụng những hiểu biết cơ bản về âm vị, cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm và các yếu tố siêu đoạn tính để phát triển khả năng phát âm tiếng Anh của mình

CO3: Phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh

CO4: Cung cấp tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm

CLO2: Từng bước tạo môi trường cho sinh viên vận dụng những hiểu biết cơ bản về âm vị, cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm và các yếu tố siêu đoạn tính để phát triển khả năng phát âm tiếng Anh của mình

CLO3: Có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh,

CLO4: Nghiên cứu được các vấn đề liên quan đến Ngữ âm - âm vị học

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Course Introduction	3	2	0	2	0	16
Chương 2: Vowels and Consonants	3	2	0	2	0	17
Chương 3: Monophthongs	4	3	0	3	0	17
Chương 4: Diphthongs	3	2	0	2	0	17

Chương 5: Triphthongs	3	2	0	2	0	17
Chương 6: Consonants	4	3	0	3	0	17
Chương 7: Stress	4	2	0	2	0	17
Chương 8: Intonation and tone	3	2	0	2	0	17
Tổng	27	18	0	18	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, dự án nhóm, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra vấn đáp	Rubric 4 (đánh giá bài kiểm tra vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Vấn đáp	Rubric 5 (đánh giá bài thi vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Peter Roach. (2009). *English Phonetics and Phonology*. NXB Cambridge: CUP

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyen Quoc Hung (2009) Kỹ thuật Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

[2]. Anne Baker (2000). *Sheep or Ship*. Cambridge: CUP

6.11b. LUYỆN PHÁT ÂM TIẾNG ANH/ ENGLISH PRONUNCIATION PRACTICE

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL-BT, 18TH)

- Mã HP: 132055

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, Khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh như hệ thống ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm, ngữ điệu, cao độ, trường độ, các âm vị và biến thể âm vị, thành phần và vị trí của âm tiết trong từ; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm, nội dung về các yếu tố siêu đoạn tính .vv

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm

CO2: Tạo môi trường cho sinh viên vận dụng những hiểu biết cơ bản về âm vị, cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm và các yếu tố siêu đoạn tính để phát triển khả năng phát âm tiếng Anh của mình

CO3: Phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh

CO4: Cung cấp tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm – Âm vị học.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm

CLO2: Từng bước tạo môi trường cho sinh viên vận dụng những hiểu biết cơ bản về âm vị, cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm và các yếu tố siêu đoạn tính để phát triển khả năng phát âm tiếng Anh của mình

CLO3: Có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh,

CLO4: Nghiên cứu được các vấn đề liên quan đến Ngữ âm - âm vị học

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Course Introduction	3	2	0	2	0	16
Chương 2: Vowels and Consonants	3	2	0	2	0	17
Chương 3: Monophthongs	4	3	0	3	0	17
Chương 4: Diphthongs	3	2	0	2	0	17
Chương 5: Triphthongs	3	2	0	2	0	17
Chương 6: Consonants	4	3	0	3	0	17
Chương 7: Stress	4	2	0	2	0	17
Chương 8: Intonation and tone	3	2	0	2	0	17
Tổng	27	18	0	18	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, dự án nhóm, trình bày trực quan...

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra vấn đáp	Rubric 4 (đánh giá bài kiểm tra vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Vấn đáp	Rubric 5 (đánh giá bài thi vấn đáp)	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Mark Hancock (2003) *English Pronunciation in Use*. NXB Cambridge

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyen Quoc Hung (2009). *Luyện phát âm tiếng Anh Mỹ*. NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh
2. Yates, J. (2005). *Pronounce it perfectly in English*. Barron

6.12. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng	3	0	0	2		12

1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số						
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phân lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy	Rubric 6	CLO1, CLO2,	50%

	tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập		CLO3, CLO4, CLO5	
--	--	--	------------------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Minh Quý, 2013, *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.
2. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

6.13. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH/ SCIENTIFIC RESEARCH METHODOLOGY IN ENGLISH

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36TL-BT)
- Mã HP: 132080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH-PPGD TA, Khoa NN

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Kiến thức cơ bản về khái niệm về nghiên cứu trong hoạt động dạy học, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trên thế giới, đặc biệt trong ngôn ngữ học ứng dụng như: phương pháp điều tra, phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm và các kỹ thuật thu thập và xử lý số liệu của một nghiên cứu như: phỏng vấn, quan sát, thống kê, khảo sát, đối chiếu, miêu tả v.v.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Cung cấp các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học
- CO2: Cung cấp các nội dung cơ bản trong nghiên cứu khoa học như: các loại hình nghiên cứu cơ bản, thành phần của một nghiên cứu, quy trình tiến hành nghiên cứu, các công cụ thu thập và xử lý số liệu, đạo đức trong nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, các dạng báo cáo đề tài, cách viết báo cáo đề tài v.v...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học trong giảng dạy tiếng anh và nghiên cứu ngôn ngữ.
- CLO2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.
- CLO3: Thực hiện được nghiên cứu khoa học trong lĩnh giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.
- CLO4: Phân tích và đánh giá được các báo cáo khoa học.
- CLO5: Nắm vững và tuân thủ nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chapter 1: Generating & Conducting Research. What is Classroom Research All About? Basic Steps in Planning and Conduct of Research Other Considerations	6	4	3			
Chapter 2: The Questionnaire 2.1. What are Questionnaires and What do they measure? 2.2. Why Use Questionnaires and Why not? 2.3. Constructing the Questionnaire 2.4. How to write good Items? 2.5. Piloting the Questionnaire 2.6. Administering the Questionnaire 2.7. Strategies to Increase the Quality and Quantity of Participants' Response 2.8. Processing Questionnaire Data.	5	4	3			
Chapter 3: The Interview 3.1. Interview Data 3.2. Types of Interviews 3.3. Planning and Conducting Interviews	5	4	3			

3.4. How to Use the Interview Data in Your Paper						
Chapter 4: Observation in Classroom Research 4.1. Design Your Own Classroom Research 4.2. Conducting Classroom Observation	5	4	3			
Chapter 5: Writing Up a Research Paper 5.1. The Structure of a Research Paper 5.2. Writing the Abstract 5.3. Writing the Introduction 5.4. Writing the Literature Review 5.5. Writing the Methodology Chapter 5.6. Writing the Results and Discussion Chapter 5.7. Writing the Conclusion 5.8. Referencing the Research Paper: The APA 5.9. Appendices 5.10. A Research Paper: Checklists 5.11. How to Write a Research Proposal	6	4	4			

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi lý thuyết: - Kiểm tra viết trên giấy - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO 4, CLO5	30%
2	Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu - Báo cáo sản phẩm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	

	- Mục đích: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học. - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là một bản đề cương nghiên cứu.			
3	Thực hành xây dựng công cụ nghiên cứu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học. - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là một bộ công cụ thu thập số liệu.	Rubric 3	CLO1, CLO3, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Làm bài kiểm tra viết trên giấy - Mục đích: Đánh giá kiến thức đã học (ghi nhớ, vận dụng, sáng tạo). - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO4, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết trên giấy (các dạng câu hỏi kiểm tra khả năng ghi nhớ, vận dụng, sáng tạo) - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Eli Hinkel. (2011). *Handbook of research in second language Teaching and learning*. Routledge.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. David Nunan. (1992). *Research methods in language learning*. Cambridge University Press.

2. Vũ Cao Đàm. (2022). *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

NGOẠI NGỮ 2: CHỌN 1 TRONG 2 NGOẠI NGỮ

6.14a. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG PHÁP 1/SECOND FOREIGN LANGUAGE - 1: FRENCH 1

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: **133069**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp nội dung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng nghe nói đọc viết Tiếng Pháp. Hiểu biết về văn hóa văn minh Pháp, đất nước con người danh lam thắng cảnh và thành phố nổi tiếng của nước Pháp. Sử dụng tiếng Pháp như ngoại ngữ hai sau tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Bước đầu hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản trong thực tế. từ vựng về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như gia đình, thành phố, các ngày tháng năm, số đếm, số thứ tự...
- CO2: Kiến thức về các nguyên âm, phụ âm, các nguyên tắc ghép âm, nối âm, luyện âm
- CO3: Kiến thức về các đại từ, cách chia các động từ cơ bản trong tiếng Pháp ở các thì đơn giản như hiện tại, tương lai gần, thức mệnh lệnh; các mạo từ, tính từ sở hữu, trạng từ; các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản.
- CO4: Văn hóa văn minh Pháp: hiểu biết về nền văn hóa Pháp như các thành phố lớn của Pháp, nếp sinh hoạt của người Pháp...

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Kiến thức CLO1	<i>Hiểu, phân biệt, phân tích, áp dụng</i> được các kiến thức về ngữ pháp tiếng Pháp: mạo từ bộ phận, đặt câu hỏi với đảo động từ, động từ phản thân, mệnh lệnh thức, các nhóm từ diễn đạt số lượng, giới từ và trạng từ chỉ nơi chốn...
	<i>Nhớ được</i> kiến thức từ vựng thông dụng trong tiếng Pháp : món ăn, bữa ăn, ngày lễ hội, hoạt động hàng ngày, gia đình và các mối quan hệ, màu sắc, miêu tả ngoại hình, tính cách
	<i>Hiểu</i> kiến thức cơ bản văn hóa, xã hội của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ. So sánh với văn hóa Việt Nam và phương Đông.
	<i>Nhớ, vận dụng</i> được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, phát âm, đánh vần, nối, luyện các âm trong tiếng Pháp.
Kỹ năng thực	<i>Viết</i> cau về các bữa ăn và món ăn yêu thích, nơi ở, gia đình, giới thiệu một thành viên trong gia đình, bạn bè, người nổi tiếng, kể về kỳ nghỉ vừa qua

hành	<i>Hiểu và lựa chọn</i> đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống sau khi đọc một đoạn văn bằng tiếng Pháp về các chủ đề đã học
	<i>Hiểu ý chính</i> một đoạn văn về các chủ đề : lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới, tin nhắn thông báo, thư mời, giai đoạn và những kỷ niệm trong cuộc đời, phong cách ăn mặc, khí hậu ở nước Pháp,
CLO2	<i>Nghe và lựa chọn</i> đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống; nghe xác định thông tin đúng sai
CLO3	<i>Nói tiếng Pháp</i> trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ...
CLO4	<i>Xây dựng</i> thái độ học tập tích cực, năng lực tự học
	<i>Hình thành, tổ chức</i> làm việc nhóm
	<i>Triển khai</i> hoạt động tương tác nhóm hiệu quả
	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm
CLO5	<i>Xác định</i> cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
	<i>Xây dựng</i> hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa
	<i>Thực hiện</i> hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc
	<i>Cải thiện</i> năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Unité 0: Commencer en français 0.1 . Adopter le français comme langue de la classe 0.2. Comprendre la méthode 0.3 . Dire son nom 0.4 . Les actes essentiels de politesse	7		8	9		24
Unité 1: Arriver dans un pays francophone 1.1. aborder ou accueillir quelqu'un 1.2. se présenter sur un forum 1.3 compléter une fiche de renseignements 1.4 s'inscrire sur un réseau social ou dans un club	8	8	7			30

1.5. Projet :Créer le groupe Facebook de la classe						
Unité 2: Découvrir une ville 2.1. s’orienter et trouver une adresse dans une ville 2.2. s’informer grâce à un guide ou un site dédié 2.3. les prépositions de lieu 2.4. le calendrier des manifestations de l’année à 2.5. Présenter une ville	7	8	9			26
Unité 3: Vivre dans une famille 3.1. Rencontrer les membres d’une famille 3.2. S’adapter à de nouvelles habitudes et à un rythme de vie 3.3. Organiser son temps comprendre et dire l’heure 3.4. Exprimer ses goûts et ses préférences 3.5. Projet :Présenter une famille	8	9	8			40

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi chuyên cần của GV	CLO4	10 %
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100	CLO3	5%

		từ về một chủ đề đã học		
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CLO3, 4	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO 1, 2,3	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1, 2, 3, 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances niveau A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, *Grammaire essentielle du français A1 A2*, Didier, 2015.

[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, & Trương Thị Minh. (2023). *Entrainement du Français thématique*. NXB Thanh Hoá.

6.15a. NGOẠI NGỮ II – 2: TIẾNG PHÁP 2/ SECOND FOREIGN LANGUAGE - 2: FRENCH 2

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: **133005**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học có khả năng phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ rồi từng câu. Từ đó nói được những câu ngắn thông dụng trong giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Pháp. Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại;

- CO2: Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp. Kiến thức về từ vựng để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản.

- C03: Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến công việc. Thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- C04: Văn hóa văn minh Pháp: hiểu biết về nền văn hóa Pháp như các thành phố lớn của Pháp, nếp sinh hoạt của người Pháp...

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Kiến thức CLO1	<i>Hiểu, phân biệt, phân tích, áp dụng</i> được các kiến thức về ngữ pháp tiếng Pháp
	<i>Nhớ được</i> kiến thức từ vựng thông dụng trong tiếng Pháp
	<i>Hiểu</i> kiến thức cơ bản văn hóa, xã hội của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ. So sánh với văn hóa Việt Nam và phương Đông.
	<i>Nhớ, vận dụng</i> được các kiến thức cơ bản về ngữ âm, phát âm, đánh vần, nối, luyện các âm trong tiếng Pháp.
Kỹ năng thực hành	<i>Viết</i> đoạn văn về các bữa ăn và món ăn yêu thích, nơi ở, thư đi du lịch, thư mời, thư cảm ơn...
	<i>Hiểu ý chính</i> một đoạn văn về các chủ đề : lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới
	<i>Hiểu ý chính</i> một đoạn văn về các chủ đề : lễ hội, gia đình và bạn bè, thói quen của người Pháp, thư về nơi ở mới, tin nhắn thông báo, thư mời, giai đoạn và những kỷ niệm trong cuộc đời, phong cách ăn mặc, khí hậu ở nước Pháp,
CLO2	<i>Nghe và lựa chọn</i> đáp án đúng, điền từ vào chỗ trống; nghe xác định thông tin đúng sai
CLO3	<i>Nói</i> tiếng Pháp trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ, nói về hoạt động trong ngày, các thành viên và mối quan hệ trong gia đình
CLO4	<i>Xây dựng</i> thái độ học tập tích cực, năng lực tự học
	<i>Hình thành, tổ chức</i> làm việc nhóm
	<i>Triển khai</i> hoạt động tương tác nhóm hiệu quả
	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm
CLO5	<i>Xác định</i> cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
	<i>Xây dựng</i> hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa

	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc
	Cải thiện năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Unité 4: Participer à une sortie 4.1 . inviter et répondre à une invitation 0.2. préparer un pique-nique 0.3 . exprimer son accord et son désaccord 0.4 . • rapporter les paroles de quelqu'un 4.5. Projet : Faire un programme de sortie	10		5	10		45
Unité 5: Voyager 5.1. raconter un voyage 5.2. organiser et faire un voyage 5.3. résoudre des problèmes lors d'un voyage 5.4. visiter une région 5.5. Projet : Écrire une carte postale ou un courriel de voyage	10		10	8		45
Unité 6: Faire des achats 2.1. choisir un vêtement, un cadeau 2.2. acheter chez un commerçant ou sur internet 2.3. comment je m'habille 2.4. vous etes un commercant responsabe ? 2.5. faire un cadeau	7		8	9		45

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi chuyên cần của GV	CLO4	10 %
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100 từ về một chủ đề đã học	CLO3	5%
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CLO3, 4	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO 1, 2, 3	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1, 2, 3, 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances niveau A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, *Grammaire essentielle du français A1 A2*, Didier, 2015

[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, & Trương Thị Minh. (2023). *Entrainement du Français thématique*. NXB Thanh Hoá.

6.16a. NGOẠI NGỮ II – 3: TIẾNG PHÁP 3/SECOND FOREIGN LANGUAGE - 3: FRENCH 3

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: **133050**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

1. Mô tả học phần

Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Mục tiêu học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngôn ngữ ở trình độ trung cấp về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội cơ bản của nước Pháp và các nước trong cộng đồng Pháp ngữ để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ; hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng tiếng Pháp. Học phần tiếp tục củng cố và tăng cường những kiến thức chuyên sâu hơn về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Pháp. Sinh viên có thể nói, viết những câu phức, hai mệnh đề bằng tiếng pháp và nghe các đoạn hội thoại hoặc phóng sự bằng tiếng Pháp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- CO2: Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu đơn giản để có thể sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp. Kiến thức về từ vựng để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản.

- CO3: Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc. Thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- CO4: Văn hóa văn minh Pháp: hiểu biết về nền văn hóa Pháp như các thành phố lớn của Pháp, nếp sinh hoạt của người Pháp...

3. Chuẩn đầu ra học phần

Kiến thức CLO1	Ngoài việc biết phát âm chuẩn các từ, các cụm từ trong tiếng Pháp, người học phải sử dụng được các hiện tượng ngữ âm như nói, luyện, lên giọng, trọng âm trong từ, cụm từ và các loại câu trong Tiếng Pháp
	Người học hiểu, nhớ, vận dụng cách dùng các thì trong tiếng Pháp. Nắm vững các hiện tượng ngữ pháp và các cấu trúc câu phức tạp hai mệnh đề với các đại từ liên hệ trong tiếng Pháp để sử dụng trong các tình huống của bài học và ứng dụng vào thực tế giao tiếp.
	Hiểu, nhớ và sử dụng có hiệu quả hệ thống từ vựng các chủ đề thường ngày

	như Du lịch, mua sắm, thời trang, thời tiết và các mẫu thư thường gặp trong hành chính. Có đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như âm nhạc, điện ảnh Người học tiếp tục nâng cao hiểu biết về cuộc sống văn hóa Pháp và so sánh các thói quen, tập quán văn hóa của người Pháp với người Việt về các chủ đề từ vựng
Kỹ năng thực hành	Có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh. Có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v...; Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình; Có thể xác định các kết luận chính trong các văn bản nghị luận có sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ rõ ràng Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc
CLO2	Có thể nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày; Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến; Có thể hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng nếu lời nói được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực
CLO3	Nói tiếng Pháp trong các tình huống: về bản thân, miêu tả phòng ở, tổ chức tiệc, ẩm thực, đặt phòng khách sạn, sức khỏe, miêu tả người, kể về kỳ nghỉ, nói về hoạt động trong ngày, các thành viên và mối quan hệ trong gia đình
CLO4	<i>Xây dựng</i> thái độ học tập tích cực, năng lực tự học <i>Hình thành, tổ chức</i> làm việc nhóm <i>Triển khai</i> hoạt động tương tác nhóm hiệu quả Làm việc hiệu quả giữa các nhóm
CLO5	<i>Xác định</i> cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp <i>Xây dựng</i> hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa <i>Thực hiện</i> hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc <i>Cải thiện</i> năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Unité 7- Se faire des relations: 7.1.faire la connaissance de quelqu'un : engager 7.2. poursuivre la conversation en parlant 7.3. son travail, de ses relations, de ses intérêts 7.4. échanger des messages amicaux 7.5. Projet : Présenter une personnalité	10		5	10		45
Unité 8- Organiser ses loisirs: 8.1. aller au cinéma et au concert 8.2. regarder la télévision 8.3. faire du sport 8.4. Projet: Créer votre programme télé	10		10	8		45
Unité 9- Se loger 9.1. choisir un environnement et un logement 9.2. aménager son cadre de vie 9.3. résoudre un problème propre au logement 9.4. se déménager 9.4. projet: Imaginer votre logement idéale	7		8	9		45

5. Phương pháp dạy học:

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi	CLO4	10 %

	trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	chuyên cần của GV		
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100 từ về một chủ đề đã học	CLO3	5%
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CLO3, 4	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO 1, 2, 3	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1, 2, 3, 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính

[1]. Jacky Girardet, Jacques Pécheur, 2016 « *Tendances niveau A1* » - *Méthode de français*, NXB CLE International/ VUEF, Tours, France. (D1)

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Ludivine Glaud et Muriel Lannier, *Grammaire essentielle du français A1 A2*, Didier, 2015

[2]. Trịnh Cẩm Xuân, Lê Thị Ngọc Anh, & Trương Thị Minh. (2023). *Entraînement du Français thématique*. NXB Thanh Hoá.

6.14b. NGOẠI NGỮ II – 1: TIẾNG TRUNG QUỐC 1/SECOND FOREIGN LANGUAGE - 1: CHINESE 1

- Số tín chỉ: 04
- Mã học phần: **133009**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các nội dung về luyện tập từ ngữ, cách chào hỏi, xưng hô, miêu tả về gia đình, bạn bè. Kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Trung Quốc, học phần tập trung vào việc rèn luyện các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở các tình huống đơn giản theo khuôn mẫu.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: có khả năng biểu đạt ý mình muốn nói, trình bày các tình huống, chủ đề trong giao tiếp hàng ngày, miêu tả địa điểm, con người biết viết và nghe những câu đơn giản trên cơ sở nắm vững được vốn từ vựng, hệ thống ngữ âm và ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung Quốc hiện đại.

- CO2: vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, biết cách làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

- CO3: Hiểu biết về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Hiểu, phân biệt và áp dụng được kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc;

- CLO2: Hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Trung Quốc;

- CLO3: Giao tiếp một cách đơn giản nhất nếu người nói sử dụng Tiếng Trung Quốc với tốc độ chậm một cách chậm rãi;

- CLO4: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
1- 第一课：你好！ 2 - 第二课：汉语不太难	5		3	3		24
3. 第三课：谢谢 4. 第四课：你去哪儿	5		3.5	3.5		24
5. 第五课：这是什么书一-生词 6. 第六课：复习一一-生词	5		3	3		24
7. 第七课：我学习汉语一-生词 8. - 第八课：你吃什么	5		4	4		24

9. 第九课: 苹果一斤多少钱一-生词	5		3	3		24
10. 第十课: 我换人民币						
11. - 第十一课: 他住哪儿	5		3.5	3.5		24
12. - 第十二课: 复习二						
13. - 第十三课: 我们都是留学生一- 生词: 介绍和解释三十二个生词二- 课文	6		4	4		36
14. -第十四课: 你在哪儿学习						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi chuyên cần của GV	CLO4	10 %
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO2	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100 từ về một chủ đề đã học	CLO3	5%
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CL2,3,4	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO 1, 2,3	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1, 2, 3, 4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

[1] Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ**, tập 1 quyển thượng, NXB ĐH sư phạm, năm 2002.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thanh Liêm - **Giáo trình Hán ngữ** tập 1 quyển hạ, NXB ĐH Sư phạm – Năm 2002.

2. Trịnh Văn Giới - **301 câu đàm thoại tiếng Hoa**, NXB Khoa học xã hội.

6.15b. NGOẠI NGỮ II – 2: TIẾNG TRUNG QUỐC 2/ SECOND FOREIGN LANGUAGE - 2: CHINESE 2

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 133011
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 1

1. Mô tả học phần:

Học phần Tiếng Trung Quốc 2 bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các nội dung liên quan đến chủ đề về thể thao, du lịch, danh lam thắng cảnh v.v...

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học có thể vận dụng một phần kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp thông thường.

- CO2: Người học vận dụng được kiến thức đã học sử dụng trong giao tiếp, biết cách làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

- CO3: Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ...

của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản về các chủ đề thường gặp hàng ngày;
- CLO2: có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực.
- CLO3: Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
1. 第四十六课: 我们走下去吧	4		1.5	1.5		15
2.第四十七课: 会议中心的门开着呢一- 生词：介绍和解释四十三个生词二-课文	4		3	3		20
3.第四十八课: 复习八一-生词	4		3	3		20
4. 第四十九课: 前边开过来一辆空车一- 生词介绍和解释三十九个生词二-课文	4		3	3		20
5. 第五十课: 请把护照和机票交给我一- 生词: 介绍和解释三十九个生词二-课文	4		3	3		20
6. 第五十一课: 把吸尘器递给我	4		3	3		20
7. 第五十二课: 我的腿被自行车撞伤了一- 生词：介绍和解释四十三个生词二-课文	3		1.5	1.5		20

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi chuyên cần của GV	CLO4	10 %
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100 từ về một chủ đề đã học	CLO1	5%
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CLO1, 2,3	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO1,2,3	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1,2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1 Giáo trình chính

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ*, NXB ĐH Sư phạm, năm 2012.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thanh Liêm (biên dịch), *Giáo trình Hán ngữ cơ sở tập 3 quyển thượng*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, năm 2002

6.16B. NGOẠI NGỮ II – 3: TIẾNG TRUNG QUỐC 3/SECOND FOREIGN LANGUAGE - 3: CHINESE 3

- Số tín chỉ:03
- Mã học phần: **133010**
- Bộ môn quản lý học phần: Ngoại ngữ không chuyên
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 2

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Trung Quốc theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm các nội dung về giao tiếp hàng ngày, các bài đọc hiểu về cuộc sống, con người Trung Quốc. Mỗi nội dung bài học gồm 5 phần: Ngữ âm, Từ vựng, Bài đọc hiểu, Ngữ pháp, luyện tập.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, có năng lực làm việc với người khác như làm việc nhóm, biết cách giao tiếp với người Trung Quốc trong những tình huống giao tiếp, ứng xử thường ngày. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.

- CO2: Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như các hoạt động nhóm. Học tiếng Trung Quốc để hiểu thêm về lịch sử, văn hóa ... của Trung Quốc, từ đó góp phần bảo vệ, phát huy tinh hoa của dân tộc, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc để sử dụng trong các tình huống giao tiếp thông thường;

- CLO2: có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
1. 第五十三课: 有困难找民警一-生词	3		1.5	1.5		16
2. 第五十四课: 复习九一-生词	3		3	3		18
3. 第五十五课: 京剧我看得懂, 但是听不懂一-生词	4		3	3		20
4. 第五十六课: 山这么高, 你爬 得上去吗一-生词	3		2	2		16

5. 第五十七课: 我想起了一-生词	4		2.0	2.0		16
6. 第五十八课: 寒假你打算去哪旅行一-生词	4		3	3		20
7. 第五十九课: 吉利的数字一-生词	3		2.0	2.0		16
8. 第六十课 :复习十一-生词	3		1.5	1.5		13

5. Phương pháp dạy học:

Sử dụng phương pháp theo đường hướng giao tiếp lấy người học là trung tâm. Phát hiện các hiện tượng ngữ pháp thông qua các tình huống giao tiếp cụ thể trong video ngắn của giáo trình. Tăng thời lượng thực hành và giao tiếp của sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá thường xuyên:			30%
1.1	Ý thức học tập (chuyên cần, thái độ học tập) Có mặt tối thiểu 80% giờ trên lớp và tham gia tích cực các hoạt động học trên lớp, hoạt động nhóm ngoài lớp học, làm bài tập	Danh sách điểm danh và bảng theo dõi chuyên cần của GV	CLO2	10 %
1.2	Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng	bài kiểm tra trắc nghiệm	CL01	5%
1.3	Kiểm tra kỹ năng nghe	bài kiểm tra trắc nghiệm	CLO1	5%
1.4	Kiểm tra kỹ năng viết	Viết bài luận 100 từ về một chủ đề đã học	CLO1	5%
1.5	Kiểm tra kỹ năng nói và làm việc nhóm	Làm video theo nhóm, bằng tiếng Pháp	CLO2	5%
2	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Kiểm tra kỹ năng đọc hiểu, ngữ pháp, từ vựng kỹ năng nghe, viết	Bài kiểm tra trắc nghiệm và viết	CLO1	20%
3	Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Kiểm tra năng lực tổng kết hóa các kiến thức	Trắc nghiệm trên máy tính	CLO1,2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ, tập 2 quyển hạ*, NXB ĐHSP, năm 2002.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thanh Liêm, *Giáo trình Hán ngữ tập 3 quyển thượng*, NXB ĐHQG Hà Nội, năm 2002

2. Trương Văn Giới, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, NXB Khoa học xã hội

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát

triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: (LT) -Giáo dục thể chất trong các trường đại học -Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II.(TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vận mình				2		6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân				2		6
Nội dung 4: (TH)				2		6

Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy						
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vận mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vận mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)				2		6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).				2		6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.				2		6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.				2		6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.				2		6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6

Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp trên chính diện				2		6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng	2			28		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			

	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%
--	-----------	--	---------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

- 1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội
- 2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- 3). Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu , NXB ĐHSP.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- 4). ỦY BAN TĐTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TĐTT.

Giáo dục thể chất 2/ Physical education

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và				2		6

trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển						
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..				2		6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.				2		6

Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.				2		6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.				2		6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy

chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyển bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyển bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính :

1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*, NXB ĐHSP

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.

3). Đinh Văn Lắm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191033

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá				2		6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.				2		6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>				2		6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.				2		6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân				2		6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>				2		6

Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.				2		6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên				2		6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.				2		6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>				2		6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn				2		6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>				2		6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.				2		6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3. 4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1). PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

8.2. Tài liệu tham khảo:

1). Ủy ban TDTT (2011), Luật thi đấu Bóng đá 5 người “futsal”, NXB TDTT

2). TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191034

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học				2		6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh				2		6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập: - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.				2		6
Nội dung 4: (TH)				2		6

- Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực						
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)				2		6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyên - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyên bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyên, bắt bóng bằng 1 tay.				2		6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật:				2		6

- Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ khu vực kim người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu				2		6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m				2		6

- Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng một tay trên cao.						
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	-Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. -Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSPT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. TDTT. Bộ văn hoá TDTL. Luật Thi Đấu bóng rổ. (2018). TDTL
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic -Tổ chức thi đấu Aerobic; -Bảy bước cơ bản				2		6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản				2		6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)				2		6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)				2		6
Nội dung 5:				2		6

-Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) -Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)						
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				2		6
Nội dung 7: -Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) -Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				2		6
Nội dung 8: -Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V				2		6
Nội dung 9: -Liên kết 5 tổ hợp từ I – V -Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)				2		6
Nội dung 10: -Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6
Nội dung 11: -Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) -Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII				2		6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết				2		6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :

1). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2008) *Thế dục*; TDTT HN.

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn. (2009). *Thế dục*; TDTT HN.

3). Đặng Quốc Nam. (2014). *Thế dục tập I, II*. NXB TDTT

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn				2		6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm mức				2		6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá gạt) -Đá cạnh chân				2		6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)				2		6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6

Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)				2		6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)				2		6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)				2		6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)				2		6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)				2		6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)				2		6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền				2		6
Tổng				30		90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;

Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03 bài)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDTT.

8.2. Tài liệu tham khảo:

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3). Nguyễn Chánh Tư (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TDTT, HN.

I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số ĐVHT: 3 (37, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
2	+ Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
3	+ Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
4	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

Giáo trình chính:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến*

tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số ĐVHT: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)			
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung thảo luận nhóm	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II Kiểm tra giữa kỳ				
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	20%
III Thi cuối kì				
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

- Tài liệu bắt buộc:

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng hcm về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

III. Học phần 3: Học phần quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	30%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Kết thúc bài 6 tiến hành 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%

III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Học liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Học liệu tham khảo:

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập.	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
2	Thái độ, ý thức học tập của sinh viên (công tác chuẩn bị trước khi lên lớp: học bài cũ, đọc bài mới hay ghi nhớ lượng kiến thức đã học trong các nội dung trước...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
3	Ý thức tham gia thảo luận xây dựng bài thông qua gợi ý trong từng nội dung bài học (nhận thức bài học trên lớp của sinh viên ...)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
4	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên ở các nội dung huấn luyện.	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
5	Tinh thần làm việc nhóm trong các nội dung huấn luyện thực hành.	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
1	Kiểm tra viết (02 bài): Kết thúc bài 2 và bài 4 tiến hành kiểm tra viết theo hình thức tự luận	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	20%
2	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
III	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu chính:

Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo:

Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

6.17.TÂM LÝ HỌC/ PSYCHOLOGY

- Mã HP: **181080**

- Số tín chỉ: 04

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nhận diện được đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.

- CO2: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học - phát triển trí tuệ; cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.

- CO3: Phân tích được đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

- CO4: Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân; Có khả năng giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.

- CO5: Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức tâm lý học đối với đời sống, đặc biệt hoạt động nghề nghiệp sau này; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO 1: Phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.

- CLO2: Xác định được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.

- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp.

- CLO5: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong công tác giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 1.1.Tâm lý học là gì ? 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC 2.2. Chức năng của tâm lý 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý	3	3			13,5	
Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC 1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người 1.1. Di truyền và tâm lý 1.2. Não và tâm lý	3	3			13,5	

2. Cơ sở xã hội của tâm lý người 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý 2.2. Hoạt động và tâm lý 2.2.1. Khái niệm hoạt động 2.2.2. Đặc điểm của hoạt động 2.2.3. Cấu trúc của hoạt động 2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành TL 2.3. Giao tiếp và tâm lý 2.3.1. Khái niệm giao tiếp 2.3.2. Các loại giao tiếp 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành TL 3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể 3.1. Sự hình thành và phát triển TL về phương diện cá thể 3.1.1. Quan điểm TLHĐVBC về sự phát triển tâm lý 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2.1.1. Ý thức là gì? 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức 3.2.2. Các cấp độ của ý thức 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân 4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức 4.1. Khái niệm chú ý 4.2. Các thuộc tính của chú ý 4.3. Các loại chú ý						
Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC 1. Nhận thức cảm tính 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác	6	6				27

1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác 2. Nhận thức lý tính 2.1. Tư duy 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy 2.1.3. Các thao tác của tư duy 2.1.4. Các loại tư duy 2.2. Tưởng tượng 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng 3. Trí nhớ 3.1. Khái niệm chung về trí nhớ 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 3.2.1. Quá trình ghi nhớ 3.2.2. Quá trình giữ gìn 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 3.2.4. Sự quên và cách chống quên 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ 4. Ngôn ngữ và nhận thức 4.1. Khái niệm ngôn ngữ 4.2. Chức năng của ngôn ngữ 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức						
Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 1. Khái niệm chung về nhân cách 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm của nhân cách 2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 2.1. Xu hướng	6	9				31,5

2.1.1. Khái niệm xu hướng 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng 2.2. Năng lực 2.2.1. Năng lực là gì? 2.2.2. Các mức độ của năng lực 2.2.3. Phân loại năng lực 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX 2.3. Tính cách 2.3.1. Tính cách là gì? 2.3.2. Cấu trúc của tính cách 2.4. Khí chất 2.4.1. Khí chất là gì? 2.4.2. Các kiểu khí chất 2.5. Tình cảm, ý chí 2.5.1. Tình cảm 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm 2.5.1.3. Vai trò của tình cảm 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm 2.5.2. Ý chí 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí 2.5.2.2. Hành động ý chí 2.5.2.3. Hành động tự động hóa 3. Sự hình thành và phát triển nhân cách. 3.1. Giáo dục và nhân cách 3.2. Hoạt động và nhân cách 3.3. Giao tiếp và nhân cách 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách						
Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI - SỰ PHẠM 1. Khái quát về TLHLT và TLHSP 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP 1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và TLH sự phạm 2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ	3	3				13,5

em 2.1. Quan niệm về trẻ em 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển TL trẻ em 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý 2.3. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em 3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em						
Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN) 1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS 2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống 3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS 4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi 5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS. 5.1. Sự hình thành tự ý thức 5.2. Sự phát triển tình cảm 6. Một số vấn đề tư vấn TLH đường	3	3				13.5

cho học sinh THCS						
Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ 3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu 3.1 Sự phát triển của ý thức 3.2. Sự hình thành thế giới quan 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm 4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp 5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT	3	3				13,5
Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC 1. Hoạt động dạy 2. Hoạt động học 2.1. Khái niệm hoạt động học 2.2. Đặc điểm hoạt động học 2.3. Hình thành hoạt động học 2.3.1. Hình thành động cơ học tập 2.3.2. Hình thành mục đích học tập 2.3.3. Hình thành các hành động học 3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học 3.1. Khái niệm về khái niệm 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm 3.3. Sự hình thành khái niệm 3.3.1. Một số nguyên tắc chung 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình	3	6				18

hình thành khái niệm 4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo 4.1. Sự hình thành kỹ năng 4.2. Sự hình thành kỹ xảo 5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ 5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ 6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học						
Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC 1. Đạo đức và hành vi đạo đức 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Hành vi đạo đức 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức 2.3. ý chí và thói quen đạo đức 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS	3	3				13,5
Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân	3	9				22,5

cách của chính mình 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp 2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo 2.2. Năng lực của người thầy giáo 2.2.1. Năng lực dạy học 2.2.2. Năng lực giáo dục 2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm 3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo 3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm 3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm 3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì? 3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm 4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo						
---	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,4	20%	
III	Thi cuối kì (01)				
	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO 1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính*

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.
2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo :*

1. Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục.

6.18. GIÁO DỤC HỌC/ PEDAGOGICS

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 48 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 182005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục ở bậc phổ thông; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; sử dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh THCS, THPT; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp, giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học; đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông.

- CLO2: Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục ở trường phổ thông; Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo và của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

- CLO3: Phát hiện, giải quyết được những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục.

- CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của đổi mới giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp sư phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Phần I. Những vấn đề chung của Giáo dục học Chương I: Giáo dục học là một khoa học 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học 4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác	3	3				13,5
Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 1. Sự phát triển nhân cách của con người 2. Vai trò của di truyền và môi trường trong	2	3				10,5

sự phát triển nhân cách						
3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách						
Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 1. Mục đích giáo dục 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nguyên lý giáo dục 4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường 5. Nội dung giáo dục (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)	5	5				22,5
Phần II: Lý luận dạy học và giáo dục Chương I: Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học 1. Quá trình dạy học 2. Nguyên tắc và nội dung dạy học 3. Phương pháp giáo dục 4. Các hình thức tổ chức dạy học 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	10	12				48
Chương II: Những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục 1. Quá trình giáo dục 2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục 3. Phương pháp giáo dục	10	12				48
Phần III: Người giáo viên trong nhà trường phổ thông 1. Vị trí, chức năng của người giáo viên trung học 2. Đặc điểm của lao động sư phạm của người giáo viên trung học 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên trung học 4. Những yêu cầu đối với người giáo viên trung học 5. Người giáo viên và vấn đề nâng cao trình độ 6. Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên ở trường phổ thông	6	13				37,5

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên(05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình chính:**

1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, Giáo trình Giáo dục học, Tập 1,2, NXB ĐHSP.

* **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT*

6.19. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 198000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức 5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020	6	7				28,5
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bố cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

**Tài liệu tham khảo:*

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học. (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT

6.20. KỸ NĂNG NGHE NÓI 1/LISTENING AND SPEAKING SKILLS 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã HP: 131009
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Nghe Nói 1 cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp (A2) liên quan đến nội dung chủ đề bài học như: giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè, ăn uống, thể thao, du lịch, mua sắm, công việc, đưa ra lời đề nghị, thuyết phục, mời mọc, từ chối, nhận lời, truyền đạt quan điểm, nhận định của mình. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2/6 về kỹ năng nghe, nói tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Được trang bị vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp giúp người học nghe hiểu được nội dung chính của đoạn hội thoại hoặc một bài nói ngắn, nắm được những cấu trúc câu đơn để có thể giao tiếp trong những tình huống đơn giản.

CO2: Nắm được những kỹ năng nghe cơ bản như: xác định được chủ đề của các hội thoại chậm và rõ ràng; xác định được thông tin chính của các bản tin ngắn; hiểu được những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

CO3: Có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhớ, hiểu, và vận dụng cách dùng các từ vựng, cách diễn đạt cơ bản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, các cấu trúc ngữ pháp đơn ở mức độ A2

- CLO2: Nhớ và hiểu các chiến thuật nghe hiểu (cách phát âm, nghe từ khoá, nghe hiểu nội dung chính, chỉ dẫn) các bài hội thoại, bài nói được diễn đạt chậm và rõ ràng.

- CLO3: Nhớ và hiểu cách xây dựng các cuộc hội thoại trong các tình huống giao tiếp hàng ngày, có thể mô tả, trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc, hỏi đáp các thông tin đơn giản về các chủ đề thông dụng.

- CLO4: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe nói.

- CLO5: Chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Kiểm tra, đánh giá	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: My life (Profile)/ Introduction - Communicating in English (3 LT, 1 BT, 1 TL) Unit 1: It’s my life [1]; Unit 1: Introduction and names [2]; Unit 4: Routines [2] 1.1. Course Introduction 1.2. Orientation and tips for listening and speaking 1.2.1 Recognizing appropriate forms of address 1.2.2. Identifying stressed words and reductions 1.3. Listening skills 1.3.1. Listening for names 1.3.2. Listening for time and number 1.3.3. Listening for details 1.3.4. Listening and making predictions 1.4. Speaking skills 1.4.1. Greeting and saying goodbye in variety of ways 1.4.2. Asking and answering questions about basic personal information 1.4.3. Beginning a social conversation and respond appropriately 1.4.4. Introducing yourself and people 1.4.5. Talking about daily activities	3	1	0	1	0	7
Nội dung 2: Entertainment and favourites (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 7: Favourites [2]; Unit 11: Entertainment [2]	2	2	0	1	0	7

2.1. Vocabulary: weekend activities, favourite things and people 2.2. Listening skills 2.2.1. Listening for gist about types of entertainment, favourite things and people 2.2.2. Listening for details about time and entertainment new stories 2.2.3. Listening for acceptances and refusals 2.3. Speaking skills 2.3.1. Talking about favourite TV shows 2.3.2. Making invitations, giving acceptances and refusals						
Nội dung 3: Health and Fitness (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 2: Get active [1]; Unit 8: Sports and exercise [2]; Unit 24: Health [2] 3.1. Vocabulary: sports and exercises, parts of body and health issues 3.2. Listening skills 3.2.1. Listening for gist about sports and activities 3.2.2. Listening for details about how people spend their free time 3.2.3. Listening for frequency of free time activities 3.2.4. Listening and making predictions on how people will say next 3.2.5. Listening for advice 3.3. Speaking skills 3.3.1. Asking for information 3.3.2. Responding to request 3.3.3. Talking about favourite sports 3.3.4. Talking about health issues and giving advice	2	2	0	1	0	7
Nội dung 4: Food and drinks (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL)	2	1	0	1	1	7

Unit 3: Food for thought [1]; Unit 13: Restaurants [2]; Progress test 1 4.1. Vocabulary: food, menu, containers and portions 4.2. Listening skills 4.2.1. Listening for details about learning how to make a sandwich on a TV programme 4.2.2. Listening for gist about unusual foods 4.2.3. Listening for attitudes 4.3. Speaking skills 4.3.1. Talk about food & drink and express opinions 4.3.2. Serving and ordering a meal in a restaurant 4.3.3. Paying for a meal 4.3.4. Talking about a meal 4.4. Bài kiểm tra số 1						
Nội dung 5: Describing rooms and objects (3 LT, 1 BT, 1 TL) Unit 16: Apartment living [2]; Unit 20: Describing thing [2] 5.1. Vocabulary: personal items and furniture in apartments 5.2. Listening skills 5.2.1. Listening for gist of places and positions 5.2.2. Listening for details about departments and description of lost items 5.3. Speaking skills 5.3.1. Describing apartments 5.3.2. Describing lost items	3	1	0	1	0	7
Nội dung 6: Transport (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 4: Going places [1]; midterm test 6.1. Vocabulary: means of transport 6.2. Listening skills: 6.2.1. Listening for key words	2	0	0	1	2	7

6.2.2. Listening for main ideas 6.2.3. Listening for specific information 6.3. Speaking skills 6.3.1. Greeting people you don't know in public 6.3.2 Asking for and providing information about transport and facilities 6.3.2. Checking in 6.3.3. Pronunciation: -s/- es ending 6.4. Bài kiểm tra giữa kì						
Nội dung 7: Vocations and journey (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 4: Going places [1]; Unit 15: Vacations [2] 7.1. Vocabulary: prepositions of movement and adjectives to describe vacations 7.2. Listening skills: 7.2.1. Listening for details of vacation and holiday topic 7.2.2. Listening for gist of enjoying vacations or not 7.2.3. Listening for attitudes 7.3. Speaking skills 7.3.1. Asking for information at a Tourist Information Office 7.3.2 Making and respond to suggestions 7.3.3. Talking about memorable vacation	2	2	0	1	0	7
Nội dung 8: Shopping (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 5: Out of this world [1]; Unit 12: Prices; Unit 19: Shopping [2]; 8.1. Vocabulary: Prices; items in a gift shop; 8.2. Listening skills 8.2.1. Listening for details 8.2.2. Listening for gist 8.2.3. Listening for opinions and	2	2	0	1	0	7

attitudes 8.2.4. Listening for similarities and differences 8.3. Speaking skills 8.3.1. Apologizing and responds 8.3.2. Meeting with a new friend 8.3.3. Greeting and responding in a small talk 8.3.4. Describing people 8.4. Bài kiểm tra số 2						
Nội dung 9: People and family (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 2: My profile: Describing people [2]; Unit 10: The family [2] 9.1. Vocabulary: members in a family and physical appearance 9.2. Listening skills 9.2.1. Listening for gist of types of family 9.2.2. Listening for details of family members 9.2.3. Listening for similarities and differences between members in families 9.2.4. Listening for identifying people 9.3. Speaking skills 9.3.1. Describing a person 9.3.2. Talking about family 9.3.3. Discussing with friends some family problems	2	1	0	1	1	7
Nội dung 10: Acquaintances and friends (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 7: You've got a friend [1]; Unit 14: Small talk [2]; Unit 14: People we know [2]; Progress test 3 10.1. Vocabulary: skills, interests and describing people 10.2. Listening skills 10.2.1. Listening for opinions and attitudes	2	2	0	1	0	7

10.2.2. Listening for gist 10.2.3. Listening for details 10.2.4. Listening for similarities and differences 10.3. Speaking skills 10.3.1. Apologizing/ Responding 10.3.2. Accepting apologies 10.3.3. Meeting with a new friend 10.3.4. Describing people 10.4. Bài kiểm tra số 3						
Nội dung 11: Jobs (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 8: Nice work [1]; Unit 6: Jobs [2] 11.1. Vocabulary: types of jobs 11.2. Listening skills 11.2.1. Listening for key word 11.2.2. Listening for gist 11.2.3. Listening for specific information about different jobs 11.2.4. Listening for attitudes 11.3. Speaking skills 11.3.1. Giving offers and advices 11.3.2. Accepting or refusing the offer and advices 11.3.3. Describing a job	2	2	0	1	0	7
Nội dung 12: Places and directions (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) Unit 9: Out and about [1]; Unit 21: Directions [2]; Unit 23: Places 12.1. Vocabulary: streets and places 12.2. Listening skills 12.2.1. Listening for key words 12.2.2. Listening for main ideas 12.2.3. Listening for specific information 12.2.4. Listening for preferences 12.3. Speaking skills 12.3.1. Describing a place 12.3.2. Asking for and giving directions 12.3.3. Understanding the directions	2	1	0	1	1	7

12.3.4. Talking about city living 12.4. Bài kiểm tra số 4						
Nội dung 13: Revision (1 LT, 1 BT, 1 TL) - Review of listening skills and speaking topics during the course - Format of the final examination - Examination tips - Practice test	1	1	0	1	0	4

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần và thái độ học - Giáo viên kiểm tra, theo dõi và đánh giá hàng ngày, hàng tuần trên lớp - Mục đích: Thúc đẩy và đảm bảo sinh viên tự giác, tích cực học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp một cách liên tục, có hệ thống. - Tiêu chí đánh giá: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ; thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; làm bài tập về nhà đầy đủ	Rubric 1	CLO6 CLO8	30%
2	Bài kiểm tra số 1 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 1-4 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: • Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. • Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. • Phát âm, ngữ điệu	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	

3	Bài kiểm tra số 2 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 5-9 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: • Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. • Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. • Phát âm, ngữ điệu	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
4	Bài kiểm tra số 3 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 10-12 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: • Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. • Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. • Phát âm, ngữ điệu	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Thi Nghe và vấn đáp - Mục đích: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học. - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí (VSTEP – Bậc 2 dành cho người lớn):	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%

	• Phát âm: Mức độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu • Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng • Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp • Độ lưu loát: Tốc độ nói và sự trôi chảy • Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi; Mức độ liên kết và mạch lạc • Chiến lược giao tiếp: Ngôn ngữ cử chỉ và chiến lược lượt lời			
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Thi Nghe</i>: viết, thời gian làm bài 30 phút + <i>Thi Nói</i>: vấn đáp, thời gian 10-12 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên chuyển sang học học phần mới. - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí (VSTEP – Bậc 2 dành cho người lớn): • Phát âm: Mức độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu • Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng • Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp • Độ lưu loát: Tốc độ nói và sự trôi chảy • Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi; Mức độ liên kết và mạch lạc • Chiến lược giao tiếp: Ngôn ngữ cử chỉ và chiến lược lượt lời	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	50%

7. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu

8.1. Tài liệu bắt buộc

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2*. Richmond. [1]
2. Jack, C.Richards. (2010). *Basic Tactics for Listening 3rd Edition*. Oxford University Press [2]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge Key English Test 5*. (2010). Cambridge University Press. [3]
2. *Cambridge Key English Test 6*. (2015). Cambridge University Press. [4]
3. *Cambridge Key English Test 7*. (2015). Cambridge University Press. [5]

6.21. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 1/READING AND WRITING SKILLS 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã HP: 131032
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Đọc viết 1 cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học như: ẩm thực, sức khỏe, thời trang, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại và cách viết câu có liên từ đơn giản, viết sơ yếu lý lịch, viết ghi chú, viết tin nhắn, bưu thiếp, thư thân mật và đoạn văn miêu tả đơn giản. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Có vốn từ vựng, cấu trúc câu, một số kỹ năng đọc cơ bản và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ A2 về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống; biết cách xác định nội dung chính, tìm thông tin chi tiết, dự đoán nội dung trước khi đọc; cách viết cụm từ, câu có sử dụng các liên từ đơn giản, viết các tin nhắn, blog, ghi chú, thư từ thân mật và đoạn văn miêu tả.

CO2: Có thể đọc lướt để tìm thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin, bài báo ngắn mô tả sự kiện, quảng cáo, thực đơn, biển báo, bảng chỉ dẫn; đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc như đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến...Về kỹ năng viết, có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản và nối chúng lại với nhau bằng các liên từ phù hợp, có thể viết thư thân mật và đoạn văn miêu tả đơn giản, có thể viết những ghi chú ngắn, có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn.

CO3: Có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhớ và hiểu cách dùng các từ vựng ở mức độ tiền A2, các cấu trúc ngữ

pháp: các loại từ và cách sử dụng, câu đơn, câu phức, câu ghép, thì và thể của động từ, các quy tắc viết hoa, viết tắt và sử dụng liên từ đơn giản; và áp dụng được các chiến thuật đọc hiểu.

- CLO2: Nhớ, hiểu hoặc áp dụng cách viết sơ yếu lý lịch; cách viết ghi chú, tin nhắn, bưu thiếp; cách viết blog hoặc nhật ký, ghi nhớ; cách viết thư thân mật; cách viết đoạn văn miêu tả.

- CLO3: Vận dụng vốn từ vựng, kiến thức về ngữ pháp đã nhớ và hiểu, các chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu tường tận các loại văn bản ngắn, đơn giản thường gặp trong đời sống, trong môi trường giao tiếp, công việc hay học thuật ở mức độ A2.

- CLO4: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng viết; vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi đọc hiểu, viết thư hoặc viết đoạn văn, vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ học tập, có kỹ năng sắp xếp, quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và của nhóm.

- CLO5: Chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh đó, người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Kiểm tra, đánh giá	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Reading: 1. Course Introduction and orientation 2. Lesson 1: Meet the Smiths (an average British family) [1] 3. Lesson 2: Meeting Friends Online [2] 4. Targeted skills: Scanning for specific information Writing: A personal description [1] 1. Diagnostic Test 2. Present simple 3. Using conjunctions 4. Capital rules 5. Write a personal profile	3	1	0	1	0	7

Nội dung 2: Reading: 1. Lesson 1: Urban magic [1] 2. Lesson 2: The Learning Center [2] 3. Targeted skills: Skimming Writing: A note 1. Present continuous 2. State verb 3. Using punctuation 4. Write a note [handout]	2,5	1,5	0	1	0	7
Nội dung 3: Reading: 1. Lesson 1: Extreme restaurants [1] 2. Lesson 2: Working Holiday [2] 3. Targeted skills: Understanding Main Ideas Writing: Write a holiday blog 1. Countable and uncountable nouns 2. Quantifiers [1] 3. Write a holiday blog Progress Test 1	2	1	0	1	1	7
Nội dung 4: Reading: 1. Lesson 1: The land of ice and fire [1] 2. Lesson 2: Are Sports Important [2] 3. Targeted skills: Making Inferences Writing: Write a postcard 1. Past simple 2. Sequencing words and expressions 3. Write a postcard	2,5	1	0	1,5	1	7
Nội dung 5: Reading 1. Lesson 1: The secret of the solar system [1]	2	1	0	2	0	7

2. Lesson 2: A Postcard from Hong Kong[2] 3. Targeted skills: Understanding the Order of Events Writing: Informal letter 1. Comparatives, Superlatives 2. Subject - verb agreement Write an informal letter/ email - Invitation Letter [handout]						
Nội dung 6: Reading 1. Lesson 1: Crime doesn't pay [1] 2. Lesson 2: Table Manners [2] 3. Targeted skills: Identifying Similarities and Differences Writing: Write informal letter 1. Past continuous 2. Simple sentences 3. Write an informal letter- Letter of Asking for Information [handout] Mid-Term Test	2	1	0	1	1	7
Nội dung 7: Reading: 1. Lesson 1: The secret of the stars [1] 2. Lesson 2: Peer Pressure [2] 3. Targeted skills: Making and Checking Predictions Writing: Describing a person 1. Present Perfect 2. Complex sentence 3. Describe a person [handout]	2	1	0	2	0	7
Nội dung 8: Reading 1. Lesson 1: Teen work [1] 2. Lesson 2: The Tiffin Men [2] 3. Targeted skills: Scanning & skimming Writing: Describe a person (cont) 1. Modals	2	1	0	2	0	7

2. Passive voice 3. Describe a person (cont)						
Nội dung 9: Reading 1. Lesson 1: Oxford this weekend [1] 2. Lesson 2: Artists in Two Languages [2] 3. Targeted skills: Understanding Cause and Effect [2] Writing: Describing an object/ a thing	2	2	0	1	0	7
Nội dung 10: Reading: 1. Lesson 1: Fashion Focus: Street Style [2] 2. Lesson 2: From Trash to Fashion [2] 3. Targeted skills: Understanding Main Ideas in Paragraphs; Reading for Details Writing: Describing an object (cont) Progress Test 2	2	1	0	1	1	7
Nội dung 11: Reading: 1. Lesson 1: A Mysterious Book [2] 2. Lesson 2: Into the Night Sky [2] 3. Targeted skills: Making and Checking Predictions; Skimming for the Main Idea Writing: Describing a place	2	1	0	2	0	7
Nội dung 12: Reading: 1. Lesson 1: Face to Face with a Chupacabra [2] 2. Lesson 2: Alive to Tell Their Tale [2] 3. Targeted skills: Understanding the Order of Events; Making and Checking predictions	2	1	0	2	1	7

Writing: Describing a place (continued)						
Nội dung 13: - Review of reading skills and writing task types - Practice test	1	1	0	1	0	6

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Bài kiểm tra số 1 - Thi viết - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 1-3 - Tiêu chí đánh giá: - Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. - Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO8	30%
2	Bài kiểm tra số 2 - Thi viết - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 5-9 - Tiêu chí đánh giá: - Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. - Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO6,	
3	Thuyết trình - Thuyết trình vào mỗi tuần, thời gian 10-15 phút - Mục đích: Đánh giá khả năng thuyết trình của người học - Tiêu chí đánh giá: Điểm thuyết trình được đánh giá trên các tiêu chí: từ vựng và ngữ pháp; phát âm; nội dung bài	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7,	

	thuyết trình; khả năng truyền tải nội dung bài thuyết trình (tương tác với khán giả, phong thái tự tin,...), mức độ mạch lạc, logic của bài thuyết trình.			
4	Tự học + portfolio - Tự học: Làm đầy đủ các bài thực hành đọc hiểu trong phần Selfstudy, có vở tự học thể hiện tự kiểm tra đáp án và sửa lại bài làm; tổng hợp từ mới và ý chính trong mỗi bài đọc - Portfolio: Đủ 12 phần tương ứng 12 chủ đề viết: Có ít nhất 3 bài thu thập kèm theo 1 bài viết của bản thân. Bài viết có cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc. - Mục đích: Đánh giá quá trình tự học của người - Tiêu chí đánh giá: • Tự học: Người học tự làm các bài thực hành đọc hiểu (practice tests), có bằng chứng thể hiện tự kiểm tra đáp án, tra từ điển từ mới. • Portfolio: Đủ chủ đề viết: Có ít nhất 2 bài thu thập kèm theo 1 bài viết của bản thân lần 1, và bài viết lại lần 2 sau khi giảng viên sửa bài lần 1. Bài viết có cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Thi viết - Mục đích: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học. - Tiêu chí đánh giá: • Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. • Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết	Rubric 6	CLO1,	50%

- Mục đích: Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên chuyển sang học học phần mới. - Tiêu chí đánh giá: • Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. • Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.		CLO2, CLO3, CLO4, CLO6	
---	--	---------------------------------	--

7. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu

8.1. Giáo trình chính

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers A2*. Richmond. [1]
2. Keil J. Anderson (2001). *Active Skills for Reading/INTRO*. Heine and Heine. [2]
3. Alice Savage & Patricia Mayer. (2007). *Effective Academic Writing 1*. CUP [3]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge Key English Test 5*. (2010). Cambridge University Press. [4]
2. *Cambridge Key English Test 6*. (2015). Cambridge University Press. [5]
3. *Cambridge Key English Test 7*. (2015). Cambridge University Press. [6]

6.22. KỸ NĂNG NGHE NÓI 2/ LISTENING AND SPEAKING SKILLS 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 131033

- Bộ môn quản lý học phần: PTKN Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe nói 1

1. Mô tả học phần

Học phần Kỹ năng Nghe nói 2 cung cấp từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng giao tiếp ở mức độ trung cấp (B1) liên quan đến 12 chủ đề bài học gồm: Sự kiện trong quá khứ; đời sống sinh viên; các vấn đề toàn cầu; các mục tiêu trong cuộc sống; sức khỏe và sở thích; mô tả người và vật; điện ảnh; lễ kỷ niệm; đời sống tuổi vị thành niên; kỳ nghỉ; dịch vụ; giải quyết vấn đề. Học phần cung cấp các chiến lược, kỹ năng nghe hiểu và phát triển khả năng nói dựa trên chủ đề của bài học. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Ghi nhớ được từ vựng, các cách diễn đạt và cấu trúc liên quan đến chủ đề nội dung bài học.
- CO2: Xác định được các chiến lược cho kỹ năng nghe hiểu các dạng bài khác nhau của từng nội dung bài học;
- CO3: Xác định được chiến thuật, cách thức giao tiếp để có thể trao đổi thông tin, giao tiếp tương đối tự tin về các chủ đề quen thuộc hàng ngày cũng như những chủ đề không quen thuộc hoặc không liên quan đến lĩnh vực mình quan tâm
- CO4: Vận dụng phương thức giao tiếp, vốn từ và cách diễn đạt để mô tả kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, để trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của bản thân.
- CO5: Thể hiện được khả năng tự học, tự bồi dưỡng, thái độ học tập tích cực, chủ động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày cách dùng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt về các chủ đề nội dung bài học
- CLO2: Vận dụng được các chiến thuật và kỹ năng nghe hiểu (như nghe thông tin chi tiết, nghe ý chính,...) vào làm các dạng bài tập.
- CLO3: Vận dụng từ vựng, các cách diễn đạt, cấu trúc đã học để mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm; giải quyết những tình huống phát sinh; và duy trì các cuộc hội thoại trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.
- CLO4: Trình bày những bài thuyết trình đơn giản, và tranh luận cho một chủ đề cụ thể bằng việc đưa ra các lập luận và dẫn chứng chứng minh.
- CLO5: Lập kế hoạch học tập và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động của học phần.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Bài tập	Kiểm tra, đánh giá	
	Lý thuyết	Thực hành	Thảo luận			
Nội dung 1: Past events Unit 1: True story [1]; Unit 1: The weekend [2] (LT: 3, TH: 1, TL:1) 1.1. Course Introduction 1.2. Vocabulary: past events 1.3. Listening skills: 1.3.1. Listening for main ideas: opinions (enjoy or not) 1.3.2. Listening for details: first memories and past events 1.4. Speaking skills 1.4.1. Talking about change	3	1	1	0	0	7

1.4.2. Telling an anecdote and responding						
1.4.3. Talking about the weekend						
Nội dung 2: Life styles and campus life Unit 2: My style [1]; Unit 12: Campus life [2] (LT: 2, TH: 1, TL: 2) 2.1. Vocabulary: Home & furniture -stuff – clothing & accessories and facilities at school 2.2. Listening skills 2.2.1. Listening for key words 2.2.2. Listening for main ideas 2.3. Listening for specific information 2.2.4. Listening for gist 2.2.5. Identifying stressed words and reductions 2.2.6. Distinguishing ordinal and cardinal numbers 2.3. Speaking skills 2.3.1. Expressions to give positive and negative opinions 2.3.2. Expressions to identify things 2.3.3. Identifying invitations/opinions 2.3.4. Expressions to describe a problem and suggest a solution 2.3.5. Expressions of suggestions	2	1	2	0	0	7
Nội dung 3: Global problems Unit 3: Save the planet [1]; Unit 22: Traffic [2] (LT: 2, TH: 1, TL: 2) 3.1. Vocabulary: traffic descriptions, environment and materials 3.2. Listening skills 3.2.1. Listening for key words: announcements about traffic conditions 3.2.2. Listening for problems and solutions	2	1	2	0	0	7

3.2.3. Listening for details: a volunteer event 3.3. Speaking skills 3.3.1. Planning an event for Earth-day and doing a presentation 3.3.2. Giving opinions: Agree or disagree 3.3.3. Asking for and giving explanation 3.3.4. Adding and contrasting information 3.3.5. Describing problems and giving solutions						
Nội dung 4: Goals in life Unit 4: Hope and dreams[1]; Unit 9: Jobs [2]; Progress test 1 (LT: 2, TH: 1, TL: 1, KT: 1) 4.1. Vocabulary: goals in life and factors when looking for a job 4.2. Listening skills 4.2.1. Listening for gist: types of job 4.2.2. Listening for details: a scene from a TV programme and descriptions of careers 4.3. Speaking skills 4.3.1. Talking about your goals and ambitions 4.3.2. Describing jobs 4.4. Progress test 1	2	1	1	0	1	7
Nội dung 5: Health and fitness Unit 5: Mind and body [1]; Unit 10: Keeping fit [2] (LT: 3, TH: 1, TL: 1) 5.1. Vocabulary: kinds of exercise 5.2. Listening skills 5.2.1. Listening for topics: New year's resolutions and kinds of exercise 5.2.2. Listening for reasons why people like doing exercise 5.2.3. Listening for details: information about a marathon	3	1	1	0	0	7

5.3. Speaking skills 5.3.1. Making offers and requests 5.3.2. Accepting and refusing offers and requests 5.3.3. Talking about the importance of doing exercise						
Nội dung 6: Describing objects and people Unit 6: Science stuff [1]; Unit 23: Roommates [2]; Mid-term test (LT: 2, TH: 1, TL: 0, KT: 2) 6.1. Vocabulary: color, size and shape of an object and qualities of a roommate 6.2. Listening skills 6.2.1. Listening for details: the story of our rubbish 6.2.2. Listening for gist: who is preferred 6.2.3. Listening for key words that describe a person 6.3. Speaking skills 6.3.1. Describing objects and people 6.3.2. Asking for and giving information about objects and people 6.6.3. Giving a talk about a process 6.4. Mid-term test	2	1	0	0	2	7
Nội dung 7: Films and movies Unit 7: The big screen [1]; Unit 16: Movies [2] (LT: 2, TH: 1, TL: 2) 7.1. Vocabulary: movie types 7.2. Listening skills 7.2.1. Listening for details of films 7.2.2. Listening for time, opinions and recommendations 7.2.3. Listening and making predictions 7.3. Speaking skills 7.3.1. Role playing different situations about digital communication	2	1	2	0	0	7

7.3.2. Talking about movies						
Nội dung 8: Celebrations Unit 8: Let's celebrate [1]; Unit 4: Celebrations [2] (LT: 2, TH: 1, TL:2) 8.1. Vocabulary: types of meal and party 8.2. Listening skills 8.2.1. Listening for gist: kind of party 8.2.2. Listening for details: a special event 8.2.3. Listening for key words: activities in a party 8.3. Speaking skills 8.3.1. Doing an interview between a journalist and a film star 8.3.2. Taking and leaving messages 8.3.3. Planning a celebration	2	1	2	0	0	7
Nội dung 9: Teen life Unit 9: Teen success [1] Unit 18: Phone messages [2]; Progress test 2 (LT: 2, TH: 1, TL: 1, KT: 1) 9.1. Vocabulary: Words related to personal development 9.2. Listening skills 9.2.1. Listening for details: a radio programme 9.2.2. Listening for phone numbers and message information 9.3. Speaking skills 9.3.1. Giving surprising news 9.3.2. Reacting and responding to the news 9.3.3. Planning a youth club 9.3.4. Asking for and saying phone numbers 9.4. Progress test 2	2	1	1	0	1	7
Nội dung 10: Vacations Unit 19: Touring a city [2]; Unit 24: Travel [2] (LT: 2, TH: 1, BT: 2) 10.1. Vocabulary: activities in a	2	1	2	0	0	7

visit of a city 10.2. Listening skills 10.2.1. Listening for locations 10.2.2. Listening for opinions 10.2.3. Listening for recommendations 10.2.4. Listening for sequence 10.2.5. Listening for specific information 10.3. Speaking skills 10.3.1. Describing a city 10.3.2. Describing a vacations						
Nội dung 11: Services Unit 8: Mishaps [2]; Unit 14: Shopping problems [2] (LT: 2, TH: 1, TL: 2) 11.1. Vocabulary: activities in an airport 11.2. Listening skills 11.2.1. Listening for locations 11.2.2. Listening for opinions 11.2.3. Listening for key words 11.3. Speaking skills 11.3.1. Asking and giving directions 11.3.2. Asking for and offering help 11.3.3. Role-playing conversations in an airport and at a hotel	2	1	2	0	0	7
Nội dung 12: Solving problems Unit 8: Mishaps [2]; Unit 14: Shopping problems [2]; Progress test 3 (LT: 2, TH: 1, TL: 1, KT: 1) 12.1. Vocabulary: problems and solutions 12.2. Listening skills 12.2.1. Listening for solutions 12.2.2. Listening for opinions 12.2.3. Listening for gists and details about mishaps and shopping problems 12.3. Speaking skills 12.3.1. Describing a mishap 12.3.2. Returning an item in a shop	2	1	1	0	1	7

Nội dung 13: Revision (LT: 1, TH: 1, TL: 1) - Review of listening skills and speaking topics during the course - Format of the final examination - Examination tips - Practice test	1	1	1	0	0	4
--	---	---	---	---	---	---

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần và tự học - Giáo viên kiểm tra, theo dõi và đánh giá hàng ngày, hàng tuần trên lớp - Mục đích: Thúc đẩy và đảm bảo sinh viên tự giác, tích cực học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp một cách liên tục, có hệ thống. - Tiêu chí đánh giá: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ; thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; làm bài tập về nhà đầy đủ	Rubric 1	CLO5	30%
2	Bài kiểm tra số 1 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 1-4 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO 3	
3	Bài kiểm tra số 2 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 5-9 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí:	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	

	Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu			
4	Bài kiểm tra số 3 - Thi nghe và nói theo cặp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung tuần 9 - 12 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học. - Mô tả cụ thể: Bài kiểm tra được tiến hành trên lớp vào tuần 6 của học phần. Bài kiểm tra gồm 2 phần: kỹ năng nghe (10%) và kỹ năng nói (10%) - Hình thức kiểm tra: Bài kiểm tra Nghe (20-25 phút) gồm 3 phần, và bài kiểm tra nói (2-3 phút) được tiến hành theo cá nhân - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí (VSTEP – Bậc 3-5): · Phát âm: Mức độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu · Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng · Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%

	· Độ lưu loát: Tốc độ nói và sự trôi chảy · Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi; Mức độ liên kết và mạch lạc · Chiến lược giao tiếp: Ngôn ngữ cử chỉ và chiến lược lượt lời			
III	Thi cuối kỳ			
	- Mục đích: Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên chuyển sang học học phần mới - Hình thức: + Bài kiểm tra nghe (30 phút) gồm 5 phần theo dạng bài thi PET, chiếm 25% trọng số điểm + Bài kiểm tra nói (10-12 phút) được tiến hành theo cặp, bao gồm 3 phần theo dạng Parts 1,2,3 PET speaking test, chiếm 25% trọng số điểm - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu	Rubric 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers B1. Richmond. [1]
2. Jack, C.Richards. (2010). Developing Tactics for Listening 3rd Edition. Culture-Information Press [2]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.
2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.
3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press

6.23. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 2/READING AND WRITING SKILLS 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã HP: 131034

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 1

1. Mô tả học phần

Học phần Kỹ năng Đọc viết 2 cung cấp hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. Người học được trang bị các kỹ năng đọc và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Bên cạnh đó, người học được cung cấp từ vựng, cấu trúc câu và cách viết đoạn văn về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. Kết thúc học phần người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Vận dụng được vốn từ vựng, cấu trúc câu, kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để có thể đọc hiểu những bài đọc có trình độ tiền trung cấp về các chủ đề khác nhau.

- CO2: Xác định được cách viết thư, viết bình luận, cách lập dàn ý, phát triển ý, cách viết đoạn mở bài, thân bài và kết luận của một đoạn văn thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân; miêu tả quá trình.

- CO3: Vận dụng kỹ năng đọc để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đồng thời phát triển một số kỹ năng đọc khác như cách nhận biết ý chính, ý hỗ trợ của mỗi đoạn, logic của bài đọc, phân biệt sự thật và ý kiến

- CO4: Áp dụng kỹ năng viết để viết một đoạn văn thể loại mô tả, kể chuyện, đưa ra ý kiến, nguyên nhân, và kết quả; có thể viết những báo về một chủ đề quen thuộc, viết lại một câu chuyện

- CO5: Thể hiện thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp đã nhớ và hiểu, các chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình ở mức độ B1

- CLO2: Thực hành viết câu chuyện (viết story), viết bài báo (viết article), cách viết trình bày ý kiến về sự vật, sự việc quen thuộc xảy ra hàng ngày (viết review)

- CLO3: Phân tích và đánh giá nội dung nhiều loại văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình ở mức độ B1.

- CLO4: Xác định văn phong, cấu trúc câu và đoạn để viết đoạn văn ví dụ (example paragraph), đoạn văn mô tả quá trình (process paragraph), đoạn văn quan

điểm (opinion paragraph), đoạn văn tường thuật (narrative paragraph)

- CLO5: Thực hiện các quy định của học phần; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

4.. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Kiểm tra, đánh giá	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Nội dung 1 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1 Reading: 1.1. Course Introduction and orientation 1.2. Unit 1: Lost and found [1] 1.3. Unit 1: A restaurant for change [2] 1.4. Targeted skills: Predicting 2. Writing: A story 2.1. Passive Voice (handout) 2.2 Write a story about a funny experience/ a strange dream [1]	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 2 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 2: Teenage bedrooms [1] 1.2. Unit 2: Computer beats champs [2] 1.3. Targeted skills: Reading for details 2. Writing: An article 2.1. Passive Voice (cont) (handout) 2.2. Write an article about a project at school to help the environment [1]	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 3 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 3: Six easy ideas to help save the planet [1] 1.2. Unit 3: Want to study abroad [2] 1.3. Targeted skills: Using subheadings to predict content	2	1.5	1.5	0	0	7

2. Writing: A review 2.1. Relative clauses (handout) 2.2. Write a review of a gadget [1]						
Nội dung 4 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 4: Pop icon grand final [1] 1.2. Unit 4: A student budget [2] 1.3. Targeted skills: Skimming for main ideas 2. Writing: A film review 2.1. Relative clauses (cont) (handout) 2.2. Write a review of a film you have seen recently [1] 3. Progress Test 1	2	1.5	1.5	0	1	7
Nội dung 5 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading 1.1. Unit 5: Dear life coach [1] 1.2. Unit 5: Cell phone Etiquette [2] 1.3. Targeted skills: Identifying transition words 2. Writing: Example paragraphs [3] 2.1. Stimulating ideas 2.2. Brainstorming and outlining 2.3. Developing your ideas	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 6 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading 1.1. Unit 6: Everyday mysteries: the science of our daily lives[1] 1.2. Unit 6: The Olympic flame [2] 1.3. Targeted skills: Skimming for the main ideas 2. Writing: Example paragraphs (cont) [3] 2.1. Editing your writing 2.2. Putting it all together 2.3. Writing practice	2	1.5	1.5	0	0	7

Nội dung 7 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 7: Encounters! An exciting new thriller[1] 1.2. Unit 7: The world's oldest universities [2] 1.3. Targeted skills: Identifying supporting details 2. Writing: Process paragraphs [3] 2.1. Stimulating ideas 2.2. Brainstorming and outlining 2.3. Developing your ideas	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 8 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading 1.1. Unit 8: Brilliant birthdays [1] 1.2. Unit 8: Which English will we speak? [2] 1.3. Targeted skills: Identifying main ideas 2. Writing: Process paragraphs (cont) [3] 2.1. Editing your writing 2.2. Putting it all together 2.3. Writing practice 3. Mid-term test	2	1.5	1.5	0	2	7
Nội dung 9 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading 1.1. Unit 9: Teen tips [1] 1.2. Unit 9: How do you celebrate [2] 1.3. Targeted skills: Scanning 2. Writing: Opinion paragraphs [3] 2.1. Stimulating ideas 2.2. Brainstorming and outlining 2.3. Developing your ideas	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 10 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 10: The age of adulthood [2] 1.2. Unit 10: Firsts in life [2]	2	1.5	1.5	0	1	7

1.3. Targeted skills: Predicting, making inferences 2. Writing: Opinion paragraphs (cont) [3] 2.1. Editing your writing 2.2. Putting it all together 2.3. Writing practice 3. Progress Test 2						
Nội dung 11 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 11: Are you an Ophiuchus? [2] 1.2. Unit 11: Predicting Earthquakes [2] 1.3. Targeted skills: Summarizing, Identifying transition words 2. Writing: Narrative paragraphs [3] 2.1. Stimulating ideas 2.2. Brainstorming and outlining 2.3. Developing your ideas	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 12 (2 LT, 1.5 BT, 1.5 TL) 1. Reading: 1.1. Unit 12: A Japanese Folktale [2] 1.2. Unit 12: Internet Hoaxes [2] 1.3. Targeted skills: Recognizing Sequence of Events, Identifying Cause and Effect 2. Writing: Narrative paragraphs (cont) [3] 2.1. Editing your writing 2.2. Putting it all together 2.3. Writing practice	2	1.5	1.5	0	0	7
Nội dung 13 (1.5 BT, 1.5 TL) 1. Review of reading skills and writing task types 2. Practice test	0	1.5	1.5	0	0	7

5. Phương pháp dạy - học: thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, tập bài viết

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Bài kiểm tra tiến độ 1 - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 4 (đọc hiểu + viết story/ article/ review). - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết).	Rubric 1	CLO1 CLO2	30%
2	Bài kiểm tra tiến độ 2 - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 9 – tuần 10 (đọc hiểu + viết đoạn văn ngắn ý kiến) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết bài luận ngắn).	Rubric 2	CLO1 CLO4	
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO3	
4	Tự học + portfolio	Rubric 4	CLO5	
II	Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ			
	- Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 8 (đọc hiểu+viết lại câu + viết đoạn văn example/ process) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết lại câu + viết đoạn văn)	Rubric 5	CLO1 CLO3 CLO4	20%
III	Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 13 (đọc hiểu, viết đoạn văn) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết đoạn văn)	Rubric 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Richmond (2016). Achievers B1. Vietnam News Agency Publishing House.
2. Neil J.Anderson (2013). Active Skills for Reading 1. Third Edition. Heine

Cengage Learning

3. Alice Savage & Patricia Mayer.(2007). Effective Academic Writing 1. CUP

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge Preliminary English Test 5 (2008). (PET). Cambridge University Press.
2. Cambridge Preliminary English Test 6 (2010). (PET). Cambridge University Press.
3. Cambridge Preliminary English Test 7 (2012). (PET). Cambridge University Press.

6.23. KỸ NĂNG NGHE NÓI 3 / LISTENING AND SPEAKING SKILLS 3

Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

Mã học phần: 131036

Bộ môn quản lý học phần: Phát triển Kỹ năng Tiếng Anh

Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng nghe nói 1, 2

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 12 nội dung chính cung cấp cho người học hệ thống các từ vựng, cấu trúc câu, các bài nghe và tình huống giao tiếp luyện kỹ năng nói. Các nội dung này lần lượt về 12 chủ đề như sau: Những thay đổi trong cuộc sống; những quyết định khó khăn; tin tức; kế hoạch cho kỳ nghỉ; cuộc sống sinh viên; văn hoá; những câu chuyện kì lạ; chất lượng kinh doanh; sở thích và thói quen ăn uống; trang phục và lễ hội; sự phát triển của thành phố và các vấn đề toàn cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống được các từ vựng, ngữ pháp ở mức độ tiền B2, nắm được các cấu trúc phức, các liên từ để diễn đạt lời nói mạch lạc và sử dụng được vốn từ vựng, ngữ pháp, chiến thuật nghe hiểu để nghe những bài nói về các chủ đề quen thuộc và ít quen thuộc trong cuộc sống ở mức độ tiền B2
- CO2: Phân biệt và phát âm đúng các đặc điểm phát âm cơ bản ở mức độ tiền B2
- CO3: Lựa chọn được các cách diễn đạt phù hợp để giao tiếp trong các tình huống cụ thể, thực hiện giao tiếp ở mức độ khá trôi chảy, tự nhiên và sử dụng ngôn từ chính xác, trình bày các quan điểm, lập luận một cách logic, rõ ràng
- CO4: Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và chấp hành đúng các quy định của học phần
- CO5: Xây dựng được kế hoạch tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ nghe nói

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận biết và phân biệt được cách dùng các từ vựng, các cấu trúc câu phức và liên từ trong tiếng Anh ở mức độ tiền B2, xác định được các chiến thuật nghe hiểu cơ bản (nghe thông tin quan trọng, nghe ý chính, nghe chi tiết) để nghe hiểu nhiều dạng bài nói dài và tương đối phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ tiền B2
- CLO2: Xác định và nắm được các ý chính trong các bài phát biểu có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng tương đối phức tạp (changes, city problems, global issues), các

thông báo về một đề tài cụ thể hay trừu tượng được diễn đạt bằng phương ngữ chuẩn với tốc độ nói bình thường (vacation plans, touring guides), các cấu trúc, lập luận, và kết nối ý để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề quen thuộc (personal information, vacation, clothes...) và không quen thuộc (arts, cultures, unusual stories...)

- CLO3: Xây dựng và duy trì được các bài hội thoại từ cơ bản đến mở rộng trong các hoàn cảnh khác nhau, thực hiện được những bài thuyết trình đã chuẩn bị, nắm được các cách diễn đạt nêu rõ quan điểm và nhấn mạnh các điểm chính và chi tiết minh họa liên quan, cách trình bày ý tưởng, mở rộng và phát triển các chủ đề khi phỏng vấn và biết cách thực hiện một cuộc phỏng vấn trôi chảy, lưu loát

- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài hội thoại, phỏng vấn, thảo luận hay thuyết trình. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ học tập và xây dựng được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghe-nói tiếng Anh

- CLO5: Chấp hành tốt các quy định của học phần như tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Course Orientation Topic 1: Changes Unit 1: Life changes [1] Unit 1: Small talk [2] Conditional sentences 0,1,2,3 [handout] The overview of formal letter [handout]	3	1	0	1	0	7
Nội dung 2: Topic 2: Difficult decisions Unit 2: Chilled or stressed [1] Unit 23: Predicaments [2] Conditional sentences – mixed types (continued) [handout] A letter of complaint [handout]	2	1,5	0	1,5	0	7
Nội dung 3: Topic 3: Expressing your views Unit 3: Moral dilemmas [1] Unit 20: Opinions [2]	2	1,5	0	1,5	1	7
Nội dung 4: Topic 4: News Unit 4: In the news [1]	2	1	0	1	1	7

Unit 19: The news [2] Bài KT số 1						
Nội dung 5: Topic 5: Vacation plans Unit 5: Time for a change [1] Unit 18: Vacations [2]	3	1	0	1	0	7
Nội dung 6: Topic 6: Students' life Unit 6: A day in the life [1] Unit 9: Friendship [2]	2	1,5	0	1,5	1	7
Nội dung 7: Topic 7: Culture Unit 7: Culture vultures [1] Bài KT giữa kỳ	2	1	0	1	1	7
Nội dung 8: Topic 8: Unusual stories Unit 8: The fear of the unknown [1] Unit 8: Can you believe it? [2]	2	1,5	0	1,5	0	7
Nội dung 9: Topic 9: Qualities of a good business Unit 9: Shop 'til you drop [1] Unit 3: Successful businesses [2] Bài KT số 2	2	1	0	1	1	7
Nội dung 10: Topic 10: Preference and eating habits Unit 15: Favourites [2] Unit 22: Food and nutrition [2]	2	1,5	0	1,5	1	7
Nội dung 11: Topic 11: Clothes and Festival Unit 13: Special days [2] Unit 14: Fashion [2] 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas	2	1,5	0	1,5	0	7
Nội dung 12: Topic 12: City improvement and problems Unit 12: Urban life [2] Unit 24: Global issues [2] Bài KT số 3	2	1	0	1	1	7
Nội dung 13: Revision	1	1	0	1	0	4

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	- Chuyên cần, bài tập nhóm Giáo viên kiểm tra, theo dõi và đánh giá hàng ngày, hàng tuần trên lớp - Điểm chuyên cần - Điểm bài tập nhóm: đóng vai, thuyết trình hàng tuần trên lớp	Rubric 1	CLO3, CLO4, CLO5	30%
2	(Tuần 4) - Kỹ năng nghe (20-25 phút) gồm 3 phần: + Part 2 PET listening test + Part 3 PET listening test - Kỹ năng nói (2-3 phút): được tiến hành theo cặp hoặc độc thoại; gồm 2 phần: + Part 1: Answer questions about your personal information + Part 2: Talk about a familiar topic	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4, CLO3, CLO5	
3	(Tuần 9) - Kỹ năng nghe (20-25 phút) gồm 2 phần: + Part 1 FCE listening test + Part 4 PET listening test - Kỹ năng nói (2-3 phút) được tiến hành theo cặp hoặc độc thoại. Hình thức theo dạng của part 3 FCE speaking test HOẶC part 4 PET speaking test	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	
4	(Tuần 12) - Kỹ năng nghe (20-25 phút) gồm 2 phần: + Part 1 FCE listening test + Part 2 FCE listening test - Kỹ năng nói (2-3 phút) được tiến hành độc thoại. Hình thức theo dạng tương đương part 3 FCE speaking test	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài kiểm tra được tiến hành trên lớp vào tuần 7 của học phần. Bài kiểm tra gồm 2 phần: kỹ năng nghe (10%) và kỹ năng	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3,	

	nói - Bài kiểm tra nghe (30-35 phút) gồm 3 phần: + Part 1 FCE listening test + Part 3 PET listening test + Part 4 PET listening test - Bài kiểm tra nói (5-7 phút) được tiến hành theo cặp, bao gồm 2 phần: + Phần 1 (2-3 phút – 3.5 điểm): Thảo luận theo cặp về một tình huống được đưa ra và chọn giải pháp phù hợp cho tình huống đó (tương tự part 2 PET speaking test) + Phần 2 (1 phút – 3 điểm): Trả lời câu hỏi mở rộng của giáo viên về chủ đề phần 1.		CLO4, CLO5,	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Bài kiểm tra được tiến hành sau khi kết thúc học phần. Bài kiểm tra gồm 2 phần: kỹ năng nghe (25%) và kỹ năng nói (25%) - Bài kiểm tra nghe (60 phút) gồm 4 phần: + Part 1 FCE listening test + Part 2 PET listening test + Part 2 FCE listening test + Part 4 PET listening test - Bài kiểm tra nói (6-9 phút) được tiến hành theo từng cá nhân, bao gồm 3 phần: + Phần 1 (1-2 phút – 10/50 điểm): Trả lời 4-6 câu hỏi của giám khảo về 2 chủ đề khác nhau liên quan đến thông tin cá nhân. + Phần 2 (2-3 phút – 20/50 điểm): Nói về một vài giải pháp và lựa chọn giải pháp phù hợp nhất cho một tình huống được cho sẵn. + Phần 3 (3-4 phút – 20/50 điểm): Nói về một chủ đề từ quen thuộc đến ít quen thuộc và trả lời 2-3 câu hỏi mở rộng của giáo viên về chủ đề đó.	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài, v.v.
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1 Học liệu bắt buộc

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B1 +*. Richmond. [1]
2. Jack, C. Richards. (2011). *Expanding Tactics for Listening- third edition*. Oxford University Press [2]

8.2. Học liệu tham khảo

1. Cambridge Preliminary English Test 8 (2014). (PET). Cambridge University Press.
2. Cambridge First Certificate in English 4 (1998). (FCE). Cambridge University Press.
3. Cambridge First Certificate in English 5. (2001). (FCE). Cambridge University Press.

6.25. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 3/READING AND WRITING SKILLS 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 131037
- Bộ môn quản lý học phần: Phát triển Kỹ năng Tiếng Anh
- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng Đọc viết 1, 2

1. Mô tả học phần

- Học phần bao gồm 12 nội dung chính được sắp xếp theo chủ đề từ các bài học trong giáo trình *Active Skills for Reading 2, Effective Academic Writing 2, Achievers B1+*. Mỗi nội dung bài đọc gồm ba phần: (1) Từ vựng, cấu trúc ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng bao quanh chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. (2) Đọc hiểu: Người học được trang bị các kỹ năng đọc gồm và thực hành các kỹ năng này trong quá trình đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. (3) Ứng dụng thông tin: Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học. Mỗi nội dung bài dạy viết gồm ba phần: (1) Cung cấp một số từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết và các bài viết mẫu. (2) Người học thảo luận theo nhóm, theo cặp về các bài viết mẫu, thực hành đặt câu theo các cụm từ cho sẵn trong bài mẫu, thảo luận trước khi thực hành viết các loại bài tập viết khác nhau. (3) Người học thực hành viết.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Thu thập được các từ vựng ở mức độ tiền B2 và sử dụng được vốn từ vựng, ngữ pháp, chiến thuật đọc hiểu nâng cao để đọc hiểu những bài học ở mức độ tiền B2
- CO2: Xác định được cách viết thư mang tính chất trang trọng

- CO3: Xác định được cách viết bài luận ngắn hoàn chỉnh thể loại ý kiến, tường thuật, nguyên nhân, kết quả và vận dụng được tư duy logic, lý luận hợp lý trong bài viết để thuyết phục người đọc

- CO4: Xây dựng được kế hoạch tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ đọc – viết

- CO5: Chấp hành các quy định của học phần

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận biết và phân biệt được cách dùng các từ vựng ở mức độ tiền B2, cách dùng các cấu trúc ngữ pháp như lời nói gián tiếp, câu điều kiện loại 0,1,2,3, câu điều kiện kết hợp và xác định được các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận...

- CLO2: Phân biệt và nhận biết được cách viết thư than phiền (formal letter of complaint), cách viết thư xin lỗi (formal letter of apology), và cách viết thư xin học bổng, xin gia nhập 1 tổ chức, xin việc (formal letter of application)

- CLO3: Phân biệt và nhận biết được văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận ngắn ý kiến (opinion essays), dùng trong viết bài luận nêu nguyên nhân và kết quả (cause and effect essays), và dùng trong viết bài luận tường thuật (narrative essays)

- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để hoàn thành công việc. Xây dựng được kế hoạch quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và kế hoạch tự học.

- CLO5: Chấp hành các quy định của học phần như: tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, hoàn thành các bài tập lớn, dự án, portfolio, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				KT-ĐG	
	Lý thuyết	Làm việc nhóm	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Reading: 1. Course Introduction and orientation 2. Lesson 1: Ethan’s book page (my top coming – of – age novels) [1] 3. Lesson 2: Oh, No! Not Another Test! [2] 4. Targeted skills:- Identifying	2,5	1	0	1,5	0	7

Main and Supporting Ideas - Predicting the content of the text Writing: Formal letter[handout] 1. Conditional sentences 0,1,2,3 [handout] The overview of formal letter [handout]						
Nội dung 2: Reading: 1. Lesson 1: Get out there and do something different [1] 2. Lesson 2: We're in Vietnam [2] 3. Targeted skills: Scanning for details Writing: Formal letter 1. Conditional sentences – mixed types (continued) [handout] A letter of complaint [handout]	2,5	1	0	1,5	0	7
Nội dung 3: Reading: 1. Lesson 1: The stars are out tonight? [1] 2. Lesson 2: Behind the scenes [2] 3. Targeted skills: Using heading to understand main idea Writing: Formal letter 1. Reported speech[handout] 2. A letter of apology [handout] Progress Test 1	2	1	0	1	1	7
Nội dung 4: Reading: 1. Lesson 1: Laura Dekker: Rocord – Setter! [2] 2. Lesson 2: The Unbeatable Yani Tseng [2] 3. Targeted skills: Previewing & predicting Writing: Formal letter 1. Reported speech(continued) [handout] 2. A letter of request and enquiry [handout]	2,5	1	0	1,5	0	7

Nội dung 5: Reading 1. Lesson 1: Blueskies activity holidays [1] 2. Lesson 2: You are amazing: You are human! [2] 3. Targeted skills: Identifying main ideas within paragraphs Writing: Formal letter 1. Reported speech(continued) [handout] 2. CV& A letter of application [handout]	2	1	0	2	0	7
Nội dung 6: Reading 1. Lesson 1: Jobs for the girls[1] 2. Lesson 2: Moving from TV to the Web [2] 3. Targeted skills: Recognizing facts Writing : Paragraph to short essay [3] 1.The paragraph 2.Unity and Coherence 3. From paragraph to short essay 4. Editing your writing Mid-term test	2	1	0	1	1	7
Nội dung 7: Reading: 1. Lesson 1: Architectural icons[1] 2. Lesson 2: Sounds from the Past [2] 3. Targeted skills: Predicting Writing: Narrative Essays [3] 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas	2	1	0	2	0	7
Nội dung 8: Reading 1. Lesson 1: Maritime mystery [1] 2. Lesson 2: College start - ups [2] 3. Targeted skills: Making inferences Writing: Narrative Essays (continued) [3]	2	1	0	2	0	7

1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice						
Nội dung 9: Reading 1. Lesson 1: Tricks of the trade [1] 2. Lesson 2: A brief history of chocolate [2] 3. Targeted skills: Recognizing Sequence of events Writing: Opinion essay [3] 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas	2	1	0	1	1	7
Nội dung 10: Reading: 1. Lesson 1: Ads are every where [2] 2. Lesson 2: Brand engagement gone wrong [2] 3. Targeted skills: Scanning for proper nouns Making inferences Writing: Opinion essay (continued) [3] 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice Progress Test 2	2	1	0	1	1	7
Nội dung 11: Reading: Food and the Environment [2] 1. Lesson 1: Engineering a better burger 2. Lesson 2: Is your diet destroying the environment? 3. Targeted skills: - Distinguish between main and supporting ideas - Understanding cause and effect Writing: Cause and effect essays [3] 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining	2	1	0	2	0	7

3. Developing your ideas						
Nội dung 12: Reading: Living for the future [2] 1. Lesson 1: Clean up Australia, Clean up the World 2. Lesson 2: Resources for the future 3. Targeted skills: - Scanning for names and numbers - Skimming to assess a passage Writing: Cause and effect essays (continued) 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice	2	1	0	2	0	7
Nội dung 13: Review of reading skills and writing task types Practice test	1	1	0	1	0	6

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	<u>Bài kiểm tra quá trình 1 (tuần 3)</u> - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 3 (đọc hiểu + viết thư than phiền/thư chấp nhận và thư từ chối). - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết thư).	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO5	30%
2	<u>Bài kiểm tra quá trình 2 (tuần 9)</u> - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 7 – tuần 9 (đọc hiểu + viết bài luận ngắn ý kiến/ tường thuật). - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết bài luận ngắn).	Rubric 2	CLO1, CLO3, CLO5	
3	<u>Presentation (trình bày vào mỗi tuần, từ tuần 3-12)</u> - Vào buổi học đầu tiên, giảng viên hướng dẫn	Rubric 3	CLO4, CLO5	

	SV thực hiện thuyết trình trong mỗi tuần học. - Người học làm việc theo nhóm 3-4 sinh viên - Mỗi nhóm bốc thăm 1 chủ đề liên quan đến nội dung bài đọc hiểu tuần 3-12. - Nhóm tự tìm trong sách, báo, tạp chí, trên mạng 1 bài đọc về chủ đề nhóm đã bốc thăm - Nhóm đọc bài, và thực hiện các nhiệm vụ: * Giới thiệu về bài đọc (tiêu đề, tác giả, nguồn) * Từ mới, cấu trúc câu trong bài: Liệt kê 10 từ mới (kèm theo nghĩa của từ)+5 cấu trúc câu; sử dụng cấu trúc này và 5/10 từ mới đã liệt kê để viết 5 câu. * Tóm tắt nội dung bài đọc * Nội dung trong bài nhóm thấy thú vị * Nội dung trong bài nhóm thấy không thuyết phục * Trả lời câu hỏi của lớp (Q &A) - Ít nhất 2 ngày trước khi thuyết trình, nhóm gửi bài đọc cho lớp và giáo viên. - Từng tuần, nhóm thuyết trình trong 10 phút. - Điểm thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10			
4	Tự học + portfolio (nộp cho giảng viên vào tuần 12) - Đối với phần đọc hiểu: Người học tự học theo quy định của mỗi tuần trong phần Self-study. Người học tổng hợp lại 10-20 từ mới trong mỗi bài đọc của mỗi tuần, đặt câu với các từ mới đó; Tất cả các phần ghi chép của mỗi tuần tự học này được tập hợp thành một cuốn vở tự học. Giảng viên kiểm tra từng tuần việc tự học để đảm bảo người học làm bài theo đúng tiến độ. - Đối với phần viết: Người học được cung cấp 12 chủ đề viết luận. Người học tự tìm trong sách, trên mạng các bài viết luận mẫu và/hoặc các bài viết có nội dung liên quan đến chủ đề viết (tổng cộng ít nhất 3 bài). Đọc bài viết luận mẫu và/hoặc bài viết có nội dung liên quan, sau đó tự viết 01 bài luận theo yêu cầu. Tất cả các bài thu thập được và bài viết của cá nhân được tập hợp thành một tập portfolio. - Điểm tự học+portfolio được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm phần tự học và 5 điểm phần portfolio).	Rubric 4	CLO1, CLO4, CLO5	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 6 (đọc hiểu+viết lại câu + viết thư yêu cầu/ thư xin việc) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết lại câu + viết thư)	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 13 (đọc hiểu, viết thư trang trọng, viết bài luận ngắn) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết thư và bài luận ngắn) - Cấu trúc đề thi cuối kỳ HP Kỹ năng đọc-viết 3: Phần I: Kỹ năng đọc hiểu Nội dung 1: Multiple choice cloze Nội dung 2: True-false questions Nội dung 3: Multiple choice questions Phần II: Kỹ năng viết Nội dung 4: Writing a formal letter of complaint/acceptance and refusal/ request and enquiry/ application Nội dung 5: Writing a short essay	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B1+*. Richmond Vietnam News Agency Publishing House.[1]
2. Neil J.Anderson (2013). *Active Skills for Reading 2*, Third Edition. Heine Cengage Learning[2]
3. Alice Savage & Masoud Shafiei.(2008). *Effective Academic Writing 2*. Cambridge University Press.[3]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge Preliminary English Test 8*. (2010). Cambridge University Press. [4]

2. *Cambridge First Certificate in English 4*. (2016). Cambridge University Press.[5]

3. *Cambridge First Certificate in English 5*. (2016). Cambridge University Press.[6]

6.26. KỸ NĂNG NGHE NÓI 4/LISTENING AND SPEAKING SKILLS 4

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã HP: 131038

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 3

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần gồm lượng từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng nghe nói nâng cao (B2) về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có vốn từ vựng rộng về hầu hết các chủ đề ở trình độ B2, các cấu trúc ngữ pháp phức tạp có thể vận dụng để nghe hiểu các bài nói dài và phức tạp về nhiều chủ đề khác nhau ở trình độ B2.

- CO2: Có thể trình bày rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề; giải thích quan điểm, chỉ ra ưu điểm, nhược điểm của các phương án khác nhau.

- CO 3: Có thể áp dụng các phương thức giao tiếp, vốn từ, cách diễn đạt, để giao tiếp, trình bày, giải thích quan điểm bằng ngôn ngữ đích một cách trôi chảy, tự nhiên.

- CO4: Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần cả trong và ngoài lớp học. Người học có năng lực tự học, tự lập kế hoạch, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng nghe nói.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng vốn từ vựng, các cách diễn đạt, các cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật nghe hiểu để nghe những bài nghe ở mức độ B2.

- CLO2: Áp dụng được các chiến thuật nghe hiểu các bài nói tương đối dài và phức tạp về nhiều chủ đề khác nhau.

- CLO3: Giao tiếp một cách tự nhiên, sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt phù hợp với hoàn cảnh; trình bày quan điểm về các vấn đề xung quanh cuộc sống, biết cách giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp; Sử dụng ngôn ngữ thành thạo, chính xác và hiệu quả để nói về các chủ đề chung, các chủ đề về văn hóa, xã hội, giải trí, gia đình và học tập một cách rõ ràng mạch lạc logic.

- CLO4: Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghe nói ở ngoài lớp học; Chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm; Sáng tạo, đánh giá và cải tiến trong quá trình học kỹ năng nghe nói.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tư vấn	Tự học
	Giờ lên lớp					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Course Orientation Unit 1: Brain power [1] Unit 1: On the move [2] 1.Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: Holidays and travel, the brain - Expressions of showing polite interest, keeping conversation going; expressing agreement 2. Listening skills - Predicting before listening - Note-taking while listening - Listening for the IELTS question types: completing form; matching; answering multiple-choice questions 3. Speaking skills - Teaching a new memory-training technique - Interviewing: Showing polite interest; keeping a conversation going; expressing agreement - Holiday planning	3	1	1	0	3	7
Nội dung 2: 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: Travel and adventure; youth - Expressions of being strongly in favor of/ against st, disappointment 2. Listening skills - Predicting what happen next - Listening for the IELTS question types: completing tables; labeling maps or plans; completing flow charts 3. Speaking skills - Doing an interview - How to discuss an extreme proposition	2	1.5	1.5	0	3	7

- Arguing for and against st - Talking about websites for young people						
Nội dung 3: Unit 3: Here and there, then and now [1] Unit 3: Climate [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: countries and national icons; nature and the environment - Expressions of talking about positive factors; expressing doubt and inviting opinions of other people. 2. Listening skills - Listening for details - Listening for the IELTS question types: labeling a diagram, completing notes and classifying. 3. Speaking skills - Planning and conducting a guided tour - Agreeing and disagreeing - Discussing and making a decision: talking about positive factors, expressing doubt, inviting the opinions of other people	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 4 Unit 4: Who's watching you? [1] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: surveillance - Expressions of speculating with a degree of certainty, uncertainty and asking for or offering more information 2. Listening skills - Listening for key information 3. Speaking skills - Arguing on a topic - Asking for details - Trying to calm people down - Indicating stress and anxiety - Describing people and places 4. Progress test 1	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 5: Unit 5: Mirror, mirror [1] Unit 4: Family structures [2]	3	1	1	0	3	7

1.Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: tattoo and family matters - Expressions of astonishment, strong feeling and trying to calm people down 2. Listening skills - Listening for gist and details - Predicting content words and directions - Listening for the IELTS question types: answering short questions, completing sentences/ summaries, selecting from a list 3. Speaking skills - Telling a traditional story - Giving an opinion - Expressing agreement and disagreement politely - Showing a conflict - Discussion topics: Pros and cons of an extended family and a nuclear family						
Nội dung 6: Unit 5: Starting university [2] Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topic: education - Expressions of asking for and giving information; asking for and giving directions. 2. Listening skills - Listening for the IELTS question types: labeling a map or plan, completing forms, completing notes 3. Speaking skills - Asking for and giving information about university courses - Asking for and giving directions to different places in a university 4. Mid-term test	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 7: Unit 6: Techno – victims! [1] Unit 6: Fame [2] 1.Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: connection	2	1.5	1.5	0	3	7

problems, culture and modern society - Expressions of making a mild complaint, a strong complaint; apologizing and placating 2. Listening skills - Listening to identify key events from a story - Listening for the IELTS question types: matching sentence fragments; multiple choice questions; choosing answers from a list. 3. Speaking skills - Creating a TV advert - Giving solutions for a problem - Making a complaint - Talking about your favorite film - Discussion topic: Advantages and disadvantages of being famous						
Nội dung 8: Unit 7: Crocodile man [1] Progress test 2 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of conservation - Expressions of getting someone's attention, expressing outrage and giving excuses 2. Listening skills - Listening for details - Listening for opinions and attitudes 3. Speaking skills - Preparing and giving a presentation - Getting someone's attention - Expressing outrage - Giving excuses 4. Progress test 2	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 9: Unit 8: In the movies [1] Unit 7: Alternative energy [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: movies, science and technology - Expressions of expressing a lack of	2	1.5	1.5	0	3	7

enthusiasm, persuading and reaching a conclusion 2. Listening skills - Listening for gist of film music - Listening for details of five extracts of film music - Listening for the IELTS question types: completing flow charts, answering short questions; completing sentences/ summaries 3. Speaking skills - Planning a film and acting out a key scene - Role-playing and expressing consensus and a lack of enthusiasm and persuasion - Discussion topic: Different sources of alternative energy						
Nội dung 10: Unit 8: Migration [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: people and places - Expressions of identifying how something has changed 2. Listening skills - Listening for the IELTS question types: classifying; labeling a diagram; completing tables 3. Speaking skills - Discussion topics: + How to adapt to a new culture + Your favorite country to visit/ live in/ study in. 4. Progress test 3	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 11: 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: sports, health and fitness - Expressions of greeting someone after a long time; asking for and responding to news; arranging to keep in touch 2. Listening skills - Listening and taking notes	2	1.5	1.5	0	3	7

- Listening for details about surprising sports - Listening for the IELTS question types: completing forms; answering short questions; labeling a diagram 3. Speaking skills - Staging a TV quiz show - Role-play: Asking and giving information about a fitness center - Discussion topic: Advantages and disadvantages of joining the gym						
Nội dung 12: Unit 10: At the office [2] Unit 11: Local languages [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: employment and finances; language and communication - Expressions of describing actions and processes; giving positive and negative opinions 2. Listening skills - Listening for the IELTS question types: completing tables; classifying; completing sentences/ summaries; answering multiple choice questions; labeling maps or plans; selecting from a list 3. Speaking skills - Role-playing different situations at work - Discussion topics: + Changes should be done in a company + Advertising methods should be used for different products + The importance of learning English + The difficulties in learning a new language	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 13: Revision - Review of listening skills and speaking topics during the course - Format of the final examination - Examination tips	1	1	1	0	2	3

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần và tự học - đi học đầy đủ, đúng giờ; - thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; - mức độ làm bài tập về nhà đầy đủ	Rubric 1 - đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO6 CLO7	30%
2	Bài kiểm tra số 1 Kỹ năng nghe (15-20 phút) gồm 2 phần: + Part 1 FCE listening test + Part 2 FCE listening test - Kỹ năng nói: (2-3 phút/ 1 SV) + Part 1 – IELST speaking test	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
3	Bài kiểm tra số 2 Kỹ năng nghe (15-20 phút) gồm 2 phần: + Part 1 IELTS listening test + Part 2 IELTS listening test - Kỹ năng nói: được tiến hành theo hình thức: + Part 2 – IELTS speaking test	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
4	Bài kiểm tra số 3 - Kỹ năng nói: đánh giá dựa trên kết quả thực hiện 2 trong 8 dự án nhỏ (Project-P.) trong các tuần 2,3,5,6,7,9,11,12. Các dự án được chia làm 2 hình thức: 1. Presentation: P.2: Plan and conduct a guided tour P.4: Presentation about your university P.7: Presentation about a gym P.8: Presentation about strategies and tips for improving English skills 2. Role-play: P.1: Interviews P.3: Act out a part of a traditional story with a new twist P.5: Create A TV advert P.6: Plan a film and act out a scene	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 4- đánh giá presentation Rubric5- đánh giá role-play	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	

	Các dự án này được thực hiện theo nhóm như sau: + Vào tuần học đầu tiên giáo viên chia sinh viên mỗi lớp thành 8 nhóm. Mỗi nhóm bốc thăm để thực hiện 2 projects, trong đó phải có 1 project là presentation và 1 project là role-play + Các nhóm bốc thăm được project của tuần nào sẽ thực hiện trong tuần đó, theo hướng dẫn cụ thể trong từng tuần của giáo viên. + Đối với phần presentation, các nhóm trình bày trực tiếp trên lớp với thời gian tối đa cho mỗi nhóm là 8 phút trình bày, 2 phút cho phần hỏi và trả lời. + Đối với phần role-play, các nhóm thực hiện ở nhà và quay video nộp cho giáo viên theo thời hạn và địa chỉ của từng giáo viên giảng dạy. + Điểm progress test 4 sẽ là điểm trung bình chung của 3 con điểm: điểm nghe, điểm presentation và điểm role-play. Trong đó presentation và role play được chấm theo thang điểm bên dưới.			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Nghe: Bài kiểm tra nghe (30-35 phút) gồm 2 phần theo hình thức + Part 2 FCE listening test + Part 1 IELTS listening test - Nói: Bài kiểm tra nói (5-7 phút) được tiến hành theo cặp, bao gồm 2 phần theo hình thức của bài thi IELTS + Phần 1 (2-3 phút): Sts answer general questions about themselves + Phần 2 (3-4 phút): Sts talk about a given topic	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Nghe: Bài kiểm tra nghe (45-60 phút) gồm 3 phần theo hình thức như sau: + Part 1: IELTS listening test + Part 2: FCE listening test + Part 3: IELTS listening test	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

	- Nói: - Bài kiểm tra nói (10-12 phút) được tiến hành theo từng cá nhân, gồm 3 phần tương tự như định dạng bài thi VSTEP speaking test: - Phần 1: Thí sinh trả lời câu hỏi của giám khảo về một số thông tin cá nhân - Phần 2: Thí sinh nói về một 1 chủ đề với một số gợi ý cho sẵn - Phần 3: Thí sinh trả lời một số câu hỏi của giám khảo liên quan đến chủ đề của phần 2			
--	--	--	--	--

7. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp, hoàn thành bài tập, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra tiến độ, giữa kỳ và cuối kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B2*. Richmond. [1]
2. Jo Tomlinson & Fiona Aish. (2011). *Listening for IELTS*. HarperCollins [2]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge First Certificate in English 6*. (2016). Cambridge University Press.
2. *Cambridge IELTS Practice Test 9*. (2016). Cambridge University Press.
3. *Cambridge IELTS Practice Test 10*. (2016). Cambridge University Press

6.27. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 4/READING AND WRITING SKILLS 4

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã HP: 131039
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 3

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các bài đọc có từ vựng, cấu trúc câu ở mức độ phức tạp, những kỹ năng đọc viết nâng cao về các chủ đề như: điện ảnh, du lịch, thám hiểm, văn hóa xã hội, khoa học và công nghệ ...; cách viết bài luận dài thể hiện ý kiến hai chiều, viết các thể loại thư, viết nhận xét...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có vốn từ vựng ở mức độ B2 và có thể sử dụng vốn từ vựng, ngữ pháp, chiến thuật đọc hiểu nâng cao để đọc hiểu những bài học ở mức độ B2
- CO2: Nắm được các cấu trúc ngữ pháp nâng cao và biết các chiến thuật đọc hiểu nâng cao
- CO3: Xác định được các cách miêu tả biểu đồ và bảng biểu
- CO4: Nắm vững cách viết bài luận 5 đoạn về phân tích quá trình, nguyên nhân, giải pháp, kết quả của một vấn đề xã hội.
- CO5: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng đọc hiểu,

kỹ năng viết và có khả năng viết sáng tạo về các chủ đề phức tạp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng vốn từ vựng đã nhớ và hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ B2.

- CLO2: Vận dụng chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ B2; đồng thời phân tích và đánh giá nội dung nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ B2

- CLO3: Phân tích và miêu tả các dạng biểu đồ khác nhau; trình bày và giải thích quan điểm, nguyên nhân kết quả về một vấn đề trong bài viết luận có cấu trúc chặt chẽ.

- CLO4: Đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình, vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để hoàn thành công việc và có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân và có năng lực tự học

- CLO5: Người học chấp hành các quy định của học phần như: tham gia lớp học tối thiểu 80% số giờ quy định, hoàn thành các bài tập lớn, dự án, portfolio, làm đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá và chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập

4. Nội dung học phần

Nội dung 1	Hình thức tổ chức dạy học				KT- ĐG	Tự học
	Giờ lên lớp					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
1. Course Introduction/Orientation 2. Reading: 1. Lesson 1: -Use it or lose it! (1) 2. Lesson 2: - Travel and Technology (2) 3. Targeted skills: - Scanning - Predicting 3. Writing: 1. Grammar: Structures with Verb-ing/Verb-infinitive (handouts) 2. Writing task 1 IELTS: Line graphs (handouts)	2,5	1	0	1,5	0	7
Nội dung 2: Reading: 1. Lesson 1: -What a choice! (1) 2. Lesson 2: - Reality TV: Good or	2,5	1	0	1,5	0	7

Bad for Fashion? (2) 3. Targeted skills: - Skimming for the main idea - Identifying main and supporting ideas Writing: 1. Grammar: Structures with modal verbs (Handouts) 2. Practice IELTS writing task 1: Line graphs (handouts)						
Nội dung 3: Reading: 1. Lesson 1: - A decade of change (1) 2. Lesson 2: - Endangered Species (2) 3. Targeted skills: - Identifying meaning from context - identifying main ideas within paragraphs Writing: 1. Grammar: Conditional sentences with unless, if only (handouts) 2. IELTS writing task 1: Bar charts (handouts) Progress Test 1	2	1	0	1	1	7
Nội dung 4: Reading: 1. Lesson 1: Review- Units 1-3 (1) 2. Lesson 2: - Lottery Winners: Rich....but Happy? (2) 3. Targeted skills: - Identifying cause and effect - Previewing Writing: 1. Grammar: Conditional sentences with if it were for/if it hadn't been for (handouts) 2. Practice IELTS writing task 1: Bar charts (handouts)	2,5	1	0	1,5	0	7
Nội dung 5: Reading 1. Lesson 1: - Will life really be like this? (1) 2. Lesson 2: - Wedding customs (2) 3. Targeted skills: - Using subheadings to predict content	2	1	0	2	0	7

- Recognizing sequence of events Writing: 1. Grammar: Reduced relative clauses (handouts) 2. IELTS writing task 1: Tables (<i>Trend</i>)						
Nội dung 6: Reading 1. Lesson 1: - Facing up to a new life (1) 2. Lesson 2: - The “Lost World” of South America (2) 3. Targeted skills: - Making inferences - Identifying main ideas within paragraphs Writing : 1. Grammar: Reduced adverb clauses (handouts) 2. Practice IELTS writing task 1: Tables (handouts) Mid-term test	2	1	0	1	1	7
Nội dung 7: Reading: 1. Lesson 1: - Are you connected? You may be in danger... (1) 2. Lesson 2: - Successful Dieting (2) 3. Targeted skills: - Scanning - Predicting Writing: 1. Tổng quan về Essay(3)	2	1	0	2	0	7
Nội dung 8: Reading 1. Lesson 1: Review Units 4-6 (1) 2. Lesson 2: - Human Adaptation to Space (2) 3. Targeted skills: - Identifying main and supporting ideas - Making inferences Writing: 1. Solutions essays (handout)	2	1	0	2	0	7
Nội dung 9: Reading 1. Lesson 1:- A blow for conservation (1)	2	1	0	1	1	7

2. Lesson 2: - Is an Only child a Lonely Child? (2) 3. Targeted skills: - Recognizing facts and opinions - Previewing Writing: 1. Causes-solutions Essay (handout) - Progress Test No.2						
Nội dung 10: Reading: 1. Lesson 1: - What a blooper! (1) 2. Lesson 2: - Plagiarism and the Internet (2) 3. Targeted skills: - Arguing for and against a topic - Identifying meaning from context Writing: 1. Problems-solutions Essay (handout) Progress Test 2	2	1	0	1	1	7
Nội dung 11: Reading: 1. Lesson 1: - Aiming high (1) 2. Lesson 2: - Words to Remember (2) 3. Targeted skills: - Identifying main ideas within paragraphs - Scanning Writing: 1. Cause and effect essays (3)	2	1	0	2	0	7
Nội dung 12: 1. Lesson 1: Review Units 7-9 (1) 2. Lesson 2: - The Evolution of Batman (2) 3. Targeted skills: - Recognizing sequence of events - Identifying main and supporting ideas Writing: Cause and effect essays (cont) (3)	2	1	0	2	0	7
Nội dung 13: - Reading: Further Practice - Writing: Essay Review - Wrap-up: Revision for final exam.	1	1	0	1	0	6

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Bài kiểm tra quá trình 1 (tuần 3) - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 3 (đọc hiểu + Viết miêu tả biểu đồ) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết thư).	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	30%
2	Bài kiểm tra quá trình 2 (tuần 9) - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 7 – tuần 9 (đọc hiểu + viết bài luận 5 đoạn về nguyên nhân/ giải pháp của một vấn đề). - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu +5 điểm viết bài luận ngắn)	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
3	Presentation (trình bày vào mỗi tuần, từ tuần 3-12) - Vào buổi học đầu tiên, giảng viên hướng dẫn SV thực hiện thuyết trình trong mỗi tuần học. - Người học làm việc theo nhóm 3-4 sinh viên - Mỗi nhóm bốc thăm 1 chủ đề liên quan đến nội dung bài đọc hiểu tuần 3-12. - Nhóm tự tìm trong sách, báo, tạp chí, trên mạng 1 bài đọc về chủ đề nhóm đã bốc thăm - Nhóm đọc bài, và thực hiện các nhiệm vụ: * Giới thiệu về bài đọc (tiêu đề, tác giả, nguồn) * Từ mới, cấu trúc câu trong bài: Liệt kê 10 từ mới (kèm theo nghĩa của từ)+5 cấu trúc câu ở trình độ B2 * Tóm tắt nội dung bài đọc * Nội dung trong bài nhóm thấy thú vị * Nội dung trong bài nhóm thấy không thuyết phục * Trả lời câu hỏi của lớp (Q &A) - Ít nhất 2 ngày trước khi thuyết trình, nhóm gửi bài đọc cho lớp và giáo viên. - Từng tuần, nhóm thuyết trình trong 10 phút.	Rubric 3	CLO4, CLO5	

	- Điểm thuyết trình được đánh giá theo thang điểm 10			
4	Tự học + portfolio (nộp cho giảng viên vào tuần 12) - Đối với phần đọc hiểu: Người học tự học theo quy định của mỗi tuần trong phần Self-study. Người học tổng hợp lại 10-20 từ mới trong mỗi bài đọc ở trình độ B2 của mỗi tuần, giải thích bằng các cụm từ tiếng Anh tương đương; Tất cả phần ghi chép của mỗi tuần tự học này được tập hợp thành một cuốn vở tự học. Đồng thời phải tóm tắt nội dung bài đọc bằng ngôn ngữ của mình sau đó dịch bài đọc sang tiếng Việt vào vở. Giảng viên kiểm tra từng tuần việc tự học để đảm bảo người học làm bài theo đúng tiến độ. - Đối với phần viết: Người học được cung cấp 12 chủ đề viết luận. Với mỗi chủ đề hàng tuần người học phải viết bản first draft trên lớp bốn giờ, về nhà thực hành Peer check rồi viết lại bản first submit đầu buổi học sau nộp giáo viên sửa và review chung cho cả lớp sau đó người học về nhà sửa lại bài viết của mình (người học có thể tham khảo các nguồn tài liệu bên ngoài). Mỗi chủ đề người học sẽ được viết đi viết lại 3 lần để chỉnh sửa và hoàn thiện kỹ năng viết. Tất cả các bài thu thập được và bài viết của cá nhân được tập hợp thành một tập portfolio. - Điểm tự học+portfolio được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm phần tự học và 5 điểm phần portfolio).	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 6 (đọc hiểu+viết lại câu + viết một bài luận về giải pháp cho một vấn đề) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết lại câu + viết thư)	Rubric 1,2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Hình thức: Thi viết - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần	Rubric 1,2	CLO1, CLO2,	50%

13 (đọc hiểu,viết miêu tả biểu đồ, viết bài luận) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm đọc hiểu + 5 điểm viết thư và bài luận ngắn) - Cấu trúc đề thi cuối kỳ HP Kỹ năng đọc-viết 3: Phần I: Kỹ năng đọc hiểu Nội dung 1: Multiple choice cloze Nội dung 2: True-false questions Nội dung 3: Multiple choice questions Phần II: Kỹ năng viết Nội dung 4: Writing a description of a graph/chart/table Nội dung 5: Writing an essay		CLO3, CLO4, CLO5	
--	--	------------------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). *Achievers B2*. Richmond Vietnam News Agency Publishing House. [1]
2. Neil J.Anderson. (2013). *Active Skills for Reading 3, Third Edition*. Heine Cengage Learning [2]
3. Alice Savage, & MasoudShafiei.(2008). *Effective Academic Writing 3*. Cambridge University Press.[3]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge First Certificate in English 6* (2016). Cambridge University Press. [4]
2. *Cambridge IELTS Practice Test 9* (2016). Cambridge University Press. [5]
3. *Cambridge IELTS Practice Test 10* (2016). Cambridge University Press. [6]

6.28. KỸ NĂNG NGHE NÓI 5 / LISTENING AND SPEAKING SKILLS 5

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Bộ môn quản lý học phần: PTKN tiếng Anh, Khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 4

1. Mô tả học phần

Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc, chiến thuật và kỹ năng nghe nói ở bậc 5 thấp (tiền C1) liên quan đến đa dạng các vấn đề khác nhau trong xã hội, đặc biệt là

những vấn đề mang tính trừu tượng và thời sự đòi hỏi khả năng phân tích, lý luận tương đối cao.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp mức độ tiền C1 cũng như các chiến thuật nghe hiểu về các chủ đề khác nhau trong đời sống, xã hội, đặc biệt là những vấn đề mang tính trừu tượng, thời sự và học thuật để so sánh, đánh giá và hiểu đúng ý đồ, hàm ngôn của người nói.

- CO2: có khả năng giải thích, chứng minh cho lập luận của mình; đánh giá và hiểu đúng dụng ý của người nói để thảo luận và tranh biện với lập luận và thái độ phù hợp trong môi trường học thuật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: hiểu và phát âm chính xác các âm đơn, trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu phù hợp mới mục đích nói.

CLO2: hiểu và sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt ở bậc 5 thấp (tiền C1).

CLO3: nghe hiểu và xác định được thông tin khái quát, thông tin chi tiết, hàm ngôn cũng như thái độ của người nói trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong môi trường học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.

CLO4: trình bày rõ ràng với đầy đủ minh chứng, giải thích về các vấn đề trong đời sống, xã hội ở cả môi trường giao tiếp hàng ngày, môi trường học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.

CLO5: giải quyết được các vấn đề phát sinh trong khi thảo luận, tranh biện và thuyết trình.

CLO6: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tư vấn	Tự học
	Giờ lên lớp					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: Course Orientation Unit 1: The secret of my success [1] Unit 1: Change and consequences [2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of success and failure 1.2. Language and expressions of living places 2. Listening skills 2.1. Understanding a radio broadcast	3	1	1	0	3	7

2.2. Predicting in tables 3. Speaking skills 3.1. Discussing familiar topics: careers 3.2. Identifying yourself 3.3. Saying where you come from						
Nội dung 2: Unit 2: Mother tongue [1] Unit 2: The importance of the past [2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of language and communication 1.2. Language and expressions of event description 2. Listening skills 2.1. Understanding a radio interview about bilingualism 2.2. Signpost phrases 2.3. Sentence completion 2.4. Classification 3. Speaking skills 3.1. Asking for clarification 3.2. Describing past events 3.3. Planning 3.4. Describing precautions	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 3: Unit 3: Who do you think you are [1] Unit 3: Machines, cycles, and processes[2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of personality 1.2. Language and expressions of shopping and object description 2. Listening skills 2.1. Understanding an informal interview about identity 2.2. Information in flow charts 3. Speaking skills 3.1. Talking about important events in the past 3.2. Discussion questions and	2	1.5	1.5	0	3	7

expressing views about shopping						
Nội dung 4: Review Unit 1-3 [1] Unit 4: Education [2] Bài kiểm tra số 1 1. Vocabulary: Language and expressions of campus and academic courses 2. Listening skills 2.1. Identifying campus contexts 2.2. Information in multiple choice questions 2.3. Summary completion 3. Speaking skills 3.1. Debating 3.2. Describing people 3.3. Making notes 4. Progress test 1	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 5: Unit 4: Be the change[1] Unit 5: Youth [2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of people who make difference and change 1.2. Language and expressions of youth and job description 2. Listening skills 2.1. Interpreting a radio news programme about invention 2.2. Understanding maps 2.3. Sentence completion 2.4. Table completion 3. Speaking skills 3.1. Expressing opinions in a meeting and reaching a decision 3.2. Describing jobs 3.3. Advantages and disadvantages	3	1	1	0	3	7
Nội dung 6: Unit 5: Lock them up [1] Unit 6: Culture [2]	2	1.5	1.5	0	3	7

1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of the justice system and crime 1.2. Language and expressions of buildings and architecture 2. Listening skills 2.1. Interpreting an interview about crime 2.2. Understanding layout 2.3. Predicting from notes 3. Speaking skills 3.1. Providing an alibi 3.2. Talking about freetime activities 3.3. Expressing preferences 3.4. Dealing with unfamiliar topics						
Nội dung 7: Unit 6: Modern family [1] Review Unit 4-6 [1] 1. Vocabulary: Language and expressions of family 2. Listening skills: Understanding an interview about a “techno fast” experiment in the family 3. Speaking skills: Negotiating and compromising 4. Mid-term test	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 8: Unit 7: Into the unknown [1] Unit 7: Arts and sciences [2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of future 1.2. Language and expressions of arts and sciences 1.3. Language and expressions of guidelines and procedures 2. Listening skills 2.1. Understanding a topical discussion about future holiday in space 2.2. Questions from statements 2.3. Paraphrases for matching	2	1.5	1.5	0	3	7

3. Speaking skills: 3.1. Speculating about the future 3.2. Comparing and evaluating 3.3. Expressing others' views						
Nội dung 9: Unit 8: Nature [2] 1. Vocabulary: Language and expressions of place description 2. Listening skills 2.1. Changing opinions 2.2. Extended multiple choice 2.3. Summary completion 3. Speaking skills 3.1. Describing animals and presents 3.2. Making notes 4. Progress test 2	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 10: Unit 8: In the news [1] Unit 9: Health [2] 1. Vocabulary 1.1. Language and expressions of news 1.2. Language and expressions of sports 2. Listening skills 2.1. Understanding different opinions about the legal voting age 2.2. Predicting in tables 2.3. Words spelt out 3. Speaking skills 3.1. Giving and responding to good and bad news 3.2. Expressing a tentative opinion 3.3. Synthesizing and evaluating information 3.4. Emphasizing main points 3.5. Taking time to think	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 11: Unit 9: You couldn't make it up [1] Review Unit 7-9 [1] 1. Vocabulary: Language and	2	1.5	1.5	0	3	7

expressions of emotional responses 2. Listening skills: Understanding a radio item about unusual stories 3. Speaking skills: Expressing extreme doubt and skepticism						
Nội dung 12: Unit 10: Individual and society [2] 1. Vocabulary: Language and expressions of individual and social issues 2. Listening skills 2.1. Paraphrasing questions 2.2. Visual multiple choices 3. Speaking skills: 3.1. Describing places and feelings 3.2. Starting your description 3.3. Summing up impressions 4. Progress test 3	2	1.5	1.5	0	3	7
Nội dung 13: Review Unit 1-9 [1] Revision 1. Review of listening skills and speaking topics during the course 2. Format of the final examination 3. Examination tips	1	1	1	0	2	3

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần và tự học - đi học đầy đủ, đúng giờ; - thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; - mức độ làm bài tập về nhà đầy đủ	Rubric 1 - đánh giá chuyên cần	CLO5 CLO6	30%
2	Bài kiểm tra số 1 - Nghe: Section 1 - IELTS listening test + Part 1 – CAE listening test - Nói: Social interaction about personal information	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

3	Bài kiểm tra số 2 - Nghe: Section 1, 2 IELTS listening test - Nói: Extended questions about social issues	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 4 - đánh giá thảo luận, tranh biện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	
4	Bài kiểm tra số 3 - Nghe: Section 2, 3 IELTS listening test - Nói: Presentation/ debate/ discussion	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 4 - đánh giá thảo luận, tranh biện Rubric 5 - đánh giá thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Nghe: Section 1, 2 - IELTS listening test + Part 1 – CAE listening test - Nói: Topic development	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Nghe: + Section 1 IELTS (10 questions – 20 points) + Section 2 IELTS (8 questions – 20 points) + Section 3 IELTS (7 questions – 10 points) - Nói: + part 1: social interaction (10 points) + part 2: topic development (20 points) + part 3: extended questions (20 points)	Rubric 2 - đánh giá nghe viết Rubric 3 - đánh giá giao tiếp nói Rubric 4 - đánh giá thảo luận, tranh biện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	50%

7. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp, hoàn thành bài tập, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra tiến độ, giữa kỳ và cuối kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle. (2016). Achievers C1. Richmond. [1]
2. Barry Cusach & Sam McCarter (2007). Improve your IELTS Listening and Speaking Skills. Macmillan Education. (2)

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. *Cambridge Certificate in Advanced English 5*. (2003). Cambridge University Press.
2. *Cambridge IELTS Practice Test 11*. (2016). Cambridge University Press.
3. *Cambridge IELTS Practice Test 12*. (2017). Cambridge University Press.

6.29. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 5/READING AND WRITING SKILLS 5

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã học phần: 131044
- Bộ môn quản lý học phần: PTKN tiếng Anh, Khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 4

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật và các kỹ năng đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp ở bậc 5 (mức 1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cũng như các bài viết miêu tả biểu đồ tròn, biểu đồ cột, bảng biểu diễn tả sự chênh lệch; các bài viết miêu tả bản đồ, các bài viết trình bày quan điểm và thảo luận về quan điểm của người khác.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp bậc 5 thấp (tiền C1) cũng như các chiến thuật đọc hiểu về các chủ đề khác nhau trong đời sống, xã hội, đặc biệt là những vấn đề mang tính trừu tượng, thời sự và học thuật để so sánh, đánh giá và hiểu đúng thái độ, mục đích và hàm ngôn của người viết.
- CO2: có khả năng phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để so sánh, đánh giá sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng.
- CO3: có khả năng bày tỏ quan điểm của mình, thảo luận về quan điểm của người khác mà có giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng, phù hợp cho lập luận của mình.
- CO4: có khả năng thiết kế được một sản phẩm giáo dục: báo cáo khoa học, kế hoạch/ thiết kế/ sản phẩm hoàn chỉnh liên quan đến nghệ thuật hoặc tiêu dùng hoặc giáo dục.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: hiểu và sử dụng được khá đa dạng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt ở bậc 5 thấp (tiền C1).

CLO2: đọc hiểu và xác định được thông tin khái quát, thông tin chi tiết, hàm ngôn cũng như thái độ của người nói trong các bài đọc bậc 5 thấp (tiền C1) về các chủ đề cuộc sống hàng ngày cũng các chủ đề liên quan đến học thuật và môi trường xã hội mang tính thời sự.

CLO3: hiểu và phân tích được số liệu cũng như nội dung trong biểu đồ, bản đồ để so sánh, đánh giá sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng.

CLO4: bày tỏ được quan điểm của mình, thảo luận về quan điểm của người khác mà có giải thích, chứng minh tương đối rõ ràng, phù hợp cho lập luận của mình về các vấn đề khác nhau trong xã hội.

CLO5: thiết kế được một sản phẩm giáo dục: báo cáo khoa học, kế hoạch/ thiết

kế/ sản phẩm hoàn chỉnh liên quan đến nghệ thuật hoặc tiêu dùng hoặc giáo dục.

CLO6: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và hợp tác nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tư vấn	Tự học
	Giờ lên lớp					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction/ Orientation 1.2. Reading: 1.2.1. Lesson 1: What’s in a name? 1.2.2. Lesson 2: Community spirit 2.2. Writing: comparative graphs 2.2.1. Overview of comparative graphs 2.2.2. Compare and contrast languages	2.5	1.5	1	0	3	7
Nội dung 2: 2.1. Reading: 2.1.1. Lesson 1: Millionaires before the age of 20! 2.1.2. Lesson 2: The job market 2.2. Writing: comparative graphs 2.2.1. Describing numbers 2.2.2. Ranking information	2.5	1.5	1	0	3	7
Nội dung 3: 3.1. Reading: 3.1.1. Lesson 1: Emotions: The future of language? 3.1.2. Lesson 2: Non-verbal Clues 3.2. Writing: Writing a report describing pie charts	2.5	1.5	1	0	3	7
Nội dung 4: 4.1. Reading: 4.1.1. Lesson 1: The stuff we are made of 4.1.2. Lesson 2: Twenty-	2.5	1.5	1	0	3	7

somethings 4.2. Writing: Writing a report describing bar charts/ tables 4.3. Progress Test No.1: Reading: B2-C1 level reading passages Writing: Writing a report describing comparative graphs						
Nội dung 5: 5.1. Reading: 5.1.1. Lesson 1: Be the change you want to see 5.1.2. Lesson 2: Cultural differences 5.2. Writing: Writing a report describing map	2	2	1	0	3	7
Nội dung 6: 6.1 Reading: 6.1.1. Lesson 1: Prison in the 21st century 6.1.2. Lesson 2: Getting an education 6.2. Writing: Writing a report describing map (continued) 6.3. Mid-term test: 6.3.1.1. Reading: B2-C1 level reading passages 6.3.1.2. Writing: Writing a report describing a map	2	1	2	0	3	7
Nội dung 7: 7.1. Reading: 7.1.1. Lesson 1: Baby storm: the genderless baby 7.1.2. Lesson 2: Family matters 7.2. Writing: opinion essay (1)	2	2	1	0	3	7
Nội dung 8: 8.1. Reading: 8.1.1. Lesson 1: 1984 by George Orwell 8.1.2. Lesson 2: Scientists at work 8.2. Writing: opinion essay (2)	2	1	2	0	3	7
Nội dung 9:	2	2	1	0	3	7

9.1. Reading 9.1.1. Lesson 1: Celebrity...news 9.1.2. Lesson 2: On the move 9.2. Writing: opinion essay (3) 9.3. Progress Test No.2 9.3.1. Reading: Part 2, 3 - C1 (CAE) reading passages 9.3.2. Writing: Writing an opinion essay						
Nội dung 10: 10.1. Reading: 10.1.1. Lesson 1: Woman who eats nothing but chips... 10.1.2. Lesson 2: Healthcare 10.2. Writing: discussion essay (1)	2	1	2	0	3	7
Nội dung 11: 11.1. Reading: 11.1.1. Water 11.1.2. Practice test 11.2. Writing: discussion essay (2)	2	1	2	0	3	7
Nội dung 12: 12.1. Reading: Projects presentation 12.2. Writing: discussion essay (3) 12.3. Project submission	2	1	2	0	3	7
Nội dung 13: 13.1. Reading: Revision for final test 13.2. Writing: Revision for final test 13.3. Portfolio submission	1	1	1	0	2	3

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần và tự học	Rubric 1 - đánh	CLO6	30%

	- đi học đầy đủ, đúng giờ; - thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; - mức độ làm bài tập về nhà đầy đủ	giá chuyên cần		
2	Bài kiểm tra số 1 - Đọc: + Passage 1 - IELTS reading test +Part 1 – CAE English in Use (multiple choice cloze) - Viết: Writing a report describing comparative graphs	Rubric 2 - đánh giá đọc hiểu Rubric 3 - đánh giá viết bảng biểu	CLO1 CLO2 CLO3	
3	Bài kiểm tra số 2 - Đọc: + Part 2 – CAE reading (gap filling) + Passage 2 - IELTS reading - Viết: Writing an opinion essay	Rubric 2 - đánh giá đọc hiểu Rubric 4 - đánh giá viết nghị luận	CLO1 CLO2 CLO4	
4	Bài kiểm tra số 3 Điểm sản phẩm dự án	Rubric 5 - đánh giá sản phẩm dự án	CLO1 CLO5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Đọc: + Part 1 – CAE reading (matching) + Passage 1 - IELTS reading - Viết: Writing a report describing a map	Rubric 2 - đánh giá đọc hiểu Rubric 3 - đánh giá viết bảng biểu	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Đọc: + Passage 1 - IELTS reading + Passage 2 IELTS reading + Part 1 – CAE reading - Viết: + part 1: Writing a report describing a comparative graph/ map + part 2: Writing an opinion/ discussion essay	Rubric 2 - đánh giá đọc hiểu Rubric 3 - đánh giá viết bảng biểu Rubric 4 - đánh giá viết nghị luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp, hoàn thành bài tập, dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra tiến độ, giữa kỳ và cuối kỳ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Martyn Hobbs & Julia Starr Keddle.(2016). Achievers C1.Richmond.

2. Els Van Geyte. (2011). Reading for IELTS. HarperCollins Publisher.a
3. Richard Brown and Lewis Richards (2012). Ielts Advantage Writing Skills. Delta Publishing.

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Cambridge Certificate in Advanced English 5 (2003). Cambridge University Press.
2. Cambridge IELTS Practice Test 11 (2016). Cambridge University Press.
3. Cambridge IELTS Practice Test 12 (2017). Cambridge University Press.

6.30. KỸ NĂNG NGHE NÓI 6/LISTENING AND SPEAKING SKILLS 6

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 131047
- Bộ môn quản lý học phần: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, Trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 5

1. Mô tả học phần

- Học phần bao gồm 12 nội dung chính được sắp xếp theo chủ đề từ các bài trong 2 giáo trình Improving your Skills: Listening & Speaking for IELTS 6.0-7.5 [1], Speaking for IELTS [2]

- Mỗi nội dung bài học gồm 3 phần chính:

(1) Từ vựng và cấu trúc: Người học được cung cấp một hệ thống từ vựng, các cách diễn đạt và cấu trúc liên quan đến chủ đề nội dung bài học.

(2) Kỹ năng nghe hiểu: Người học được trang bị các kiến thức lí thuyết và chiến lược cho các kỹ năng nghe hiểu và thực hành các kỹ năng này trong quá trình nghe hiểu các dạng bài khác nhau của từng nội dung bài học.

(3) Kỹ năng nói: Người học thực hành luyện kỹ năng nói theo cá nhân, cặp, hoặc nhóm thông qua các tình huống giao tiếp, chủ đề thảo luận và các dự án trong từng nội dung bài học.

2. Mục tiêu học phần

CO1: sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói phức tạp về các chủ đề đa dạng ở mức độ C1; để giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề một cách trôi chảy và lưu loát; để giao tiếp với người khác bằng ngôn ngữ đích một cách thông thạo và duy trì được các cuộc hội thoại để tạo dựng mối quan hệ lâu dài.

CO2: có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: có thể sử dụng thông thạo vốn từ vựng rộng về các chủ đề phức tạp, các cách diễn đạt, các cấu trúc ngữ pháp, chiến thuật nghe hiểu để nghe những bài nghe ở mức độ C1.

CLO2: áp dụng các phương thức giao tiếp, vốn từ, cách diễn đạt, để giao tiếp, trình bày, giải thích quan điểm bằng ngôn ngữ đích một cách trôi chảy, tự nhiên.

CLO3: phát âm chuẩn, thay đổi ngữ điệu, đặt trọng âm chính xác để thể hiện sắc thái ý nghĩa tinh tế.

CLO4: có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghe nói ở ngoài lớp học

CLO5: chủ động tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp; hoàn thành đầy đủ, có chất lượng và thể hiện thái độ phù hợp khi làm các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1 Unit 1: Life choices [1] Unit 1: People and relationships [2] 1. Course Orientation 2. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: character and personality , relationships - Linking expressions to link ideas and sentences to extend the answers 3. Listening skills - Identifying the context - Predicting in notes - Exam listening: Section 1 4. Speaking skills - Talking about familiar topics - Giving extended answers	3	1	0	1		7
Nội dung 2 Unit 2: Taste [1] Unit 10: Culture [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: art and media, festivals and historical sites, protecting heritage - Expressions of likes and preference 2. Listening skills - Labelling a map or plan - Exam listening: Section 2 3. Speaking skills - Describing an arts or media event	2	1.5	0	1.5		7

- Using cleft sentences - Talking about likes and preferences - Talking about festivals and historical sites						
Nội dung 3 Unit 3: The world about us [1] Unit 4: The world around us [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: disasters, climate, and the environment; - Expressions of expressing views and opinions 2. Listening skills - Listening for details - Identifying synonyms and paraphrases - Classification - Exam listening: Section 3 3. Speaking skills - Describing something to help the environment - Expressing views and opinions - Describing favourite season	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 4 Unit 4: Language and communication [1] Unit 5: Communication [2] Progress test 1 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: communication, languages, and globalisation - Expressions of agreeing and disagreeing 2. Listening skills - Listening for details: visual multiple choice - Completing table - Exam listening: Section 3 3. Speaking skills - Agreeing and disagreeing - Making notes about the topic: an	2	1	0	1	1	7

important letter receiving - Describing a language to learn 4. Progress test 1						
Nội dung 5 Unit 5: Food for thought [1] Unit 3: A healthy body [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: food, health and diet - Expressions of asking for clarification and giving yourself thinking time 2. Listening skills - Normalizing in paraphrasing - Completing sentences - Exam listening: Section 2 3. Speaking skills - Asking for clarification and giving yourself thinking time to answer questions about the lesson-related topic - Describing an exciting competition or sporting event you have witnessed	3	1	0	1		7
Nội dung 6 Unit 6: Science and Technology [1] Handouts for speaking and speaking revisions activities 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topic: science and technology - Expressions of making generalizations 2. Listening skills - Identifying and avoiding distracters - Matching - Exam listening: Section 4 3. Speaking skills - Making generalizations - Describing a digital device	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 7 Unit 6: Technology [2] Handouts for listening activities Mid-term test	2	1	0	1	1	7

1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topic: technology and internet - Expressions of expressing causes and effects 2. Listening skills - Listening for gist and details - Completing forms - Selecting from a list 3. Speaking skills - Roleplaying to ask and answer questions about technology and internet - Describing a piece of electronic equipment that you find useful 4. Mid-term test						
Nội dung 8 Unit 7: On the move [1] Unit 11: On the move [2] 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topic: holidays and tourism - Expression of expressing yourself indirectly 2. Listening skills - Completing summary - Exam listening: Section 3 3. Speaking skills - Using a range of language - Describe a place/country you want to visit	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 9 Unit 8: Friends and family [1] Unit 9: Hobbies Progress test 2 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of topics: friends and family - Expressions of likes or dislikes 2. Listening skills - Listening to numbers and letters - Completing form	2	1	0	1	1	7

- Exam listening: Section 1 3. Speaking skills - Avoiding repetition using substitution and ellipsis - Talk about things you like or dislike - Describing a hobby 4. Progress test 2						
Nội dung 10 Unit 9: Spend spend spend [1] Handouts for speaking and listening activities 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: cost and money - Expressions of expressing how to spend money 2. Listening skills - Labeling a diagram - Identifying the speaker's attitude - Exam listening: Section 3 3. Speaking skills - Describing objects - Follow up questions - Describing something you saved up for	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 11 Unit 10: Time [1] Unit 8: Youth [2] Progress test 3 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: time and youth - Expressions of agreeing and disagreeing 2. Listening skills - Understand structure and flow - Completing flowchart - Exam listening: Section 4 3. Speaking skills - Speculating and speaking hypothetically - Giving short answers for questions	2	1	0	1	1	7

about the topic of childhood - Describe a happy childhood memory 4. Progress test 3						
Nội dung 12 Unit 3: Studies & work [2] Unit 9: Home [2] Handouts for listening activities 1. Vocabulary and expressions - Vocabulary of the topics: studies, work and home - Expressions of giving opinions, making comparisons and expressing attitude 2. Listening skills - Listening for details - Listening for the IELTS question types: Completing form, answering multiple choice questions; labeling a map or plan; completing sentences 3. Speaking skills - Asking and answering questions about studies and work - Describing a dream job - Talking about changes	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 13 Revision Revision - Review of listening skills and speaking topics during the course - Format of the final examination - Examination tips	2	1.5	0	1.5		7

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04) 30%			
1	Chuyên cần và thái độ học - Giáo viên kiểm tra, theo dõi và đánh giá hàng	Rubric 1	CLO5	

	ngày, hàng tuần trên lớp - Mục đích: Thúc đẩy và đảm bảo sinh viên tự giác, tích cực học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp một cách liên tục, có hệ thống. - Tiêu chí đánh giá: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ; thái độ, mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp; làm bài tập về nhà đầy đủ			
2	Bài kiểm tra số 1 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 1-4 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài kiểm tra số 2 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 5-9 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Bài kiểm tra số 3 - Thi Nghe và Vấn đáp - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 10-12 - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí: Hiệu quả sử dụng chức năng ngôn ngữ đã học	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	

	trong chương trình vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Mức độ chính xác trong diễn đạt và sự trôi chảy. Phát âm, ngữ điệu			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Thi Nghe và vấn đáp - Mục đích: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học. - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí Phát âm: Mức độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp Độ lưu loát: Tốc độ nói và sự trôi chảy Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi; Mức độ liên kết và mạch lạc Chiến lược giao tiếp: Ngôn ngữ cử chỉ và chiến lược lược lời	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + Thi Nghe: viết, thời gian làm bài 30 phút + Thi Nói: vấn đáp, thời gian 10-12 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên chuyển sang học học phần mới. - Tiêu chí đánh giá: + Điểm nghe được đánh giá dựa trên số lượng các câu trả lời đúng. + Điểm nói được đánh giá dựa trên các tiêu chí Phát âm: Mức độ chính xác và rõ ràng của âm, trọng âm và ngữ điệu	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	50%

	Từ vựng: Phổ từ vựng, mức độ phù hợp và chính xác về từ vựng Ngữ pháp: Mức độ phù hợp và chính xác về ngữ pháp Độ lưu loát: Tốc độ nói và sự trôi chảy Bố cục nội dung: Mức độ hoàn thành bài thi; Mức độ liên kết và mạch lạc Chiến lược giao tiếp: Ngôn ngữ cử chỉ và chiến lược lượt lời			
--	--	--	--	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Joanna Preshous. (2014). *Improving your skills: Listening & speaking for IELTS 6.0-7.5* [1]
2. Karen Kovacs. (2011). *Speaking for IELTS. HarperCollins* [2]

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge IELTS Practice Test 13*. (2016). Cambridge University Press.
2. *Cambridge IELTS Practice Test 14*. (2016). Cambridge University Press
3. *Cambridge IELTS Practice Test 15*. (2016). Cambridge University Press

6.31. KỸ NĂNG ĐỌC VIẾT 6/READING AND WRITING SKILLS 6

- Số tín chỉ: 3
- Mã HP: 131048
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: PTKN tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Đọc Viết 5

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 12 nội dung chính được lựa chọn trong giáo trình *Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5* của Jane Short (2014), *The best preparation for IELTS writing* của Young Kim (2012).

- Mỗi nội dung bài đọc gồm ba phần: (1) Từ vựng, cấu trúc ngữ pháp: Cung cấp cho người học một hệ thống từ vựng theo chủ đề của nội dung bài học và các cấu trúc ngữ pháp được dùng trong bài đọc. (2) Đọc hiểu: Người học sử dụng các kỹ năng, chiến thuật đọc hiểu để đọc hiểu các bài đọc có văn phong đa dạng, phức tạp. (3) Ứng dụng thông tin: Từ những thông tin trong bài đọc, người học thảo luận theo cặp, nhóm về các vấn đề liên quan đến chủ đề vừa học.

- Mỗi nội dung bài dạy viết gồm ba phần: (1) Cung cấp từ vựng, cụm từ, cấu trúc câu, văn phong được dùng trong các loại bài viết. (2) Cung cấp các bài viết mẫu làm tài liệu tham khảo cho người học. (3) Người học thực hành viết lần 1, và viết lại lần 2 sau khi được chỉnh sửa, góp ý.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: vận dụng vốn từ vựng đã nhớ và hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ C1.

CO2: giải thích, miêu tả quá trình, so sánh dữ liệu trong sơ đồ kép; dùng tư duy logic, lý luận hợp lý trong bài viết để thuyết phục người đọc

3. Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: vận dụng vốn từ vựng đã nhớ và hiểu để đọc hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật ở mức độ C1.

CLO2: giải thích, so sánh dữ liệu trong sơ đồ kép với bar charts, pie chart, table, line graphs

CLO3: giải thích, miêu tả quá trình (quá trình tự nhiên/ nhân tạo)

CLO4: dùng văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận nêu thuận lợi và bất lợi của vấn đề

CLO5: dùng văn phong, cấu trúc câu dùng trong viết bài luận gồm 2 câu hỏi

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Khác	Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Nội dung 1 - Course Introduction/Orientation - Reading: Unit 1: Celebrity, privacy and the media - Writing: Writing a description of a mixed chart: : line graph and bar graph/ line graph and pie chart	3	1	0	1		7
Nội dung 2 - Reading: Unit 2: The 21st Century Workplace - Writing: Writing a description of a mixed chart: bar graph and pie chart/ line/bar/pie graph and table (continued)	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 3 -Reading: Unit 3: Clean water -Writing: Writing a description of mixed charts	2	1.5	0	1.5		7

(review and practice)						
Nội dung 4 - Reading: Unit 4: Space Travel -Writing: Writing an advantages and disadvantages essay (without opinion) - Progress Test No.1: Reading: IELTS reading passage 1 Writing: Writing a description of a mixed chart	2	1	0	1	1	7
Nội dung 5 - Reading: Unit 5: Sport and Sponsorship - Writing: Writing an advantages and disadvantages essay (with opinion)	3	1	0	1		7
Nội dung 6 - Reading: Unit 6: Families - Writing: Review - Mid-term test: Reading: Reading passages 1 and 2 Writing: Writing a report describing mixed charts Writing an advantages and disadvantages essay	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 7 - Reading: Unit 7: Social networking - Writing: Writing a description of a process	2	1	0	1	1	7
Nội dung 8 - Reading: Unit 8: Caring for the elderly - Writing: - Writing a description of a process (continued)	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 9 - Reading: Unit 9: Rising sea level and climate change	2	1	0	1	1	7

- Writing: Writing a description of a process (continued) - Progress Test No.2: Reading: Ielts reading passages Writing: Writing a description of a process						
Nội dung 10 - Reading: Unit 10: Education and Health - Writing: - Writing a two-question essay	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 11 - Reading: Full Ielts reading practice test - Writing: - Writing a two-question essay (continued)	2	1	0	1	1	7
Nội dung 12 - Reading: Project presentation - Writing: - Writing a two-question essay (continued) - Project presentation	2	1.5	0	1.5		7
Nội dung 13 - Reading: Revision for final test - Writing: Revision for final test - Self-study +Portfolio submission	2	1.5	0	1.5		7

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Bài kiểm tra số 1 - Thi viết - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 1-3 - Tiêu chí đánh giá: Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu.	Rubric 1	CLO1, CLO2,	30%

	Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.			
2	Bài kiểm tra số 2 - Thi viết - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 5-9 - Tiêu chí đánh giá: Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	Dự án - Thuyết trình vào mỗi tuần, thời gian 10-15 phút - Mục đích: Đánh giá khả năng thuyết trình của người học - Tiêu chí đánh giá: Điểm thuyết trình được đánh giá trên các tiêu chí: từ vựng và ngữ pháp; phát âm; nội dung bài thuyết trình; khả năng truyền tải nội dung bài thuyết trình (tương tác với khán giả, phong thái tự tin,...), mức độ mạch lạc, logic của bài thuyết trình.	Rubric 3	CLO1	
4	Tự học + portfolio - Đối với phần đọc hiểu: Người học tự học theo quy định của mỗi tuần trong phần Self-study. Giảng viên kiểm tra từng tuần việc tự học để đảm bảo người học làm bài theo đúng tiến độ. - Đối với phần viết: Người học được cung cấp chủ đề viết luận. Người học tự tìm trong sách, trên mạng các bài viết luận mẫu và/hoặc các bài viết có nội dung liên quan đến chủ đề viết (tổng cộng ít nhất 2 bài). Đọc bài viết luận mẫu và/hoặc bài viết có nội dung liên quan, sau đó tự viết 01 bài luận theo yêu cầu. Tất cả các bài thu thập được và bài viết của cá nhân được tập hợp thành một tập portfolio. Người học nộp cho giảng viên vào tuần cuối của học	Rubric 4	CLO1, CLO4, CLO5	

	phần - tuần 13. - Điểm tự học+portfolio được đánh giá theo thang điểm 10 (5 điểm phần tự học và 5 điểm phần portfolio). - Mục đích: Đánh giá quá trình tự học của người - Tiêu chí đánh giá: - Tự học: Người học tự làm các bài thực hành đọc hiểu (practice tests), có bằng chứng thể hiện tự kiểm tra đáp án, tra từ điển từ mới. - Portfolio: Đủ chủ đề viết: Có ít nhất 2 bài thu thập kèm theo 1 bài viết của bản thân lần 1, và bài viết lại lần 2 sau khi giảng viên sửa bài lần 1. Bài viết có cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Thi viết - Mục đích: So sánh năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần sau khi đã học được một nửa học phần để từ đó cải thiện kịp thời hoạt động dạy và học. - Tiêu chí đánh giá: Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết - Mục đích: Đánh giá kết quả chung về năng lực của sinh viên với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần để củng cố, mở rộng toàn bộ tri thức đã học từ đầu học phần và tạo điều kiện cho sinh viên thi Chuẩn Đầu Ra. - Tiêu chí đánh giá: Phần đọc hiểu được đánh giá dựa trên thang điểm quy định cho mỗi câu. Phần viết được đánh giá dựa trên các tiêu chí	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

	sau: cấu trúc, độ dài theo quy định; sử dụng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp; phát triển ý mạch lạc.			
--	---	--	--	--

7. Yêu cầu của môn học

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Jane Short (2014). *Improve your Skill: Reading for IELTS 6.0-7.5*. Macmillan. (HLBB1)
2. Young Kim (2012). *The best preparation for IELTS writing*. Nhan Tri Viet Publishing House. (HLBB2)

8.2. Tài liệu tham khảo

1. *Cambridge English IELTS 13*.(2017). Cambridge University Press. (HLTK1)
2. *Cambridge English IELTS 14*.(2018). Cambridge University Press. (HLTK2)
3. *Cambridge English IELTS 15*.(2018). Cambridge University Press. (HLTK3)

6.32. LÝ LUẬN DẠY TIẾNG ANH/ ENGLISH LANGUAGE TEACHING THEORIES

- Số tín chỉ: 2 (24,18, 0)
- Mã HP: 132002

- Bộ môn quản lý học phần: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức khái quát về lịch sử phương pháp giảng dạy ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng; về bản chất và tính đặc thù của từng phương pháp; những ưu điểm, nhược điểm của các phương pháp dạy học ngoại ngữ đã và đang được áp dụng trong các nước trên thế giới; những yếu tố tác động đến quá trình dạy học ngoại ngữ như: động cơ học tập, năng khiếu ngôn ngữ, kiểu tư duy.

2. Mục tiêu của học phần

- **CO1:** Hiểu được lý luận, các đường hướng, phương pháp trong giảng dạy ngoại ngữ; hiểu được các biến tố ảnh hưởng đến quá trình dạy và học ngoại ngữ.
- **CO2:** Có thể vận dụng các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ phù hợp và giải quyết các tình huống sư phạm cụ thể.
- **CO3:** Có thể sử dụng công nghệ hiện đại trong dạy học và khai thác thông tin, tài liệu phục vụ cho bài giảng, phát triển các kỹ năng ghi nhớ, thuyết trình vấn đề trước lớp bằng tiếng Anh.
- **CO4:** Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề, phản biện và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- **CLO1:** Ghi nhớ và hiểu được lý luận, các đường hướng, phương pháp trong giảng dạy ngoại ngữ; hiểu được các biến tố ảnh hưởng đến quá trình dạy và học ngoại ngữ.
- **CLO2:** Vận dụng các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ phù hợp và giải quyết các tình huống sư phạm cụ thể.
- **CLO3:** Vận dụng công nghệ hiện đại trong dạy học và khai thác thông tin, tài liệu phục vụ cho bài giảng, phát triển các kỹ năng ghi nhớ, thuyết trình vấn đề trước lớp bằng tiếng Anh.
- **CLO4:** Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề, phản biện và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.
- **CLO5:** Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận Bài tập			
Nội dung 1: The Grammar-Translation Approach	2	1,5	0	0	7
Nội dung 2: The Audiolingual Method	2	1,5	0	0	7
Nội dung 3: Suggestopedia The Silent way	2	1,5	0	0	7
Nội dung 4: Community Language Learning Total physical response	2	1,5	0	0	7
Nội dung 5: The Notional Functional Syllabus CLT- An overview	2	1,5	0	0	7
Nội dung 6: Characteristics of a good language learner Aptitude	2	1,5	0	0	7
Nội dung 7: Personality Learner Preferences Learner beliefs	2	1,5	0	0	8
Nội dung 8:	2	1,5	0	0	8

Age of acquisition					
Motivation and attitude					
Nội dung 9: Motivation in Language Learning	2	1,5	0	0	8
Nội dung 10: Role of the teacher in Second language learning	2	1,5	0	0	8
Nội dung 11: The Four Language Skills Teacher's adaptation to social situation	2	1,5	0	0	8
Nội dung 12: Revision: Methods and variations revisited	2	1,5	0	0	8

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Thuyết trình về một phương pháp giảng dạy	Rubric đánh giá bài tập thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài kiểm tra ngắn (quiz) nhằm khả năng hiểu, ghi nhớ lý thuyết của sinh viên.	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO1, CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra cuối kì	CLO1, CLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Freeman, L. (1991), *Techniques and principles in Language Learning*. Nxb Oxford

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Jeremy Harmer (2007), *The practice of English language teaching*, Pearson Longman ELT
2. Dr. M. F. Parel (2008), *English language teaching*. Sunrise

6.33. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG ANH 1/ENGLISH LANGUAGE TEACHING METHODOLOGY 1

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)
- Mã HP: 123115
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận dạy học tiếng Anh

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về vai trò của giáo viên, phương pháp và các kỹ thuật dạy từ vựng ngữ pháp, phát âm như: Dạy qua tranh, dạy qua đồ vật thực tế, ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ, các hoạt động như: slap the board, rub out and remember, pictures, picture story, dialogue build etc. Học phần cũng cung cấp kiến thức về cách phân chia các giai đoạn một tiết học dạy từ vựng – ngữ pháp, phát âm và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học; cấu trúc và cách biên soạn giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới, cách tiến hành giờ dạy từ vựng, ngữ pháp, phát âm tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về việc dạy các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh: từ vựng, ngữ pháp, phát âm.

CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá một bài dạy từ vựng, ngữ pháp, và phát âm, cũng như soạn giáo án và giảng dạy.

CO3: Hình thành cho người học lòng yêu nghề và tác phong chuẩn mực của một nhà giáo; có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về việc dạy các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh: từ vựng, ngữ pháp, phát âm.
- CLO2: Vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá một bài dạy từ vựng, ngữ pháp, và phát âm, cũng như soạn giáo án và giảng dạy.

- CLO3: Có tác phong chuẩn mực của một nhà giáo, có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. Roles of a teacher	2	1	0	1		9
2.Presenting Vocabulary	2	1	0	1		9
3. Eliciting	2	1	0	1		9
4. Shape a lesson	2	2	0	1		9
5. Presentation of a new structure; Checking	2	1	0	1		9
6. Drills – Controlled practice; Types of drills	2	1	0	1		9
7. Micro teaching and midterm test	1	2	0	2		9
8. From controlled to Less-Controlled Practice	2	1	0	1		9
9.Collecting information activities	2	1	0	1		9
10. Correction	2	1	0	1		9
11. Instructions; Use the Blackboard	2	1	0	1		9
12. Awareness Raising; Sounds	2	1	0	1		9
13. Roles of a teacher	2	1	0	1		9
14. Lesson plan	2	1	0	1		9
15. Consolidation and Micro-teaching	1	2	0	3		9
						135

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	1 đầu điểm kiểm tra trên lớp thông qua các hoạt động học tập và hiện diện (đóng góp xây dựng bài, trả lời câu hỏi của CBGD).	Rubric 1	CLO3,	30%

2	Hoàn thành tốt nội dung tự học, tự nghiên cứu và hoạt động theo nhóm: 20% (thông qua thực hành giảng dạy và bài soạn dựa trên nội dung thực hành dạy (tính bằng 4 đầu điểm)	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài kiểm tra viết do giảng viên thiết kế, kiểm tra đầy đủ nội dung đã học.	Rubric 3	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài kiểm tra viết do Bộ môn, khoa chuyên môn thiết kế theo nội dung chương trình đã học	Rubric 4	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- SV phải tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên).
Tham gia đầy đủ các giờ thực hành giảng dạy, thảo luận nhóm

- Tiêu chí đánh giá việc tham gia các hoạt động: Tích cực tham gia các hoạt động nhóm, thực hành giảng dạy theo yêu cầu, hoàn thành các công việc được giao như: chuẩn bị các bước giảng dạy một từ vựng và cấu trúc, chuẩn bị các hoạt động để giới thiệu, kiểm tra, và thực hành dạy học từ vựng và cấu trúc theo yêu cầu đặt ra vào đầu học phần.

- Thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. David Nunan (2003), *Practical English Language Teaching*. MC Graww-Hill Education.

2. SGK tiếng Anh lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 theo chương trình mới

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Martha C. Pennington (2006), *New ways in teaching grammar*. Oxford

2. Susan Halliwell (1992), *Teaching English in the Primary classroom*. Longman Handbooks.

3. Bob Obee (1999), *The grammar activity book*. Cambridge University Press.

6.34. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG ANH 2/ ENGLISH LANGUAGE TEACHING METHODOLOGY 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã HP: 123120

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về về phương pháp và kỹ thuật dạy học các kỹ năng tiếng Anh, cách phân chia các giai đoạn một tiết học kỹ năng tiếng Anh và tích hợp các kỹ năng trong cùng một bài học; cấu trúc giáo án dạy kỹ năng theo chương trình giáo dục phổ thông mới và cách thức tiến hành giờ dạy kỹ năng tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về việc dạy các kỹ năng tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá một bài dạy kỹ năng tiếng Anh, cũng như soạn giáo án và giảng dạy các kỹ năng này.

CO3: Hình thành cho người học lòng yêu nghề và tác phong chuẩn mực của một nhà giáo; có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về việc dạy các kỹ năng tiếng Anh; mô tả được những thuật ngữ thiết yếu trong giảng dạy tiếng Anh; so sánh các phương pháp được sử dụng trong giảng dạy tiếng Anh.

CLO2: Vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá một bài dạy kỹ năng tiếng Anh.

CLO3: Lựa chọn những phương pháp phù hợp để áp dụng vào giảng dạy tiếng Anh; áp dụng được những phương pháp, kỹ thuật dạy tiếng Anh vào thực tế.

CLO4: Vận dụng lý luận để viết giáo án, tổ chức lớp học, trình bày bài giảng và xử lý các tình huống sư phạm trong thời lượng quy định.

CLO5: Có tác phong chuẩn mực của một nhà giáo, có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, tự tin trong việc giảng dạy tiếng Anh.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Shapes of a Skill Lesson	2	2	0	1		9
Identifying the Stages of a Reading Lesson	2	1	0	1		9
Pre, while, and post – Reading Techniques	4	2	0	2		9
Guessing the meaning of new words	2	1	0	1		9
Consolidation and Micro-teaching	2	1	0	1		9
Teaching writing. Shape of a Writing Lesson	2	1	0	1		9
The role of correction	2	1	0	1		9
Teaching speaking. Analysing Accuracy and Fluency	2	1	0	1		9
Teaching Speaking in an Integrated way	2	1	0	1		9
Consolidation and Micro-teaching	1	2	0	2		9
Lesson planning	2	1	0	1		9
Problems involved in lesson planning	2	1	0	1		9

What should be in a Lesson Plan?	2	1	0	1		9
Instructions. Practising Writing a Lesson Plan for Teaching Reading	2	1	0	1		9
Consolidation and Micro-teaching	0	2	0	3		9
						135

5. Yêu cầu của môn học:

Yêu cầu: Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, xemima, thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá việc tham gia các hoạt động: Tích cực tham gia các hoạt động, hoàn thành các công việc được giao.

Thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình.

Tham gia thực hiện đầy đủ các bài tập mà CBGD yêu cầu.

6. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Tham dự lớp đầy đủ, tích cực xây dựng bài	Rubric 1	CLO3,	30%
2	Thực hiện các hoạt động giáo viên yêu cầu (thực hành dạy, làm việc nhóm, đọc tài liệu và làm bài tập về nhà)	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài kiểm tra viết do giảng viên thiết kế, kiểm tra đầy đủ nội dung đã học.	Rubric 3	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài kiểm tra viết do Bộ môn, khoa chuyên môn thiết kế theo nội dung chương trình đã học	Rubric 4	CLO1, CLO2	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Jeremy Harmer (2007), The practice of English language teaching. Pearson Longman ELT.

2. SGK tiếng Anh lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 theo chương trình mới

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Jon Davison and Jane Dowson (1998), Learning to teach English in secondary school, London and Newyork.

2. Scott Thornburry (2006), How to teach Speaking, Longman

3. Joanna Baker and Heather Westrup (2000), The English language teacher's handbook. Continuum

4. Timothy G.Reagan (2005), The foreign language educator in society, Lawrence Erlbaum Associates publishers.

6.35. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH/TESTING AND ASSESSMENT IN ENGLISH TEACHING

- Số tín chỉ: 2 (18, 12, 12)
- Mã HP: 132048
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận dạy tiếng Anh

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về các phương pháp, dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ; các kiến thức về kỹ thuật và cách thức soạn bài kiểm tra, cách xây dựng tiêu chí đánh giá, cách thiết lập thang điểm nhằm đánh giá chính xác chất lượng quá trình học tập của học sinh.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản về các kiểu bài kiểm tra (như proficiency test, diagnostic test,...), các kỹ thuật đánh giá ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng tiếng Anh, cách thiết kế bài kiểm tra để đánh giá năng lực sử dụng ngữ pháp-từ vựng và các kỹ năng tiếng Anh của người học cũng như cách viết yêu cầu/hướng dẫn bài tập trong đề kiểm tra.

CO2: Thiết lập cho sinh viên cách thiết kế bài kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ; các kiến thức về kỹ thuật và cách thức soạn bài kiểm tra

CO3: Xây dựng được tiêu chí đánh giá và thang điểm khi thiết kế bài kiểm tra, vận dụng lý thuyết thiết kế được bài kiểm tra theo một ma trận xây dựng sẵn, sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá như Gap fill, T/F statements, Multiple choice, Rewrite,...

CO4: Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành thiết kế bài kiểm tra có nội dung tập trung vào Ngữ pháp – Từ vựng hoặc kỹ năng ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc hoặc Viết.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản về kiểu bài kiểm tra (như proficiency test, diagnostic test,...), các kỹ thuật đánh giá ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng tiếng Anh, cách thiết kế bài kiểm tra để đánh giá năng lực sử dụng ngữ pháp-từ vựng và các kỹ năng tiếng Anh của người học cũng như cách viết yêu cầu/hướng dẫn bài tập trong đề kiểm tra.

- CLO2: Từng bước tạo môi trường cho sinh viên thiết kế bài kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh giá như kiểm tra định kỳ, kiểm tra phân loại, kiểm tra cuối kỳ; thực hành các kiến thức về kỹ thuật và cách thức soạn bài kiểm tra

- CLO3: Xây dựng được tiêu chí đánh giá và thang điểm khi thiết kế bài kiểm tra, vận dụng lý thuyết thiết kế được bài kiểm tra theo một ma trận xây dựng sẵn, sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá như Gap fill, T/F statements, Multiple choice, Rewrite,...

- CLO4: Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành thiết kế bài

kiểm tra có nội dung tập trung vào Ngữ pháp – Từ vựng hoặc kỹ năng ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc hoặc Viết.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Unit 1: Awareness raising	3	0	0	0	0	13
Unit 2 Types of tests	3	0	0	0	0	13
Unit 3: Types of tests in terms of ways to do the tests	3	0	0	0	0	13
Unit 4: Testing Grammar	3	1	0	0	0	13
Unit 5: Testing vocabulary	2	0	0	0	0	13
Unit 6: Testing the skills	2	1	0	0	0	14
Unit 7: Testing Listening and Reading	2	1	0	0	0	14
Unit 8: Practice	3	0	4	0	0	14
Unit 9: Test designing	0	3	4	0	0	14
Unit 10: Practice	0	3	4	0	0	14
Tổng	18	12	12	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 5 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

[1]. Hughes, A (2003), *Testing for language teachers*. Cambridge University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. 1. British Council (2003), *Teaching the Skills*. Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ.

[2]. British Council (2003), *English Language Teaching Methodology (Edited Material for Language Teaching)*. Tài liệu dùng cho tập huấn giáo viên TA - Sử dụng nội bộ.

6.36a. TỪ VỰNG – NGŨ NGHĨA HỌC/ LEXICOLOGY - SEMANTICS

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Mã HP: 132069
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH & PPGD T.Anh, khoa NN
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những định nghĩa, khái niệm quan trọng trong từ vựng, ngữ nghĩa học với các cấp độ ngôn ngữ như morphemes, forms, words, phrases, expressions, sentences, utterances,...; ở các cấp độ nghiên cứu như cấu trúc của từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh như shortening, conversion, derivation, compounding, affixation, ...; cách thức kết hợp từ, nguồn gốc và lịch sử của từ tiếng Anh; nghĩa của từ với nghĩa trực tiếp, nghĩa chuyển đổi, nghĩa trong cụm từ, nghĩa ngữ pháp – từ vựng, ...; nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn, các kiểu biên soạn từ điển trong tiếng Anh và các loại từ điển tiếng Anh.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như

phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh.

CO2: Thiết lập cho sinh viên cơ sở để phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ.

CO3: Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản, hệ thống về cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh

CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên cơ sở để phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ

CLO3: Từng bước phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp một cách hiệu quả.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Introduction and Course orientation	1	1	0	0	0	12
Chương 2: Word structure and formation	3	4	0	0	0	11
Chương 3: Semasiology	3	4	0	0	0	11
Chương 4: Structural Semantics	3	4	0	0	0	11
Chương 5: Lexicography	2	3	0	0	0	11
Chương 6: The meaning of the sentence	3	4	0	0	0	11
Chương 7: Interpersonal meaning / modality	1	1	0	0	0	11
Chương 8: Presupposition & Implicature	2	3	0	0	0	12
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 3 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra thường xuyên				
2	Kiểm tra viết	Rubric 4 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Kiểm tra viết	Rubric 5 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Hoà. (2004). *Understanding English Semantics*. NXB ĐHQG Hà Nội.

8.2. Giáo trình tham khảo:

1. Hurford. (2007). *Semantics: a coursebook*. Cambridge University Press
2. Stuart Redman, (2013). *English vocabulary in use*. Cambridge University Press: Cambridge (NXB Trẻ. HN)

6.36b. NGỮ DỤNG HỌC/ PRAGMATICS

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Mã HP: 132065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm khối kiến thức cơ bản về các phạm trù ngữ dụng học như: mối quan hệ giữa các hình thái ngôn ngữ và người sử dụng chúng, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, chỉ xuất và khoảng cách, hàm ngôn, tiền giả định, nguyên tắc cộng tác và các phương châm hội thoại, v.v...

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Cung cấp kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ dụng học, ác khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học bằng Tiếng Anh.
- CO2: Các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học như chỉ xuất, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định,... được truyền tải tới sinh viên thông qua các công trình nghiên cứu về ngữ dụng học.
- CO3: Có kỹ năng khai thác và phân tích dữ liệu, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, khả năng tiếp cận và bước đầu nghiên cứu, trình bày các vấn đề liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ trên lớp.
- CO4: Có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra:

- CLO1: Trình bày được kiến thức về vấn đề liên quan đến ngữ dụng học, nắm được các khái niệm và các phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học bằng Tiếng Anh.
- CLO2: Hiểu và có thể thực hiện được một số công trình nghiên cứu quy mô vừa phải về các vấn đề liên quan đến ngữ dụng học như chỉ xuất, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định,...
- CLO3: Khai thác và phân tích dữ liệu, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm khi sưu tầm các tài liệu bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, khả năng tiếp cận và bước đầu nghiên cứu, trình bày các vấn đề liên quan đến môn học bằng tiếng Anh. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ trên lớp.
- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
Chương 1: Introduction 1.1. Definitions and background 1.2. Definition of pragmatics 1.3. Four areas of linguistic analysis 1.4. Regularity 1.5. Pragmatics wastebasket 1.6. Q & A	1	1	1	1	0	11
Chương 2: Deixis and distance 2.1. Some terms 2.2. Deixis and its types: 2.3. Person deixis 2.4. Spatial deixis 2.5. Temporal deixis 2.6. Deixis and grammar 2.7. Q & A	1	1	1	1	0	11
Chương 3: Reference and inference 3.1. Some terms 3.2. Referential and attribute uses 3.3. Names and referents 3.4. Types of reference 3.4.1. Anaphoric reference 3.4.2. Cataphoric reference 3.4.3. Zero anaphora/ Ellipsis 3.4.4. Consolidation and Q&A	1	1	1	1	0	11
Chương 4: Presupposition 4.1. Definitions 4.2. Types of potential presupposition: 4.2.1. Existential presupposition. 4.2.2. Factive presupposition. 4.2.3. Lexical presupposition. 4.2.4. Structural presupposition.	1	1	1	1	0	11

4.2.5. Non – factive presupposition.						
4.2.6. Counter – factual presupposition						
4.3. The projection problem						
4.4. Ordered entailments						
Chương 5: Cooperation and implicature						
5.1. Some terms						
5.2. Cooperative principle						
5.3. Hedges						
5.4. Implicature	1	1	1	2	0	11
5.5. Types of implicature						
5.5.1. Conventional implicature						
5.5.2. Conversational implicature						
Chương 6: Speech acts and events						
6.1. Speech acts						
6.2. IFIDs						
6.3. Felicity conditions:						
6.3.1. General conditions.						
6.3.2. Content conditions.	1	1	1	2	0	11
6.3.3. Preparatory conditions.						
6.3.4. Essential condition.						
6.3.5. Sincerity condition.						
6.4. The performative hypothesis						
6.5. Speech act classification						
6.6. Speech events						
Chương 7: Politeness and interaction						
7.1. Some terms:						
7.1.1. Politeness	1	1	1	1	0	11
7.1.2. Face						
7.2. Strategies						
Kiểm tra giữa kỳ						
Pre – sequences						
Chương 8: Conversation and preference structure						
8.1. Conversation analysis	1	1	1	1	0	11

8.2. Pauses, overlaps, and backchannels						
8.3. Conversational style						
8.4. Adjacency pairs						
8.5. Preference structure						
Chương 9: Discourse and culture						
9.1. Discourse analysis						
9.2. Coherence	1	1	1	1	0	11
9.3. Background knowledge						
9.4. Cultural schemata						
9.5. Cross – cultural pragmatics						
9.6. Q & A						

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Kiểm tra các nội dung trong chương trình học như: Definition of pragmatics, Deixis and distance, Reference and inference, Presupposition, Cooperation and implicature, Speech acts and events,	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%
2	Thuyết trình nhóm về các chương trong TLDH	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài kiểm tra giấy về các nội dung trong chương trình học.	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài thi giấy về các nội dung học.	Rubric 2	CLO1, CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Joan Cutting (2002), *Pragmatics and Discourse - A Resource Book for Student*. Routledge

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Klaus P. Schneider (2008), *Variational Pragmatics*. John Benjamins
2. Jacob L. Mey. (1992). *Pragmatics: An Introduction*. Blackwell

6.37. BIÊN DỊCH 1/ TRANSLATION 1

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 18TL-BT, 18TH)

- Mã HP: 132006

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết dịch

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các chiến thuật giải quyết các vấn đề thường gặp khi thực hành dịch như: vấn đề về lựa chọn từ ngữ, số, cách, thể trong tiếng Anh và tiếng Việt; các phương pháp dịch thuật; từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến nội dung dịch thuật thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống như: dân số, giáo dục, môi trường.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Ghi nhớ và vận dụng được các phương pháp dịch văn bản, các cách dịch câu, dịch tiêu đề vv... Đồng thời, sử dụng được khoảng 300 từ và cụm từ trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt thuộc các lĩnh vực thông thường của cuộc sống: dân số, giáo dục, môi trường.

- CO2: Thực hành dịch và xử lý văn bản ở các cấp độ khác nhau như dịch từ, cụm từ, dịch các câu có cấu trúc đặc biệt.

- CO3: Đánh giá được bản dịch dựa trên các tiêu chí đánh giá được cung cấp trong học phần.

- CO4: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động trong học tập và tìm kiếm, khai thác thông tin phục vụ học tập; trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Áp dụng được lý thuyết và các phương pháp dịch thuật cơ bản nhằm thực hiện hiệu quả việc dịch câu, đoạn văn và các văn bản ngắn theo chủ đề.

- CLO2: Nắm vững và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện

công tác biên dịch và các công việc chuyên môn khác.

- CLO3: Phân tích, đánh giá được các văn bản dịch theo tiêu chí được học.

- CLO4: Phát triển kỹ năng tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Strategy 1: How to deal with non-equivalence at word level. 1.1. Translation by a more specific word 1.2. Translation by a more general word 1.3. Translation by cultural substitution 1.4. Translation using a loan word plus explanation 1.5. Translation by paraphrase 1.6. Translation by omission	2	1	1			
Chương 2: Translation practice 2.1. World population overview 2.2. All in the family	2	1	1			
Chương 3: Translation practice 3.1. English - Vietnamese vocabulary translation 3.2. Population	2	1.5	1.5			
Chương 4: Strategy 2: How to deal with idioms and fixed expressions 4.1. Using an idiom or fixed expression of similar meaning 4.2. Using an idiom or fixed expression of similar meaning but dissimilar form 4.3. Translation by paraphrase 4.4. Translation by omission	2	1	1			
Chương 5: Translation practice 5.1. Vietnamese –English vocabulary translation 5.2. Supplementary exercises	2	1.5	1.5			
Chương 6 Translation practice 6.1. English - Vietnamese vocabulary	2	1.5	1.5			

translation						
6.2. Pollution – Impacts of pollution						
Chương 7 Strategy 3: How to deal with voice, number and person						
7.1. Voice	2	1	1			
7.2. Number						
7.3. Person						
Chương 8: Translation practice						
8.1. “Save the Earth”	2	1.5	1.5			
8.2. Supplementary exercises						
Chương 9: Translation practice						
9.1. A revolution in Vietnam Education	2	1.5	1.5			
9.2. Class distinctions						
9.3. English - Vietnamese vocabulary translation						
Chương 10: Strategy 4: How to deal with proper names						
10.1. Geographical terms	2	1.5	1.5			
10.2. Names of organizations						
10.3. Proper names in medical texts						
Chương 11: Translation practice						
11.1. Vietnamese –English vocabulary translation	2	1.5	1.5			
11.2. Vietnamese –English translation: Đầu tư cho giáo dục và đào tạo						
Chương 12: Supplementary exercises						
12.1 Compound Nouns	2	1.5	1.5			
12.2 Compound Adjectives						
Chương 13: Supplementary exercises	2	1	1			
Chương 14: Supplementary exercises	1	1	1			

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Thuyết trình	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO4	30%
2	Bài viết	Rubric 2	CLO1, CLO2	

3	Bài tập nhóm	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
4	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 2	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

1. Margaret Rogers, 1999, Word, test, translation, Multilingual Matters

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Hoàng. *Luyện dịch Việt – Anh với cấu trúc tiếng Anh đặc biệt*. NXB Thanh Niên.

6.38a. THIẾT KẾ GIÁO ÁN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI LIỆU DẠY HỌC/ LESSON PLANNING AND MATERIAL DEVELOPMENT

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 132026
- Bộ môn quản lý học phần: NN – VH - PPGD
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 5, Kỹ năng Đọc Viết 5

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm: Khái niệm về tư liệu dạy học và phát triển tư liệu dạy học, vai trò và phạm vi của việc phát triển tư liệu dạy học trong giảng dạy tiếng Anh, cách thức và các tiêu chí đánh giá sách giáo khoa, vận dụng sách giáo khoa trong giảng dạy. Những bất lợi và lợi ích trong việc áp dụng sách giáo khoa, chuẩn bị tài liệu cho một khoá học, các cách điều chỉnh quản lý tư liệu dạy học. Cách thức thiết kế các bài tập cho một khóa học, tiêu chí thiết kế các bài tập, và cách lựa chọn các bài tập để sử dụng trong chương trình dạy học tiếng Anh phổ thông mới.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm vững và ghi nhớ các khái niệm cơ bản liên quan đến phát triển tư liệu dạy học, vai trò của tư liệu dạy học, giới hạn kiến thức môn học và nguồn tư liệu; hiểu rõ và ghi nhớ các tiêu chí trong việc thiết kế tài liệu trong dạy học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới; hiểu và ghi nhớ tổng quan về các tiêu chí đánh giá sách giáo khoa, lợi thế và bất lợi trong việc sử dụng một cuốn sách giáo khoa cố định, cách sử dụng sách giáo khoa hiệu quả, hiểu được và ghi nhớ cách thức khai thác tài liệu cho một khoá học, hiểu biết về tài liệu thực và tài liệu thiết kế cho khoá học; người học hiểu rõ được vai trò của tư liệu dạy học trong việc đạt được mục tiêu của một khoá học, hiểu rõ cấu trúc và nội dung của một giáo án tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới

CO2: Áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích và đánh giá các tài liệu dạy học sẵn có; chọn lựa khai thác tài liệu một cách hợp lý, linh động sử dụng các tài liệu cho hiệu quả.

CO3: Phân tích ưu và nhược điểm các tài liệu dạy học cố định, và các tài liệu bên ngoài. Người học có thể đánh giá được sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hiệu quả ứng dụng của tài liệu dạy học thông qua mức độ tiến bộ của người học; thiết kế giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

CO4: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR HP	Mô tả chi tiết CDR HP	CDR CTĐT liên quan
CLO1	Nắm vững và ghi nhớ các khái niệm cơ bản liên quan đến phát triển tư liệu dạy học, vai trò của tư liệu dạy học, giới hạn kiến thức môn học và nguồn tư liệu; hiểu rõ và ghi nhớ các tiêu chí trong việc thiết kế tài liệu trong dạy học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới; hiểu và ghi nhớ tổng quan về các tiêu chí đánh giá sách giáo khoa, lợi thế và bất lợi trong việc sử dụng một cuốn sách giáo khoa cố định, cách sử dụng sách giáo khoa hiệu quả, hiểu được và ghi nhớ cách thức khai thác tài liệu cho một khoá học, hiểu biết về tài liệu thực và tài liệu thiết kế cho khoá học; người học hiểu rõ được vai trò của tư liệu dạy học trong việc đạt được mục tiêu của một khoá học, hiểu rõ cấu trúc và nội dung của một giáo án tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới	CLO CM
CLO2	Áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để phân tích và đánh giá các tài liệu dạy học sẵn có; chọn lựa khai thác tài liệu một cách hợp lý, linh động sử dụng các tài liệu cho hiệu quả.	CLO CM
CLO3	Phân tích ưu và nhược điểm các tài liệu dạy học cố định, và các	CLO CM

	tài liệu bên ngoài. Người học có thể đánh giá được sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hiệu quả ứng dụng của tài liệu dạy học thông qua mức độ tiến bộ của người học; thiết kế giáo án theo chương trình giáo dục phổ thông mới.	
CLO4	Sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.	CLO CM

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Tổng 63 tiết

(27 tiết lí thuyết; 36 tiết bài tập + thảo luận + kiểm tra; 135 tiết tự học)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CĐR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Main points in developing materials : 1.1. Materials development takes place on a continuum of decision-making and creativity 1.2. A teacher does not have responsibility for choosing materials 1.3. The teacher is viewed as simply a technician and not a professional	2	Lí thuyết Lí thuyết	CLO1, CLO3, CLO4	Tham khảo chính các tài liệu số [1], [2]. Đọc thêm trong tài liệu số [3], [4] và các videos được giảng viên cung cấp có liên quan.	- Đọc trước các nội dung lý thuyết tương ứng trong các tài liệu trước mỗi giờ học lí thuyết. - Chuẩn bị trước các bài tập tương ứng trước mỗi giờ bài tập. - Chủ động đọc thêm các nội dung tự học được giao.
Discuss the questions related to the theories learnt. Give ideas on the issues in groups or pairs. Find out features in English textbooks of general education which are associated with the theories learnt.	3	Thảo luận/BT/T H	CLO1, CLO3, CLO4		
Read the theories in books and study lessons in English General Education and connect them with the theoretical points,	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
The Scope of Materials Development	3	Lí thuyết	CLO1, CLO2		

1. What are materials? 2. What are techniques? 3. Is there a difference between a technique and an activity?					
Discuss the questions related to the theories learnt. Give ideas on the issues in groups or pairs. Find out features in English textbooks of general education which are associated with the theories learnt.	3	Thảo luận/BT/T H	CLO1, CLO2, CLO3		
Read the theories in books and study lessons in English General Education and connect them with the theoretical points.	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
The role and design of instructional materials 1. a resource for presentation materials (spoken and written) 2. a source of activities for learner practice and communicative interaction 3. a reference source for learners on grammar, vocabulary, pronunciation, and so on 4. a source of stimulation and ideas for classroom activities 5. a syllabus (where they reflect learning objectives that have already been determined) 6. a support for less experienced teachers who have yet to gain in confidence	2	Lí thuyết	CLO1, CLO2		
Discuss the questions related to the theories	3	Thảo luận/BT/T	CLO1, CLO2,		

learnt. Give ideas on the issues in groups or pairs. Find out features in English textbooks of general education which are associated with the theories learnt.		H	CLO3		
Read the theories in books and study lessons in English General Education and connect them with the theoretical points.	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		
Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1	1	KT-ĐG	CLO1 CLO3		
Choosing input and sources 1. Grammar materials 2. Listening materials 3. Reading materials 4. Writing materials 5. the students' texts 6. Speaking materials	2	Lí thuyết	CLO1, CLO4		
Discuss the questions related to the theories learnt. Give ideas on the issues in groups or pairs. Find out features in English textbooks of general education which are associated with the theories learnt.	2	Thảo luận/BT/T H	CLO1, CLO3, CLO4		
Read the theories in books and study lessons in English General Education and connect them with the theoretical points.	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		

5. Phương pháp dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần:

- Giảng lý thuyết
- Thuyết trình
- Thảo luận
- Hoạt động nhóm thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra mức độ chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, làm project

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 04			30%
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Thiết kế giáo án và Phát triển tài liệu dạy học - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	
2	Đánh giá tài liệu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung đánh giá tài liệu dạy học - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Lựa chọn tài liệu bổ sung - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội lựa chọn tài liệu bổ sung - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Thiết kế giáo án - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung thiết kế giáo án - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Project: Xây dựng tài liệu dạy học, bổ sung vào một đơn vị bài học trong sách giáo khoa 11. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung phát triển tài liệu dạy học - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Kiểm tra cuối kì			50%
	Project presentation: Chuẩn bị 01 bài giảng đa phương tiện. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 7	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần
- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Mishan, F. (2005). *Designing Authenticity into Language Learning Materials*. Bristol: Intellect Ltd

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Serdyukov, P. and Ryan, M. (2008). *Writing Effective Lesson Plans: The 5-Star Approach*. Boston: Allyn & Bacon.

6.38b. DẠY TIẾNG ANH CHO TRẺ EM/ TEACHING ENGLISH TO YOUNG LEARNERS

- Số tín chỉ: 3 (27, 18,18)
- Mã HP: 132013
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Các môn tiếng Anh kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết; Lý luận dạy học tiếng Anh.

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học như: tư duy ngôn ngữ, động cơ học tập của học sinh tiểu học, phương pháp dạy học tiểu học. Ngoài ra, học phần còn nêu rõ những khó khăn trong việc dạy kỹ năng nghe/nói tiếng Anh ở cấp Tiểu học. Người học được tham gia các hoạt động học tập, giảng tập, quan sát và nhận xét lớp học thực tế, và hoạt động chiêm nghiệm, qua đó nắm bắt được phương pháp và kỹ năng cơ bản về dạy tiếng Anh cho trẻ em.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Cung cấp các khái niệm cơ bản về dạy từ vựng, cấu trúc, phát âm, và các kỹ năng trong tiếng Anh cho đối tượng trẻ em.
- CO2: Cung cấp cho người học các kỹ thuật giảng dạy từ vựng, cấu trúc, phát âm, và các kỹ năng trong tiếng Anh trong giảng tập trên lớp cho đối tượng trẻ em.
- CO3: Phát triển kỹ năng ngôn ngữ thông qua việc đọc các tài liệu học tập, trình bày ý kiến, và giảng tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Trình bày và giải thích được các khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em.
- CLO2: Xây dựng được giáo án bài giảng để giảng dạy từ vựng (vocabulary), cấu trúc (structure), phát âm (pronunciation), và các kỹ năng tiếng Anh để giảng dạy trên lớp cho đối tượng trẻ em.

- CLO3: Có kỹ năng tổ chức lớp học, quản lý lớp học và triển khai dạy học tiếng Anh cho đối tượng là trẻ em. .

- CLO4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng giảng dạy.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chapter 1. Children learning a foreign language	2,5		3,5			
Chapter 2. Learning language through tasks and activities	2,5		3,5			
Chapter 3. Learning the spoken language	2,5		3,5			
Chapter 4. Learning words	2,5		3,5			
Chapter 5. Learning grammar	2,5		3,5			
Chapter 6. Learning literacy skills	2,5		3,5			
Chapter 7. Learning through stories	2,5		3,5			
Chapter 8. Theme-based teaching and learning	2,5		3,5			
Chapter 9. Language choice and language learning	2,5		3,5			
Chapter 10. Assessment and language learning	2,5		3,5			
Chapter 11. Issues around teaching children a foreign language	2		2			

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Thuyết trình	Rubric 1	CLO1, 4	30%
2	Viết	Rubric 2	CLO1, 2, 3	
3	Bài tập nhóm	Rubric 3	CLO 1,3, 4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 2	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubri 2	CLO1,2,3	50%

7. Yêu cầu của môn học:

- Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp, thực hành giảng dạy, thảo luận nhóm
- Thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình.
- Tham gia thực hiện đầy đủ các bài tập mà CBGD yêu cầu.
- * Tiêu chí đánh giá việc tham gia các hoạt động:

Tích cực tham gia các hoạt động nhóm, thực hành giảng dạy theo yêu cầu, hoàn thành các công việc được giao như: chuẩn bị các bước giảng dạy một từ vựng và cấu trúc, chuẩn bị các hoạt động để giới thiệu, kiểm tra, và thực hành dạy học từ vựng và cấu trúc theo yêu cầu đặt ra vào đầu học phần.

- Sinh viên nghỉ quá 20% số tiết của học phần sẽ không đủ điều kiện dự thi.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

1. Cameron, L. (2009). *Teaching languages to young learners*. Cambridge University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Andrew Goodwyn & Jane Branson (2005), *Teaching English – A handbook for Primary and Secondary school teachers*
2. Danis Hayes (2009). *Learning and teaching in Primary schools*

6.39. VĂN HÓA ANH MỸ/ AMERICAN – BRITISH CULTURE

- Số tín chỉ: 2 (18, 24, 0)
- Mã HP: 131090
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NNVH&PPGD T.Anh
- Điều kiện tiên quyết: Kỹ năng Nghe Nói 3, Kỹ năng Đọc Viết 3

1. Mô tả học phần

Khái quát về lịch sử nước Anh và Mỹ; giá trị văn hoá; phong tục, tập quán, các ngày lễ hội chính của nước Anh, nước Mỹ và hệ thống chính trị, giáo dục của các nước Anh và Mỹ. Học phần bao gồm các bài tập ứng dụng kiến thức môn học trong giao tiếp liên ngôn và nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Người học vận dụng, trình bày được những vấn đề liên quan đến văn hoá cơ bản về hai nước nói tiếng Anh lớn là Anh và Mỹ như thể chế chính trị, quan điểm thái độ, chính phủ, nền giáo dục, món ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ, thủ tục truyền thống, các giá trị văn hóa.
- CO2: Người học nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua đọc hiểu những bài đọc dài có nội dung về văn hoá Anh, văn hoá Mỹ.
- CO3: Người học phát triển vốn từ vựng về văn hoá và vốn từ vựng tiếng Anh
- CO 4: Người học phát triển kỹ năng trình bày, kỹ năng nói trước đám đông thông qua việc làm presentations (theo nhóm) theo chủ đề hàng tuần trên lớp.
- CO5: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt, tính cách đặc trưng, quan điểm và chính kiến của người Anh, Mỹ. Qua đó người học có thể vận dụng vào giao tiếp khi họ có cơ hội làm việc với người bản địa.

- CLO2: Người học phân tích, đánh giá được về, lối sống, phong tục tập quán, các lễ hội của các nước Anh, Mỹ. Người học vận dụng các kiến thức đã học để tránh được những bất đồng trong giao tiếp

- CLO3: Người học phân tích và hiểu được tổ chức xã hội của các nước Anh, Mỹ. Do vậy, họ sẽ hòa nhập dễ hơn khi làm việc với người nước ngoài

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Introduction 1.1. Course introduction (Introduction of course syllabus, materials, policies, requirements, expectations) 1.2. Introduction about the UK: Country and people 1.2.1. Official name of the country 1.2.2. Geographical characteristics 1.2.3. The four nations: England, Scotland, Wales and Northern Ireland 1.2.4. The dominance of England	2.0	0.5	0.5			
Chương 2: Attitudes (of British people) 2.1. Stereotypes about the British 2.2. British characteristics and identity 2.3. British attitudes towards animals and the countryside	2.0	0.5	0.5			
Chương 3: British Monarchy 3.1. The appearance and the reality of the monarch 3.2. The role of the monarch 3.3. The value of the monarch 3.4. The future of the monarchy	1	1	1			
Chương 4: British government 4.1. The cabinet 4.2. The Prime Minister 4.3. The civil service 4.4. Central and local government	1	0.5	0.5			

Chương 5: British Education system 5.1. Organization of educational system and school system 5.2. School life 5.3. Exams	1	1	1			
Chương 6: British Food and drink 6.1. British attitudes to food 6.2. British attitudes to eating out 6.3. Drinks and British pubs 6.4. Table manners	2	0.5	0.5			
Chương 7: Holidays and special occasions in Britain 7.1. The importance in Holidays and tradition in British life 7.2. Traditional seaside holidays 7.3. Modern holidays 7.4. Christmas and New Year 7.5. Other notable annual occasions	1	0.5	0.5			
Chương 8: An overview of the USA 8.1. Official name/ Capital/ Flag/ National Anthem 8.2. Geographical characteristics/ Climate 8.3. Population/ Ethnic groups	1	1	1			
Chương 9: The making of a nation 9.1. Brief history of the country 9.2. The country of immigrants: old immigrants, recent immigrants 9.3. The assimilation of immigrants into American society	1	1	1			
Chương 10: American traditional beliefs and values 10.1. The six American traditional values: individual freedom, self-reliance, equality of opportunity, competition, material wealth, hard work 10.2. The American Dream	1	0,5	0,5			
Chương 11: The political system 11.1. The US government branches and institutions 11.2. Political parties 11.3. Election procedures	1	1	1			

Chương 12: Education in the United States 12.1. The system of education in the US 12.2. Funding 12.3. Curriculum 12.4. The emphasis of education 12.5. Education quality	1	1	1			
Chương 13: Holidays and celebration 13.1. The ten most important holiday in the US 13.2. Tradition of celebrating holidays in the US 13.3. The importance of holidays in the life of the US people	2	0	0			
Chương 14: American family values 14.1. American people's attitudes towards family 14.2. Family traditions and values. 14.3. Stability and changes in the family	1	1	1			

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Thuyết trình	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%
2	Bài viết	Rubric 2	CLO1, CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Trắc nghiệm	Rubric 2	CLO1 CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Trắc nghiệm	Rubric 2	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu tham khảo chính:

8.1. Giáo trình chính:

1. Paul Norbury (2015), *Culture smart! Britain*. TLS
2. Gary Althen (2003), *American ways*. Longman

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Broukal Milada. (1993). *Introducing the USA: A cultural reader*. Longman.

6.40. VĂN HỌC ANH MỸ/ AMERICAN – BRITISH LITERATURE

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL-BT)
- Mã HP: 132058
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Khoa NN VH & PPGD T.Anh, khoa NN

1. Mô tả học phần:

Giới thiệu sơ lược về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của một số tác giả tiêu biểu của văn học Anh, văn học Mỹ thế kỷ 19, 20; Giới thiệu các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn; Giới thiệu cho sinh viên làm quen với phong cách viết của một số nhà văn Anh, nhà văn Mỹ và hiểu được giá trị hiện thực của các tác phẩm; Giới thiệu một số tác phẩm/ đoạn trích tiêu biểu.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Trình bày kiến thức về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Anh và Mỹ thế kỷ 19, 20
- CO2: Nhắc lại vốn từ vựng về chuyên ngành văn học
- CO3: Dịch các tác phẩm văn học trong chương trình
- CO4: Phân tích tác phẩm về mặt ý nghĩa, nghệ thuật, thông điệp, và ngôn từ.
- CO5: Xây dựng biên kịch và diễn lại một đoạn trích trong tác phẩm hoặc tác phẩm tóm tắt

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Trình bày kiến thức cơ bản về văn học Anh Mỹ thế kỷ 19,20
- CLO2: Viết bài phân tích nhân vật, cảm nhận về tác phẩm về mặt ý nghĩa, nghệ thuật, thông điệp và ngôn từ
- CLO3: Dịch các tác phẩm văn học trong chương trình từ tiếng Anh sang tiếng Việt một cách phù hợp, chính xác
- CLO4: So sánh, đánh giá, phê bình các bài viết cảm nhận về nhân vật và tác phẩm văn học

3. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Lesson 1. Charles Dickens-Oliver Twist A. Charles Dickens 1. England in Victorian Age 2. Features of English Critical Realism 3. Charles Dickens: - His life - His literary career - His writing style - His works - Dickens’ contributions to English and world literature B. Oliver Twist (Chapter 1) 1. Main content of the novel 2. Major themes and symbols of the novel 3. Chapter 1: The birth of Oliver Twist	4		5			
Lesson 2. Oscar Wilde-The picture of Dorian Gray A. Oscar Wilde 1. British society at the end of 19th century 2. English literature at the end of 19th century 3. Oscar Wilde: - His life - His literary career - His contributions to literature B. The Picture of Dorian Gray 1. Wilde’s aesthetic principle shown through the novel 2. The praise of beauty of art	3		5			
Lesson 3. John Galsworthy-The man of property A. John Galsworthy	3		4			

1. British society in early 20th century 2. English literature in early 20th century 3. John Galsworthy: - His life - His literary career - His contributions to literature B. The man of property – Chapter 5: A Forsyte Menage 1. Main content of the novel 2. The upper class life in the contemporary society shown through the novel 3. The character of Soames Forsyte: a typical man of property 4. The character of Irene: a woman of strong will						
Lesson 4. William Somerset Maugham-The Moon and Sixpence A. William Somerset Maugham 1. British society after World War II 2. Literature in the post-war period 3. William Somerset Maugham: - His life - His literary career - His contributions to literature B. The Moon and Sixpence (Chapter 41) 1. Main content of the novel 2. The subject matter of the novel 3. The meaning of the title “The Moon and Sixpence” 4. The character of Charles Strickland: a true artist	4		5			
Lesson 5. Mark Twain-The Adventure of Tom Sawyer A. Mark Twain 1. American society in the 19th century 2. 19th century American literature 3. Mark Twain: - His life	4		5			

- His literary career - His humour - His contributions to American literature B. The Adventure of Tom Sawyer – Chapter twelve: Tom shows his Generosity – Aunt Polly Weakens 1. Summary of the novel The Adventure of Tom Sawyer 2. The life of common American people shown through the novel 3. Twain’s stories of boy’s adventure 4. Character Tom: a boy of typical boyishness, mischievous, generous and kind						
Lesson 6. O’Henry – The gift of Magi A. O’Henry 1. O’Henry’s life and works 2. O’Henry’s writing style and themes B. The gift of Magi - Content of the story - O’Henry writing style shown through the story	3		4			
Lesson 7. Jack London-The call of the Wild A. Jack London 1. America and the world at early 20th century 2. American literature at early 20th century 3. Jack London: - London’s life - London’s writing career - London’s contributions to American literature B. The call of the Wild – Chapter II: The Law of Club and Fang 1. The main content of the novel 2. American society and the Gold Rush revealed in the novel 3. The transformation of Buck from a good ranch pet into a wild beast.	3		4			

4. The first lessons learnt by Buck in the frozen North						
Lesson 8. Ernest Hemingway-For whom the bell tolls A. Hemingway - Hemingway's life - Hemingway's writing career B. For whom the bell tolls	3		4			

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành đóng kịch theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi lý thuyết: - Kiểm tra viết trên giấy các câu hỏi trắc nghiệm về tác giả, tác phẩm đã học - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1	30%
2	Thực hành thuyết trình về tác giả, tác phẩm - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học, khả năng thu thập tổng hợp thông tin, khả năng sử dụng máy tính và làm việc nhóm - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là một bài thuyết trình về tác giả, tác phẩm được phân công tìm hiểu	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành đóng kịch dựng lại tác phẩm văn học - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học, khả năng làm việc nhóm - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là một vở kịch ngắn dựng lại tóm tắt nội dung tác phẩm được phân công	Rubric 3	CLO1, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Làm bài kiểm tra viết trên giấy	Rubric 4	CLO1, CLO2,	

	- Mục đích: Đánh giá kiến thức đã học (ghi nhớ, vận dụng, sáng tạo). - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập		CLO3, CLO4	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết trên giấy (các dạng câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra khả năng ghi nhớ và câu hỏi tự luận kiểm tra khả năng vận dụng, sáng tạo) - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Kate Flint (2012), *The cambridge history of Victorian Literature*. Cambridge University Press

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Digvijay Pandya, *History of English literature*. Lovely Professional University

6.41a. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH/ PRESENTATION SKILLS

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL-BT, 18TH)

- Mã HP: 132067

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

1. Mô tả học phần:

Học phần Kỹ năng thuyết trình gồm những kiến thức cơ bản về thuyết trình học thuật trong tiếng Anh: các dạng bài thuyết trình, phương pháp thuyết trình, thủ thuật và kỹ thuật trong thuyết trình, các bước chuẩn bị một bài thuyết trình. Ngoài ra học phần còn gồm những nội dung cơ bản như những vấn đề thường gặp trong khi thuyết trình, xây dựng kế hoạch thuyết trình, chuẩn bị bài thuyết trình gồm cách chuẩn bị các bài phát biểu thuộc các thể loại khác nhau, cách chuẩn bị và sử dụng phần mềm PowerPoint, trình bày bài thuyết trình, các kỹ năng của thuyết trình viên khi nói trước đông người, cách sử dụng ngôn ngữ cử chỉ của cơ thể trong khi thuyết trình.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Học xong học phần, người học có kiến

thức về các bước cơ bản để có được một bài trình bày hiệu quả như: cách sử dụng các từ ngữ thuật ngữ để dẫn dắt vấn đề, sử dụng âm điệu của giọng nói, âm nhấn, ngữ điệu, việc nhấn mạnh và lặp lại vấn đề hoặc thông tin chính. Người học được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại.

- CO2: Người học có kỹ năng học tập môn học nói riêng và học tập tiếng Anh nói chung như: khả năng làm việc nhóm khi sưu tầm các chủ đề liên quan đến tình hình cụ thể của xã hội nhằm mở rộng kiến thức, sự hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Hình thành kỹ năng kết hợp và tổ chức các bước tiến hành bài trình bày đồng thời luyện tư duy phê phán trước những vấn đề xã hội đang nổi cộm hiện nay. Trong quá trình học, người học sẽ phải sưu tập 150 từ và cụm từ có liên quan đến chủ đề kinh tế thương mại nhằm bổ sung vào bảng vốn từ chuyên ngành. Đây sẽ là nguồn tư liệu phong phú để giúp người học ra trường có thể làm việc được trong môi trường liên quan đến kinh tế.

- CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập, có tinh thần hoàn thiện bản thân.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Áp dụng được lý thuyết và phương pháp về các bước cơ bản để có được một bài trình bày hiệu quả như: cách sử dụng các từ ngữ thuật ngữ để dẫn dắt vấn đề, sử dụng âm điệu của giọng nói, âm nhấn, ngữ điệu, việc nhấn mạnh và lặp lại vấn đề hoặc thông tin

- CLO2: Người học được bổ sung vốn từ vựng phong phú liên quan đến kinh tế và thương mại, hiểu được ý nghĩa của các thuật ngữ thương mại.

- CLO3: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; phát triển bản thân, chuyên môn và học tập suốt đời; Sẵn sàng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Getting started 1.1. Introduction 1.2. Stating your purpose 1 1.3. Stating your purpose 2 1.4. Effective openings 1.5. Signposting 1.6. Survival tactics	3	1,5		2		
Chương 2: Exploiting visuals	3	1,5	1,5			

2.1. Introducing visuals 2.2. Commenting on visuals 2.3. Change and development 1 2.4. Change and development 2 2.5. Change and development 3 2.6. Cause, effect and purpose						
Chương 3: Using your voice 3.1. Articulation 1 3.2. Articulation 2 3.3. Chunking 1 3.4. Chunking 2 3.5. Chunking 3 3.6. Stress 3.7. Pacing 3.8. Intonation 1 3.9. Intonation 2 3.10. Sound scripting 1 3.11. Sound scripting 2 3.12. Sound scripting 3	2	2		2		
Chương 4: Basic techniques 3.1. Articulation 1 4.1. Emphasis 1 4.2. Emphasis 2 4.3. Emphasis 3 4.4. Emphasis 4 4.5. Emphasis 5 4.6. Focusing 4.8. Softening 1 4.9. Softening 2 4.10. Repetition 1 4.11. Repetition 2 4.12. Repetition 3	2	2		1,5		
Chương 5: Further techniques 3.1. Articulation 1 5.1. Rhetorical questions 1 5.2. Rhetorical questions 2 5.3. Rhetorical questions 3 5.4. Dramatic contrasts 1 5.5. Dramatic contrasts 2 5.6. Tripling 1 5.7. Tripling 2	3	2		2		

5.8. Tripling 3 5.9. Machine-gunning 5.10. Build-ups 5.11. Knock-downs 5.12. Simplification 5.13. Creating, rapport 1 5.14. Creating, rapport 2 5.15. Creating, rapport 3						
Chương 6: Key language 3.1. Articulation 1 6.1. Business terms 1 6.2. Business terms 2 6.3. Business terms 3 6.4. Business terms 4 6.5. Business terms 5 6.6. Business terms 6 6.7. Formality 1 6.8. Formality 2 6.9. Useful expressions 1 6.10. Useful expressions 2 6.11. Useful expressions 3 6.12. Useful expressions 4 6.13. Useful expressions 5	2	1,5		1,5		
Chương 7: Handling questions 3.1. Articulation 1 7.1. Clarification 1 7.2. Clarification 2 7.3. Dealing with questions 1 7.4. Dealing with questions 2 7.5. Dealing with questions 3 7.6. Dealing with questions 4 7.5. Dealing with questions 5 7.6. Dealing with questions 6	3	1,5		1,5		

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành cá nhân.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Thuyết trình cá nhân	Rubric 1	CLO1, CLO3	30%

2	Thuyết trình nhóm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm project	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp	Rubric 2	CLO1 CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	Rubric 2	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Mark Powell. (2003). *Presenting in English*. Cambridge University Press

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Young, P. (2006). *Writing and presenting in English: the rosetta stone of science*. Mark Powell.

6.41b. PHONG CÁCH HỌC/ STYLISTICS

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL-BT, 18TH)
- Mã HP: 132027
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức

1. Mô tả học phần

- Học phần bao gồm các vấn đề về lịch sử môn phong cách học, hệ thống biện pháp tu từ tiếng Anh, phong cách chức năng tiếng Anh v.v... Phong cách học chiếm vị trí chủ chốt trong việc nâng cao và hoàn chỉnh kiến thức về ngôn ngữ mà sinh viên viên đã tích lũy được từ môn kỹ năng tiếng Anh như Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Việt đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- CO2: Rèn luyện kỹ năng nói và viết tiếng Anh theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Sinh viên được học các kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- CO3: Chương trình giúp cho sinh viên có kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách.

- CO4: Người học có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên nắm được những kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Việt đồng thời sử dụng tốt kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, tinh tế, phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- CLO2: Sinh viên có khả năng nói và viết tiếng Anh theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Sinh viên có kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi một ngữ cảm tinh tế, khả năng phân tích giá trị nghệ thuật của những cấu trúc ngôn từ.

- CLO3: Sinh viên có kỹ năng nói và viết tiếng Việt theo đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách.

- CLO4: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tuân thủ những quy định của môn học, có tinh thần làm việc nhóm, cầu thị, hoàn thành các bài tập được giao, chủ động sáng tạo khi tìm tòi các nội dung phục vụ cho việc học tập.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chapter 1: Introduction 1.1. General notes on style and stylistics 1.2. Varieties of language 1.3. Meaning from a stylistic point of view	2	2	1	3	0	11
Chapter 2	2	2	1	4	0	11

2.1. Stylistic classification of the English vocabulary 2.2. General considerations 2.3. Neutral, common literary and common colloquial vocabulary 2.4. Special literary vocabulary 2.5. Special colloquial vocabulary						
Chapter 3: Phonetic Expressive Means and Stylistic Devices 3.1. General notes 3.2. Onomatopoeia 3.3. Alliteration 3.4. Rhyme 3.5. Rhythm	2	1	2	3	0	11
Chapter 4: Lexical Expressive means and stylistic Devices 4.1. Intentional mixing of the stylistic aspect of words. 4.2. Interaction of different types of lexical meaning 4.3. Interaction of primary dictionary and contextually imposed meanings 4.4. Interaction of primary and derivative logical meanings 4.5. Interaction of Logical and nominal meanings 4.6. Intensification of a certain feature or a thing or phenomenon 4.7. Peculiar Use of set expressions	2	2	1	4	0	11
Chapter 5: syntactical expressive means and stylistic devices 5.1. General consideration 5.2. Problems concerning the composition of Spans of Utterance larger than the sentence 5.3. Compositional Patterns of Syntactical arrangement.	2	1	2	3	0	11

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thuyết trình cá nhân/ nhóm	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài viết	Rubric 2	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài thi viết	Rubric 2	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo**8.1. Giáo trình chính:**

1. Wright, L & Hope, J. (1996). *Stylistics*. Routledge.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Knowles, M & Moon, R. (2006). *Introducing metaphor*. Routledge.

6.42a. GIAO THOA VĂN HÓA/ CROSS CULTURAL COMMUNICATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL-BT)

- Mã HP: 123020

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc về giao tiếp giao

văn hoá của người ở các nước nói tiếng Anh gồm: các thuật ngữ và nguyên tắc khi học môn học; chào hỏi, tự giới thiệu, giao tiếp bằng mắt, bắt tay, trò chuyện sau làm quen, đề tài nói chuyện sau làm quen, khoảng cách khi nói chuyện với người lạ, cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại và phong cách hội thoại của người Việt Nam, giao tiếp không dùng lời nói bao gồm các cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nắm vững các quy tắc về giao tiếp giao văn hoá của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc, Canada, ... Đồng thời, có thể liên hệ so sánh với văn hóa giao tiếp của người Việt Nam.

- CO2: Hiểu và có ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp giao văn hóa: xưng hô, chào hỏi, giới thiệu làm quen, hiểu ý nghĩa của cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp.

- CO3: Phát triển vốn từ vựng về văn hoá giao tiếp thông thường của người ở các nước nói tiếng Anh.

- CO4: Phát triển kỹ năng học tập những môn lý thuyết; kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập những môn lý thuyết.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày và giải thích được các quy tắc về giao tiếp của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Úc, Canada, ... Đồng thời, có thể liên hệ so sánh với văn hóa giao tiếp văn người Việt Nam.

- CLO2: Có ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp giao văn hóa.

- CLO3: Có vốn từ vựng về văn hoá giao tiếp thông thường của người ở các nước nói tiếng Anh.

- CLO4: Có kỹ năng học tập những môn lý thuyết; kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho việc học tập những môn lý thuyết, khai thác đủ thông tin phục vụ cho việc học tập; rèn luyện các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng thuyết trình vấn đề,... bằng tiếng Anh.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Lesson 01: Introduction 1.1. Cross – cultural terms and principles 1.2. Varieties of introductions	1	1,5				
Lesson 02: Introduction (cont.) 2.1. Use of titles in introduction 2.2. Eye contact and hand shaking 2.3. “Small talk” after introduction	1	1,5				
Lesson 03: Introduction (cont.)	2	3				

3.1. Cultural variations in introductions 3.2. Conversational activities 3.3. Multiple - choice questionnaire 3.4. Cultural notes						
Lesson: 04 Introduction (cont.) 4.1. Addressing people 4.2. Cross – cultural interaction	1	1,5				
Lesson: 05 Introduction (cont.) 5.1. How much do you already know about Anglicist culture? 5.2. Culture puzzles	2	3				
Lesson: 06 Introduction (cont.) 6.1. Space requirements 6.2. Introductions 6.3. Small talk						
Lesson: 07 7.1. Greeting, introduction and farewell in Vietnamese as seen by an Anglist	2	3				
Lesson: 08 Verbal Communication 8.1. Definitions 8.2. Conversational Involvement 8.3. Incorrect judgements of character 8.4. Directness and indirectness 8.5. Anglicist Male and Female differences in directness	2	3				
Lesson: 09 Verbal communication (cont.) 9.1. Cross-cultural implications 9.2. “Ping-pong” and “Bowling” conversation styles 9.3. Ethnocentric judgements 9.4. Conversational activities	2	3				
Lesson: 10 Verbal communication (cont.) Non – Verbal communication 10.1. Multiple – choice questionnaire 10.2. Cross – cultural questions 10.3. Cultural notes - Mid – term test 10.4. Definitions 10.5. Cultural differences in Non –	2	3				

Verbal communications						
Lesson: 11 Non – verbal communication (cont.) 11.1. Gestures and body positioning 11.2. Facial Expressiveness 11.3. Eye contact 11.4. Conversational distance	2	3				
Lesson: 12 Non – verbal communication (cont.) 12.1. How to understand body language 12.2. Conversational activities 12.3. Multiple – choice questionnaire 12.4. What does this position mean? 12.5. Curtain up! 12.6. She’s a typical librarian! 12.7. How to read a face 12.8. Our faces and our expressions 12.9. Eyes: the windows of the soul	2	3				
Lesson 13: Cross – cultural conflict and adjustment 13.1. Definition 13.2. A fish out of water 13.3. Unpredictable cultural adjustment 13.4. A ride on a roller coaster 13.5. From Honeymoon to culture shock to integration	2	3				
Lesson14 : Cross – cultural conflict and adjustment (cont.) 14.1. Communication and culture 14.2. Misinterpretations 14.3. Ethnocentrism 14.4. Stereotypes and prejudice 14.5. Stereotypes and generalizations	2	3				
Lesson 15: Cross – cultural conflict and adjustment (cont.) 15.1. Conversational activities 15.2. Revision	2	3				

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm, thực hành trước lớp.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thuyết trình	Rubric 1	CLO 1,2,4	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO 1,2,3,4	
3	Viết	Rubric 3	CLO 1,3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 3	CLO 1, 3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 3	CLO 1, 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

1. C. K. Quah (auth.) (2005), *Intercultural discourse and communication*. Wiley-Blackwell

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Athen, G. (1988). *American ways*. International Press Inc.

2. Trần Ngọc Thêm (2000). *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*. NXB Văn Hoá.

6.42b. GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA/ INTERCULTURAL COMMUNICATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL-BT)

- Mã HP: 123025

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa Ngoại ngữ, trường ĐH Hồng Đức

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các bình diện nội ngôn, cận ngôn, ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp văn hoá và nội văn hoá. Môn học chú ý đến Dụng học giao văn hoá với các bình diện phạm trù như lịch sử, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp, v.v. dựa trên khung lý thuyết và các nghiên cứu của Hofstede, Brown & Levinson, Kaplan, Clyne, Saville-Troike, Levine & Adelman, Ting-Toomey và Nguyễn Quang.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Hiểu, ghi nhớ và vận dụng được nội dung sau vào giao tiếp liên văn hóa: Các khái niệm/thuật ngữ cơ bản và tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp liên văn hoá; Các bình diện phạm trù và nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và Giao thoa giao văn hoá; Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và phi ngôn từ; Các loại cấu trúc giao tiếp và những tương đồng khác biệt cơ bản trong giao tiếp liên văn hoá

Anh – Việt; Khái niệm, lý do và biểu hiện của “Sốc văn hoá”; Các nhân tố giúp điều chỉnh, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp.

- CO2: Nâng cao kỹ năng giao tiếp nội văn hoá và giao lưu văn hoá để phục vụ nhu cầu công việc và giao tiếp hàng ngày.

- CO3: Có thái độ học tập tích cực, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và linh hoạt thích nghi văn hoá giao tiếp với người nước ngoài trong môi trường đa văn hoá.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu, ghi nhớ, phân tích được các nội dung liên quan đến văn hóa và giao tiếp liên văn hóa.

- CLO2: Vận dụng được nội dung đã học vào giao tiếp liên văn hóa, nâng cao kỹ năng giao tiếp nội văn hoá và giao lưu văn hoá để phục vụ nhu cầu công việc và giao tiếp hàng ngày, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp.

- CLO3: Có thái độ học tập tích cực, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và linh hoạt thích nghi văn hoá giao tiếp với người nước ngoài trong môi trường đa văn hoá.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 : Introduction: Defining concepts 1. Identity 1.1. People like me 1.2. Artefacts of culture 1.3. Identity card	3	3	1,5	0		
Nội dung 2:Introduction: Defining concepts 2.1. Otherization 2.2. Communication is about not presuming 2.3. Culture dealing 2.4. Power and discourse	3	3	1,5	0		
Nội dung 3:Introduction: Defining concepts 3.1. Representation 3.2.Cultural refugee 3.3.Complex imag	3	3	1,5	0		
Nội dung 4: Extension – Introduction 4.1. culture and community in	3	3	1,5	0		

everyday discourse 4.2. culture: definition and perspectives						
Nội dung 5: Extension Theme 1 Identity 5.1. Identity as a personal project 5.2. Globalization and identity 5.3. Discourse, identity and culture 5.4. Identity and language learning 5.5. Identity, community and the Internet	3	3	1,5	0		
Nội dung 6: Extension Theme 2 Otherization Otherization: focus on Japan 6.1. Images of the Other 6.2. Absence and invisibility in Otherization 6.3. The Other and the tourist gaze 6.4. Undemonizing the Other	3	3	1,5	0		
Nội dung 7: Extension Theme 3 Representation 7.1. Representation in the mass media: the case study of asylum seekers 7.2. Representation: sport and stereotyping in the mass media 7.3. The representation of identity: personality and its social construction 7.4. Social constructionism and social representations 7.5. Cultural constructs	3	3	1,5	0		
Nội dung 8: Exploration Identity 8.1. The story of the self 8.2. Becoming the self by defining the Other 8.3. Undoing cultural fundamentalism 8.4. Investigating discourse and power 8.5. Locality and transcendence of locality: factors in identity formation	2	1,5	1,5	0		

Nội dung 9: Exploration 9.1. Otherization 9.2. Otherization 9.3. As you speak therefore you are 9.4. The located self 9.5. Integrating the Other 9.6. Are you what you are supposed to be?	2	1,5	1,5	0		
Nội dung 10: Representation 10.1. You are, therefore I am 10.2. Schemas fixed or flexible 10.3. What's underneath? 10.4. Manufacturing the self 10.5. Minimal clues lead to big conclusions	2	1,5	1,5	0		

5. Phương pháp dạy - học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	PLO3	30%
2	Bài kiểm tra số 1	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	PLO1, PLO2, PLO3	
3	Bài kiểm tra số 2	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	PLO1, PLO2, PLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	PLO1, PLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	PLO1, PLO2	

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Samovar, L, A & Porter, R, E. (2002). *Intercultural communication: A reader*. Padsworth Publishing.

8.2. Tài liệu tham khảo

2. Maryanne K, JoAnn C & Edward N (2005). *American Ways. An Introduction to American Culture*.

3. Hofstede, G. (2004). *Cultures and organizations: Software of the mind*. London: Mc Graw – Hill Book Company.

6.42c. TIẾNG ANH DU LỊCH/ ENGLISH FOR TOURISM

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36TL-BT)

- Mã HP: 132081

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm các chủ đề bài học có liên quan tới lĩnh vực du lịch và khách sạn; bao quát toàn bộ các khái niệm về chuyên ngành du lịch, khách sạn, lữ hành. Các từ vựng, các chủ đề phù hợp để phát triển 4 kỹ năng giao tiếp trong ngành quản lý du lịch, khách sạn và lữ hành. Các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Bài học miêu tả các hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns).

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được cung cấp một lượng từ vựng dùng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày ở môi trường sống, làm việc và có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh trong công việc liên quan tới lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn, lữ hành: giao tiếp tốt với khách hàng trong môi trường thật, các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn nhận biết một số hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues).

- CO2: Người học được thực hành bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống về những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh, những từ ngữ chuyên ngành.

- CO3: Người học được học cách diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác. Có khả năng phối hợp, làm việc theo nhóm và tự làm việc theo kế hoạch..

- CO4: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như bài tập về nhà và bài tập nhóm, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá

3. Chuẩn đầu ra của học phần:

- CLO1: Học xong học phần này, người học nắm được một lượng từ vựng dùng trong giao tiếp đơn giản hàng ngày ở môi trường sống, làm việc và có thể giao tiếp tự tin bằng tiếng Anh trong công việc liên quan tới lĩnh vực quản lý du lịch, khách sạn, lữ hành: giao tiếp tốt với khách hàng trong môi trường thật, các cấu trúc câu chuyên ngành ứng dụng trong du lịch – khách sạn – nhà hàng và các thì, thể của động từ...trong tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn nhận biết một số hành vi văn hoá giao tiếp không bằng lời nói (non-verbal cues), nhưng không hoàn toàn hiểu được chính xác hàm ý của nó, nhận biết được những kiến thức về mẫu văn hoá (culture patterns)

- CLO2: Giao tiếp được bằng tiếng Anh với các chủ điểm thực trong cuộc sống. Nghe hiểu và diễn đạt được những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, nét văn hóa bằng tiếng Anh.

Thể hiện được những thông tin trong một văn bản bằng tiếng Anh. Diễn đạt trôi chảy đạt ngôn ngữ ở mức độ tự nhiên và linh hoạt. Đọc hiểu được những văn bản và ký hiệu, những bài viết về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt hàng ngày, những từ ngữ chuyên ngành.

- CLO3: Diễn đạt lại, kể lại sự kiện, miêu tả người, địa điểm, các vật thể, miêu tả lại những sự kiện phức tạp, trần thuật lại được ý của người khác. Có khả năng phối hợp, làm việc theo nhóm và tự làm việc theo kế hoạch..

- CLO4: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như bài tập về nhà và bài tập nhóm, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Jobs in a Hotel 1.1. Introduce the assignment task 1.2. Describe jobs in a hotel 1.3. Practise listening to jobs description 1.4. use “can, could, would” to ask questions 1.5. Write a description of jobs in a hotel that you want to apply for	3	2	2		0	14
Chương 2: Hotel Reservation 2.1. Practise listening to how people book rooms in a hotel 2.2. Know some words relevant to hotel reservation 2.3. Practise speaking with model sentences: hotel reservation Chương 3: Checking in 3.1. Practise with “if” and “when” clauses 3.2. Listen to how people check in and check out 3.3. Practise checking in and out 3.4. Deal with complaints about	3	2	2		0	14

check in/out						
Chương 4: Hotel Facilities 4.1. Practise speaking about hotel facilities and services 4.2. Describe facilities and services 4.3. Practise reading: skimming, scanning, reading for details about facilities 4.4. Practise listening to people talking about the Golden Sand Hotel 4.5. Be + going + to + V	3	2	2		0	14
Chương 5: Restaurant 5.1. Listen to a dialogue about services in a restaurant 5.2. Vocabulary: 5.3. Model sentences: making requests and reply	2	2	1		0	13
Chương 6: Complaints 6.1. Discuss: The customer is always right! 6.2. Language study: 6.3. Practise speaking and listening to conversation between a guest and a waiter 6.4. Write and read: letter of complaint	3	2	2		0	14
Chương 7: Is service included? 7.1. Talk about currencies used in foreign countries 7.2. Read: to tip or not to tip 7.3. Talk: tip customs 7.4. Write: complete the press information	2	2	1		0	13
Chương 8: Telephone Enquiries 8.1. Practise listening and fill in the form 8.2. Language study: the use of will and won't 8.3. Grammar: prepositions 8.4. Language study 2: telephone phrases	3	2	1		0	13
Chương 9: Ordering help and advice 9.1. Practise asking and offering	2	2	1		0	13

help and advice 9.2. Language study: phrases for asking and offering, present perfect tense 9.3. Listen to guests' problems and giving advice						
Chương 10: Farewell 10.1. Listen to people to know how to say farewell 10.2. Language study: 10.3. Practise speaking what happened and future plans 10.4. Write diary	3	2	2		0	13

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	Thuyết trình cá nhân/ nhóm	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Bài tập nhóm	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm project	Rubric 3	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Chuyên cần	Rubric 4	CLO1 CLO2 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Vấn đáp + Bài kiểm tra viết	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài thi viết	Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài dự án, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo:

8.1. Giáo trình chính:

1. Robin Walker, Keith Harding (2006), *Oxford English for careers: Tourism 1 - Student's book*. Oxford

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trish Stott & Angela Buckingham. (2009). *At your Service*. Oxford University Press

2. Michael Duckworth. (2009). *High Season*. Oxford University Press

3. *English for International Tourism – Textbook and Workbook*. Longman Press. England. 2007

6.43. KIẾN TẬP SƯ PHẠM/CLASSROOM OBSERVATION

- Số tín chỉ: 2

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận dạy tiếng Anh

1. Mô tả học phần

Sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh để kiến tập sư phạm ở các trường phổ thông như: tìm hiểu chung về trường, lớp, về các mô hình giáo dục phổ thông, về chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông đang thực hiện tại các trường và về các hoạt động chung của trường; bước đầu làm quen với các hoạt động dự giờ, thao giảng, đánh giá giờ dạy, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục và giờ giảng trong quá trình kiến tập.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nắm được thông tin và tính hình những hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên.

- CO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường phổ thông, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản.

- CO3: Hình thành được phẩm chất người giáo viên ở trường phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Theo dõi, ghi chép, quan sát, tổng hợp thông tin về những hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, từ đó nắm được những nội dung hoạt động của trường phổ thông, các chức năng nhiệm vụ của người giáo viên.

- CLO2: Thực hành soạn giáo án, dự giờ học hỏi kinh nghiệm và lên lớp giảng bài môn tiếng Anh ở trường phổ thông, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản.

- CLO3: Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề để thực hiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT.

4. Nội dung chi tiết học phần

Trong thời gian KTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

1. Kiến tập giảng dạy (KTGD)

a. Tìm hiểu nội dung công việc giảng dạy chung và giảng dạy Tiếng Anh của người giáo viên, của tổ bộ môn ở một trường phổ thông, thông qua giáo viên hướng dẫn và tổ chuyên môn của trường phổ thông nơi sinh viên kiến tập.

b. Tìm hiểu về nội dung, chương trình, phương pháp dạy học Tiếng Anh, về sách giáo khoa, kế hoạch giảng dạy,... của trường kiến tập qua môn Tiếng Anh ở trường phổ thông nơi sinh viên đang kiến tập .

c. Tìm hiểu các loại hồ sơ, sổ sách lớp học; cách đánh giá, cho điểm, và các tài liệu hướng dẫn của chuyên môn Tiếng Anh ở bậc phổ thông

d. Dự giờ dạy của giáo viên trường kiến tập:

- Sinh viên sẽ dự 1, 2 giờ dạy mẫu do giáo viên chuẩn bị, sau đó các sinh viên phải thực hiện đi dự giờ 6 tiết/SV để đảm bảo đủ số tiết theo quy định. SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ, dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

e. Sinh viên tập giảng trong nhóm và trước lớp

- Mỗi sinh viên đăng ký để soạn 01 giáo án tương đương 01 tiết dạy, nghiên cứu tài liệu sách giáo khoa môn Tiếng Anh và các tài liệu bổ trợ, chuyên sâu ở trường phổ thông, soạn giáo án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trong nhóm theo giáo án đã được chuẩn bị để nhóm rút kinh nghiệm, góp ý, bổ sung trên cơ sở đó, lựa chọn một sinh viên có khả năng dạy tốt nhất đại diện cho nhóm giới thiệu với giáo viên hướng dẫn;

- Tập giảng trên lớp: Sau khi được lựa chọn, giáo án giờ dạy của giáo sinh đại diện của nhóm phải được giáo viên hướng dẫn ký duyệt 02 ngày trước khi lên lớp và thực hiện tập giảng theo quy định của trường kiến tập.

* Cuối đợt kiến tập giảng dạy, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a., b., và c.) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ của SV để cho điểm phần kiến tập giảng dạy.

2. Kiến tập chủ nhiệm (KTCN)

a. Tìm hiểu về nội dung công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở bậc phổ thông; nội dung, kế hoạch thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, thông qua giáo viên lên lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm.

b. Tìm hiểu về hồ sơ công tác chủ nhiệm lớp, cách đánh giá học lực, thể lực, hạnh kiểm của học sinh phổ thông, thông qua lớp dự giờ kiến tập chủ nhiệm.

c. Dự 3 tiết sinh hoạt chủ nhiệm ở lớp được phân công tại trường kiến tập; dự các buổi sinh hoạt lớp và các buổi sinh hoạt Đoàn, các buổi sinh hoạt ngoại khóa và văn thể do giáo viên chủ nhiệm chủ trì.

SV phải làm đề cương trước khi dự giờ, tiến hành ghi chép trên phiếu dự giờ, dự giờ xong phải tổ chức trao đổi, rút kinh nghiệm.

* Cuối đợt kiến tập chủ nhiệm, sinh viên viết thu hoạch cá nhân (cho các mục a, b.) nộp cho GV hướng dẫn. GV đánh giá bài thu hoạch và các tiết dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm để cho điểm phần kiến tập chủ nhiệm.

5. Phương pháp:

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Điểm nội dung KTSP, gồm các phần

- Kiến tập giảng dạy: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;
- Kiến tập chủ nhiệm: Điểm bài thu hoạch + TBC điểm các tiết dự giờ;

6.2. Công thức tính điểm nội dung KTSP

$$\text{Điểm KTSP} = \frac{\text{KTGD} + \text{KTCN}}{2} + (\text{hoặc -}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

Ban chỉ đạo trường thực tập tổng hợp điểm nội dung KTSP.

+ Điểm thưởng/phạt: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm KTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức.

- Chấp hành tốt nội qui qui định của Trường đến kiến tập.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

Tài liệu 1: Bộ sách giáo khoa Tiếng Anh phổ thông mới.

8.2. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu 2: Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

Tài liệu 3: Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Tiếng Anh phổ thông nâng cao.

6.44. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/ PRACTICUM

- Số tín chỉ: 5

1. Mô tả học phần:

Sinh viên tìm hiểu về toàn diện thực tiễn của trường THPT về chức năng, nhiệm vụ của trường THPT, giáo viên THPT, về chương trình giáo dục THPT, công tác giáo dục ở các trường THPT nơi sinh viên thực tập. Tham gia thực tập giảng dạy như lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, dự giờ và tập giảng dạy các tiết dạy ở bậc THPT. Thực tập chủ nhiệm các lớp học bậc THPT như dự giờ chủ nhiệm, lập kế hoạch chủ nhiệm, tham gia chủ nhiệm lớp. Đánh giá rút kinh nghiệm, viết báo cáo quá trình thực tập.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Xác định vai trò trách nhiệm của người giáo viên thực tập và tham gia những nội dung hoạt động của trường phổ thông;
- CO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn ở trường THPT, để hình thành và phát triển các năng lực giáo dục và năng lực dạy học cơ bản.
- CO3: Hình thành và phát triển các phẩm chất của người giáo viên.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hoàn thiện những kĩ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp.

- CLO2: Tích lũy và rèn luyện kỹ năng cơ bản về soạn bài các tiết dạy học, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập và giáo dục của học sinh.

- CLO3: Lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập. Phát triển các kỹ năng giao tiếp, quan sát, ghi chép, tổng hợp và phân tích, xử lý thông tin, làm việc nhóm, quản lý tập thể và ra quyết định.

- CLO4: Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

4. Nội dung chi tiết học phần

Trong thời gian TTSP, SV phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau:

4.1. Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở trường phổ thông nơi thực tập

a. SV viết bài thu hoạch về tìm hiểu thực tế giáo dục ở trường TT sau khi nghe trường báo cáo về tình hình cơ cấu tổ chức hoạt động, nhiệm vụ năm học của nhà trường; chủ trương, biện pháp đổi mới công tác quản lý dạy- học của ngành; kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên trong trường; tình hình địa phương nơi trường đóng; các hoạt động khác của nhà trường và hoạt động của các đoàn thể cùng tham gia công tác giáo dục...; những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của giáo viên....

b. SV nghiên cứu nội dung, chương trình giáo dục phổ thông, phương pháp dạy học và các tài liệu liên quan, phòng bộ môn, và thiết bị dạy học; nắm tình hình thực hiện chương trình và dạy học môn Hóa học ở trường phổ thông nơi thực tập.

Nội dung này do Trường Ban chỉ đạo hoặc người được ủy quyền đánh giá.

4.2. Thực tập giảng dạy

a. Trong suốt thời gian thực tập giảng dạy (TTGD) mỗi SV được một giáo viên của trường TT hướng dẫn.

b. Số tiết thực tập giảng dạy của một SV trong toàn đợt là 06 tiết, trung bình mỗi tuần thực tập giảng dạy 1 tiết, nhiều nhất không quá 2 tiết/tuần.

c. Giáo án lên lớp phải đạt các yêu cầu sau:

- Phải được giáo viên hướng dẫn góp ý kiến và ký duyệt chậm nhất 02 ngày trước khi lên lớp; đã tập giảng trước nhóm và góp ý trước khi lên lớp; không được tập giảng trước học sinh trường TT.

- Bài giảng phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp dạy học; chú ý sử dụng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tiếng Anh và các kĩ thuật dạy học Tiếng Anh khác, ...

- Thực tập với nhiều loại hình: lý thuyết, thực hành, ngoại khóa, ôn tập, chấm bài kiểm tra, chữa bài tập...; tập duyệt toàn bộ các khâu của quá trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, ôn tập, kiểm tra- đánh giá ...

d. Sau các tiết lên lớp của SV, GVHD tổ chức rút kinh nghiệm để đánh giá giờ dạy, có SV cùng ngành học đi dự giờ tham dự.

e. Các tiết lên lớp của SV đều nằm trong kế hoạch đánh giá; SV không được lên lớp ngoài kế hoạch và vượt số tiết đã quy định.

4.3. Thực tập chủ nhiệm

a. Mỗi nhóm SV (từ 2 - 3 người) thực tập chủ nhiệm (TTCN) 6 tiết/một lớp ở trường TT (không tính tuần đầu và tuần cuối, mỗi tuần 1 tiết), dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp đó. Giáo viên hướng dẫn giao nhiệm vụ cụ thể cho nhóm và cho từng SV. Mỗi SV, ngoài việc thực hiện công tác được nhóm phân công, tự mình nhận một công tác cụ thể để chủ động tập dượt làm tốt công tác đó.

b. SV lập kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể đến từng tuần. Bản kế hoạch phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, ký duyệt trước khi thực hiện. Trong kế hoạch cần ghi rõ nội dung công tác cụ thể, những biện pháp giáo dục chính sẽ vận dụng và chỉ tiêu cần đạt trong từng giai đoạn.

c. Những trọng tâm thực tập chủ nhiệm:

+ Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp; tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh; giáo dục học sinh cá biệt, thăm một số gia đình học sinh; phối hợp với hội phụ huynh học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh. Phân tích các sự kiện từ thực tế giáo dục để rút kinh nghiệm.

+ Thực hiện các chức năng, nghiệp vụ của người GVCN: Nắm vững các quy chế, quy định về nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên; chức năng của GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp; cách cho điểm, xếp loại học lực của học sinh; cách nhận xét, xếp loại hạnh kiểm, ghi sổ điểm, học bạ....

d. Kết hợp với lãnh đạo các đoàn thể của trường TT để tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, ...; việc tổ chức các hoạt động này cũng cần xác định nội dung, xây dựng kế hoạch, biện pháp và phân công tổ chức thực hiện, hướng dẫn, rút kinh nghiệm, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá chất lượng, hiệu quả....

4.4. Dự các tiết thực tập của giáo viên và SV cùng ngành học

a. SV phải dự đủ số tiết thực tập đủ số tiết theo quy định từ 6 - 8 tiết;

Trong đó: Dự giờ dạy mẫu của giáo viên: 1-2 tiết; Số còn lại dự giờ của SV cùng ngành Tiếng Anh.

b. SV phải nghiên cứu và làm đề cương bài dạy trước khi dự giờ, ghi nhận xét dự giờ vào sổ TTSP. Đây là cơ sở để GVHD đánh giá về năng lực giảng dạy của mỗi SV.

c. Sau khi dự giờ, cùng dự họp với GVHD để rút kinh nghiệm.

5. Phương pháp:

Tìm hiểu, quan sát, theo dõi, thảo luận, thực hành cá nhân, thực hành theo nhóm tại trường đến kiến tập.

7. Phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Điểm thành phần của nội dung thực tập sư phạm

a. Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục tại trường thực tập (THTTGD): Đánh giá việc THTTGD của SV qua bài thu hoạch về nội dung này, theo thang điểm 10.

b. Điểm thực tập giảng dạy

- Đánh giá toàn bộ công tác TTGD, gồm các tiết lên lớp, dự giờ của SV cùng ngành, các hoạt động giảng dạy khác và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định, theo thang điểm 10.

- Trong đánh giá lưu ý đến phần kiến thức cơ bản và đổi mới phương pháp dạy học

bộ môn, sử dụng thiết bị - đồ dùng dạy học. Nếu sai kiến thức cơ bản hoặc chỉ dùng phương pháp thuyết trình và đọc chép thì giờ giảng đó chỉ ở mức tối đa là trung bình.

- Công thức tính điểm:

Điểm TTGD = Trung bình cộng các tiết lên lớp có đánh giá.

c. Điểm thực tập chủ nhiệm

Đánh giá từng tuần thực tập, theo thang điểm 10. Đánh giá theo nhóm và khả năng từng SV để tính điểm cho mỗi SV. Được thực hiện hằng tuần, và căn cứ tiêu chí và thang điểm đã được quy định để đánh giá, gồm 3 phần:

- Khả năng làm kế hoạch, tổ chức chỉ đạo.
- Khả năng thực hiện chức năng nghiệp vụ của người giáo viên.
- Hiệu quả của công tác thực tập chủ nhiệm.

Tùy tình hình thực tế, Ban chỉ đạo trường thực tập quy định cách thức và xác định điểm cho mỗi nhóm TTCN trong từng tuần. Để khuyến khích từng SV trong nhóm hoạt động tích cực hơn, điểm của từng SV trong nhóm được xác định trên cơ sở điểm của toàn nhóm đã đạt được và hiệu quả hoạt động của từng SV.

- Công thức tính điểm: Điểm TTCN = Trung bình cộng điểm các tuần TTSP.

7. 2. Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm

Điểm tổng kết nội dung thực tập sư phạm, gồm:

- Điểm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (THTTGD), hệ số 1.
- Điểm thực tập chủ nhiệm (TTCN), hệ số 1.
- Điểm thực tập giảng dạy (TTGD), hệ số 2.

7.3. Công thức tính điểm nội dung thực tập sư phạm

$$\text{Điểm TTSP} = \frac{\text{THTTGD} + \text{TTCN} + (\text{TTGD} \times 2)}{4} + (\text{hoặc-}) \text{điểm thưởng/phạt}$$

*Điểm thưởng/phạt: Điểm này được cộng hoặc trừ vào kết quả đã được tính trung bình chung của điểm TTSP, theo 3 mức: 0,1; 0,2; 0,3.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình

Tài liệu 1: Bộ sách giáo khoa Tiếng Anh phổ thông mới.

8.2. Tài liệu tham khảo

Tài liệu 2: Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức

Tài liệu 3: Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo môn Tiếng Anh phổ thông nâng cao.

6.45. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/MINOR THESIS

- Số tín chỉ: 6

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy 3 năm đầu học tập đạt 2,5 điểm trở lên, số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học đến thời điểm xét và không bị hình thức lý luật từ cảnh cáo trở lên được phép đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp.

1. Mô tả học phần

Sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về một vấn đề chuyên sâu của chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và trình bày dưới dạng một báo cáo khoa học bằng tiếng Anh, đồng thời bảo vệ vấn đề nghiên cứu trước hội đồng chấm khóa luận của ngành.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có những kiến thức cơ bản về chuyên môn và phương pháp NCKH chuyên ngành để tìm hiểu và trình bày vấn đề theo đúng cấu trúc của một khóa luận tốt nghiệp.

- CO2: Biết sử dụng các kiến thức được học để lập đề cương KLTN, biết lựa chọn phương pháp thích hợp để thực hiện đề tài nghiên cứu, biết trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu trước hội đồng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được các kiến thức về NCKH chuyên ngành tiếng Anh vào việc tìm hiểu đề tài, lập đề cương nghiên cứu, trình bày vấn đề đúng chuẩn cấu trúc của một khóa luận tốt nghiệp, biết các bước thực hiện và cách đánh giá một khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh.

- CLO2: Lựa chọn phương pháp thích hợp để thực hiện đề tài nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp, biết cách tổ chức thực hiện nghiên cứu một khóa luận tốt nghiệp.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học để trình bày nội dung khóa luận một cách chính xác, khoa học, cũng như thực hiện việc báo cáo kết quả của đề tài trước hội đồng chấm khóa luận chuyên ngành tiếng Anh.

- CLO4: Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Học phần gồm các nội dung sau:

Phần 1: Tìm hiểu thực tế đơn vị nghiên cứu hình thành hướng nghiên cứu

1.1. Tìm hiểu tổng thể về đơn vị nghiên cứu

1.2. Xác định tính cấp thiết vấn đề cần nghiên cứu

1.3. Xây dựng đề cương nghiên cứu

Phần 2: Tìm hiểu cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu

2.1. Tìm hiểu tổng quan các nghiên cứu liên quan

2.2. Tìm hiểu cơ sở lý luận liên quan

2.3. Viết cơ sở lý luận đề tài nghiên cứu

Phần 3: Nghiên cứu thực trạng

3.1. Tổng quan về địa điểm nghiên cứu

3.2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu

3.3. Những kết quả đạt được, hạn chế

3.4. Nguyên nhân của những hạn chế

3.5. Kết luận

Phần 4: Kiến nghị/đề xuất giải pháp

4.1. Định hướng phát triển

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng

4.3. Kiến nghị giải pháp

Phần 5: Kết luận

5. Phương pháp giảng dạy: Thảo luận, thực hành

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

Kết thúc học phần, người học nộp lại khóa luận tốt nghiệp hoàn chỉnh, trình bày đúng format. Điểm khóa luận được giảng viên hướng dẫn và 2 giảng viên khác chấm, tổng 3 con điểm cộng lại chia 3.

Thang điểm: 10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định tại Quyết định Số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức
- Chấp hành tốt yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.
- Có thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện khoá luận.
- Hoàn thiện đúng tiến độ quy định.

8. Giáo trình/Tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Nguyen Thi Thuy Minh, Pham Minh Tam & Luong Quynh Trang. Research Methodology. Trường Đại học Ngoại Ngữ-Đại học Quốc Gia Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

6.46a. NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN/ COGNITIVE LINGUISTICS

- Số tín chỉ: 3 (27,36, 0)

- Mã HP: 1132082

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngôn ngữ - văn hóa và phương pháp giảng dạy, trường Đại học Hồng Đức

1. Mô tả học phần

Các nội dung môn học gồm: Khái quát về Ngôn ngữ học tri nhận, các khái niệm, đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của các chức năng ngôn ngữ.

Học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng của người học thông qua các hoạt động như: thảo luận trong nhóm, làm bài tập lớn; trình bày trước lớp một vấn đề liên quan đến môn học.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Cung cấp kiến thức về bối cảnh ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
- CO2: Phân biệt được sự khác biệt của ngôn ngữ học tri nhận với các xu hướng ngôn ngữ khác
- CO3: Hiểu được khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận
- CO4: Vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận vào việc xử lý, giải thích các hiện tượng của ngôn ngữ.

- CO5: Xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tri nhận nói riêng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học tri nhận
- CLO2: Giải thích các hiện tượng của ngôn ngữ học dựa trên lý thuyết ngôn ngữ học tri nhận

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Lesson 1. What does it mean to know a language?	2,0	3,0				
Lesson 2. The nature of cognitive linguistics: assumptions and commitments	3,0	3,0				
Lesson 3. Universals and variation in language, thought and	3,0	3,0				
Lesson 4. Language in use: knowledge of language, language change and language acquisition	3,0	4,0				
Lesson 5. What is cognitive semantics?	3,0	4,0				
Lesson 6. Embodiment and conceptual structure	3,0	4,0				
Lesson 7. Categorisation and idealised cognitive model	2,0	3,0				
Lesson 8. Metaphor and metonymy	2,0	3,0				
Lesson 9. Word meaning and radial categories	2,0	3,0				
Lesson 10. Meaning construction and mental	2,0	3,0				
Lesson 11. Conceptual blending	2,0	3,0				

5. Phương pháp dạy – học: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành đóng kịch theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Các câu hỏi lý thuyết: - Kiểm tra viết trên giấy	Rubric 1	CLO1	30%

	- Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Thực hành thuyết trình - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học, khả năng thu thập tổng hợp thông tin, khả năng sử dụng máy tính và làm việc nhóm - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là một bài thuyết trình về phần kiến thức được phân công	Rubric 2	CLO1, CLO2	
3	Các câu hỏi lý thuyết - Kiểm tra viết trên giấy - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	- Làm bài kiểm tra viết trên giấy - Mục đích: Đánh giá kiến thức đã học (ghi nhớ, vận dụng, sáng tạo). - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: Thi viết trên giấy (các dạng câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra khả năng ghi nhớ và câu hỏi tự luận kiểm tra khả năng vận dụng, sáng tạo) - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập.	Rubric 5	CLO1, CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính

1. Lee, D (2001). *Cognitive Linguistics – An Introduction*. OUP

8.2. Tài liệu tham khảo

1. Dirk , G; Hubert, C. (2007). *The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics*. Oxford University Press

6.46b. NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU/ CONTRASTIVE LINGUISTICS

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Mã HP: 132075

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn NN – VH & PPGD T.Anh, khoa Ngoại ngữ, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: kỹ năng nghe nói 4, kỹ năng đọc viết 4

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm các nội dung về: Các khái niệm liên quan đến ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm về so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ, các phương pháp và tiêu chí so sánh đối chiếu ngôn ngữ, các thao tác và thành tố sử dụng ngôn ngữ trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được các khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm cơ bản về cơ sở tâm lý học của đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- CO2: Vận dụng được các khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm cơ bản về cơ sở tâm lý học của đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu, đối chiếu ngôn ngữ trong giảng dạy và trong dịch thuật, nâng cao năng lực sử dụng các ngôn ngữ được sử dụng để so sánh đối chiếu

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ, các nguyên tắc so sánh đối chiếu, tiến trình so sánh đối chiếu, đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- CLO2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- CLO3: Thực hiện được các nghiên cứu về so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- CLO4: Có vốn từ vựng về so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

- CLO5: Có năng lực tự học tập và nghiên cứu.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chapter 1: What is Contrastive analysis (CA)? 1. The place of CA in linguistics	3	6				

2. CA as interlanguage study 3. CA as “pure” or “applied” linguistics 4. CA and bilingualism						
Chapter 2: The psychological basis of Contrastive Analysis 2.1. Transfer in learning psychology 2.2. Some problems of definitions 2.3. Transfer theory and CA 2.4. A scale of difference	4	5				
Chapter 3: The linguistic components of Contrastive Analysis 3.1. Levels of language 3.2. Categories of grammar 3.3. Language models for CA in the grammatical level	4	5				
Chapter 4: Microlinguistic Contrastive Analysis 4.1. General principles 4.2. Contrastive lexicology	4	5				
Chapter 5: Macrolinguistics and contrastive analysis 5.1. Macrolinguistics 5.2. Two areas of macrolinguistics 5.3. Text analysis 5.4. Discourse Analysis 5.5. Concept Analysis 5.6. Scope for research	4	5				
Chapter 6: Pedagogical exploitation of contrastive analysis 6.1. Applied CA 6.2. Traditional applications of CA 6.3. Course design 6.4. “Method” and Contrastive	4	5				

Analysis						
Chapter 7: Some issues of contention 7.1. Criteria for comparison 7.2. The psychological reality of CAs 7.3. The predictive power of CAs 7.4. Contrastive analysis versus Error analysis 7.5. Scale of difficulty	4	5				

5. Phương pháp dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Viết	Rubric 1	CLO 1,2	30%
2	Thảo luận	Rubric 2	CLO1,2,4,5	
	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1,2,4,5	
	Chuyên cần	Rubric 4	CLO 4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 1	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric1	CLO1,2,3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Giáo trình chính:

1. Willems, Defrancq, Coleman and Noel (2003), *Contrastive analysis in Language*. MacMillan, Palgrave

8.2. Tài liệu tham khảo:

3. Chesterman A. (1998). *Contrastive functional analysis*. John Benjamins.

6.46c. SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ/ USING TECHNOLOGY IN TEACHING FOREIGN LANGUAGES

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 132015
- Bộ môn quản lý học phần: NN – VH - PPGD

1. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản trong ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ như CALL và E-learning. Trọng tâm của khóa học là ứng dụng một số phần mềm hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh và khai thác mạng Internet trong dạy học tiếng Anh. Môn học cung cấp cho người học cách tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông dưới góc độ giảng dạy ngoại ngữ đồng thời hướng dẫn học viên sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất trong công việc của người giáo viên ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được một số khái niệm cơ bản trong ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ như CALL và E-learning
- CO2: Người học có thể vận dụng kiến thức để ứng dụng một số phần mềm hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh và khai thác mạng Internet trong dạy học tiếng Anh
- CO3: Người học hiểu và vận dụng công nghệ thông tin và truyền thông dưới góc độ giảng dạy ngoại ngữ đồng thời sử dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất trong công việc của người giáo viên ngoại ngữ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR HP	Mô tả chi tiết CĐR HP	CĐR CTĐT liên quan
CLO1	Vận dụng được kiến thức về các phần mềm CALL và E-learning trong tìm kiếm tài liệu hỗ trợ dạy học tiếng Anh. Sử dụng thành thạo keyboard để soạn thảo văn bản.	CLO CM
CLO2	Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng về các phần mềm để thao tác cắt, ghép, lồng ghép file vào bài giảng.	CLO CM
CLO3	Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.	CLO CM
CLO4	Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực sử dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.	CLO CM

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Tổng 63 tiết

(9 tiết lí thuyết; 12 tiết bài tập + thảo luận + kiểm tra; 42 tiết tự học)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CĐR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Learning about CALL : Definition of CALL Types of CALL Programs Types of CALL Activities The Development of CALL – from the Pedagogical Perspective	2	Lí thuyết Lí thuyết	CLO1, CLO3, CLO4	Tham khảo chính các tài liệu số [1], [2]. Đọc thêm trong tài liệu số [3], [4] và các videos được giảng viên cung cấp có liên quan.	- Đọc trước các nội dung lý thuyết tương ứng trong các tài liệu trước mỗi giờ học lí thuyết. - Chuẩn bị trước các bài tập tương ứng trước mỗi giờ bài tập. - Chủ động đọc thêm các nội dung tự học được giao.
Practising the typing software : Introducing the softwares : Typing Master, Rapid Typing Using keyboard in a fluent way to produce text.	3	Thảo luận/BT/T H	CLO1, CLO3, CLO4		
Practising typing with at least 8 fingers Using the commands to produce a text as required : copy, paste, cut, align, insert etc.	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
Finding materials in reliable websites : Reading, listening, speaking and writing materials from websites. Familiarising with the websites : Esl lab, britishcouncil, english in one minute	3	Lí thuyết	CLO1, CLO2		
Selecting materials Measuring the level of the text. Using the Oxford Resources to calculate the vocabulary level.	3	Thảo luận/BT/T H	CLO1, CLO2, CLO3		

- <i>Preparing a listening material, proving that it is suitable for students of A2 level.</i> - Practising finding listening and speaking, writing, reading materials for A2 level students.	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
- Introducing storybird software to make story - creating an account of story birds	2	Lí thuyết	CLO1, CLO2		
Building a story using the software birdstory in group Screening the story, transferring into a pdf file to make a book for A1 – A2 level students.	3	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO2, CLO3		
Creating a story individually using the website story bird.	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		
Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1	1	KT-ĐG	CLO1 CLO3		
Learning about E-learning: Definition of E-learning Description of E-learning	2	Lí thuyết	CLO1, CLO4		
Discussing the application of E-learning Giving ideas on how to apply E-learning at secondary school.	2	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO3, CLO4		
- <i>Giving a presentation of how E-learning can be applied for secondary students through videos.</i>	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		

Nội dung 2: Tổng 63 tiết

(9 tiết lí thuyết; 12 tiết bài tập + thảo luận + kiểm tra; 42 tiết tự học)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CĐR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Learning about Audacity : Features of Audacity program Application of Programs Commands of Audacity	2	Lí thuyết	CLO1, CLO3, CLO4	Tham khảo chính các tài liệu số [1], [2]. Đọc thêm trong tài liệu số [3], [4] và các videos được giảng viên cung cấp có liên quan.	- Đọc trước các nội dung lý thuyết tương ứng trong các tài liệu trước mỗi giờ học lí thuyết. - Chuẩn bị trước các bài tập tương ứng trước mỗi giờ bài tập. - Chủ động đọc thêm các nội dung tự học được giao.
Using the software Audacity : Cutting file using Audacity Copying file Recording students' voice into the file Making the sounds louder, softer Slowing down the speed of the sound	3	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO3, CLO4		
Creating a listening file for A2 students using Audacity. Providing : mp3 file, word documents of : the questions, the tapescripts, the keys	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
Learning how to create an mp3, mp4 file using online software. Introducing the websites which can cut and join mp3 file : Mp2 cutter joiner Demonstrating how to cut and join file using	3	Lí thuyết	CLO1, CLO2		

online resources.					
Practising how to create mp3, mp4 file using online resources to edit	3	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO2, CLO3		
- <i>Creating an audio file a video file with different parts from different sources using online editing utilities</i>	10	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
Introducing ppt file with additional features: countdown clock audio file inserting video file inserting date	2	Lí thuyết	CLO1, CLO2		
Making a ppt file of 5 slides practicing inserting the file into it create a small game using countdown clock.	3	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO2, CLO3		
Creating a ppt file of a lesson of grade 6 – 12	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		
Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2	1	KT-ĐG	CLO1 CLO3		
Learning how to use filmora to cut file video Introducing the features of filmora Demonstrating how to use filmora	2	Lí thuyết	CLO1, CLO4		
Practising filmora cutting file, editing file using filmora Adding subtitle Adding background	2	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO3, CLO4		
- <i>Creating a video file, with subtitle in Filmora.</i>	11	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		

Nội dung 3: Tổng 63 tiết

(9 tiết lý thuyết; 12 tiết bài tập + thảo luận + kiểm tra; 42 tiết tự học)

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Đáp ứng CDR HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
Learning about Google Classroom : Features of Google Classroom Application of Google Classroom Demonstrating how to create one Google Classroom	3	Lý thuyết	CLO1, CLO3, CLO4	Tham khảo chính các tài liệu số [1], [2]. Đọc thêm trong tài liệu số [3], [4] và các videos được giảng viên cung cấp có liên quan.	- Đọc trước các nội dung lý thuyết tương ứng trong các tài liệu trước mỗi giờ học lý thuyết. - Chuẩn bị trước các bài tập tương ứng trước mỗi giờ bài tập. - Chủ động đọc thêm các nội dung tự học được giao.
Creating a Google Classroom Practising building up exercises on Google Classroom :	4	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO3, CLO4		
Building up a Google Classroom for English Lesson, with at least two types of exercises for students.	14	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
Introducing how to create a course, using coursera Introducing the features of coursera Demonstrating how to create a course in coursera. Instructing how to apply coursera to teach students	3	Lý thuyết	CLO1, CLO2		
Practising how to create a course in coursera Import two types of	4	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO2, CLO3		

exercises in coursera					
- <i>Creating</i> a course of A2 level in coursera	14	Tự học	CLO2, CLO3, CLO4		
Introducing the software to mark multiple choice test using mobile phone Introducing features of the software. Introducing the software	3	Lí thuyết	CLO1, CLO2		
Practise marking 1- 3 test using the mobile phone to scan students' results	3	Thảo luận/BT/TH	CLO1, CLO2, CLO3		
Marking 25 test paper using the software	14	Tự học	CLO1, CLO3, CLO4		
Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3	1	KT-ĐG	CLO1 CLO3		

5. Phương pháp dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần:

- Giảng lý thuyết
- Thuyết trình
- Thảo luận
- Hoạt động nhóm thực hành

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra mức độ chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, làm project

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 04			30%
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3	

	đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	Kỹ thuật trình bày văn bản - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình bày văn bản và trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Trình chiếu nội dung đa phương tiện - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng đa phương tiện - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Audacity, film editor,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Project: Xây dựng một Google classroom dựa trên đơn vị bài học - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ lớp học ảo. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Kiểm tra cuối kì			50%
	Project presentation: Chuẩn bị 01 bài giảng đa phương tiện. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 7	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Benyo, A., 2021., *CALL in English Language Teaching*. International Journal of Advanced Science and Technology, Vol 29, N3s, pp.1390 – 1395.

[2]. Son, J, 2020, *Technology-Enhanced Language Teaching in Action*. Published by APACALL, ISBN: 978-0-6486653-1-1

8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[3]. Stanley, G. (2013). *Language learning with technology*. Cambridge University Press

[4]. Al-Mahrooqi, R. and Troudi, S. (2014). *Using Technology in Foreign Language Teaching*. Cambridge University Press

6.46d. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI/ SOCIOLINGUISTICS

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)

- Mã HP: 132028

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về Ngôn ngữ học Xã hội học (Sociolinguistics), như định nghĩa, chức năng, sự thay đổi của ngôn ngữ trong từng xã hội và những khác biệt nào trong xã hội tạo nên các ngôn ngữ không giống nhau. Quan trọng hơn nữa là ngôn ngữ được sử dụng như thế nào trong xã hội. Sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm nhau: Speech Communities, Speech Acts and Speech Events. Bên cạnh đó, môn học cung cấp những nét văn hóa trong giao tiếp của một số ngôn ngữ khác nhau trong xã hội; các biến thể của tiếng Anh, tiếng Anh chuẩn, tiếng lóng, biệt ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

CO1: Cung cấp cho người học những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về Ngôn ngữ Xã hội học.

CO2: Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.

CO3: Hình thành cho người học có thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà người học đang giao tiếp, có thái độ nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về Ngôn ngữ Xã hội học.

CLO2: Vận dụng vận dụng ngôn ngữ vào xã hội một cách thích hợp ở mức độ cơ bản nhất.

CLO3: Có thái độ tự giác thay đổi ngôn ngữ sao cho phù hợp với xã hội nơi mà người học đang giao tiếp, nghiêm túc, tự giác, có trách nhiệm trong học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
1. What is sociolinguistics?	4	3	0	3		20
2 Sociolinguistics and language variation	4	3	0	3		20
3 Sociolinguistics differences	4	3	0	3		20
4. Speech communities	4	3	0	3		20
5 Speech acts and speech	4	3	0	3		20
6. Concept of standard usage	4	2	0	2		20
7. Slangs and Cliches in sociolinguistics	3	1	0	1		15
Tổng	27	18		18		135

5. Phương pháp dạy - học

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	1 đầu điểm kiểm tra trên lớp thông qua các hoạt động học tập và hiện diện (đóng góp xây dựng bài, trả lời câu hỏi của CBGD).	Rubric 1	CLO3,	30%
2	Hoàn thành tốt nội dung tự học, tự nghiên cứu và hoạt động theo nhóm: 20%	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Bài kiểm tra viết do giảng viên thiết kế, kiểm tra đầy đủ nội dung đã học.	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Bài kiểm tra viết do Bộ môn, khoa chuyên môn thiết kế theo nội dung chương trình đã học	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- SV phải tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên).
Tham gia đầy đủ các giờ thực hành giảng dạy, thảo luận nhóm
- Thái độ học tập nghiêm túc, nhiệt tình.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

8.1. Giáo trình chính:

1. Janet Holmes (2008). *An introduction to Sociolinguistics*, Third edition, Pearson Longman.

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Mesthrie, R & Bhatt, R, M. (2008). *World Englishes: the study of new English varieties*. Cambridge University Press.

6.46e. TIẾP THỤ NGÔN NGỮ THỨ HAI/ SECOND LANGUAGE ACQUISITION

- Số tín chỉ: 3 (27, 36, 0)
- Mã HP: 233055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NN-VH & PPGD Tiếng Anh, Khoa NN, trường ĐH Hồng Đức.

1. Mô tả học phần:

Học phần gồm các nội dung về các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong lĩnh vực SLA, khái quát quy trình tiếp thụ ngôn ngữ: sự giống và khác nhau trong quá trình tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học quá trình tiếp thụ ngôn ngữ nhìn từ góc độ ngôn ngữ học, tâm lý học và xã hội học, và lượng kiến thức ngôn ngữ thứ hai cần đạt được để thực hiện các chức năng giao tiếp xã hội và trong học thuật.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Ghi nhớ và giải thích được các thuật ngữ và khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai. Nắm vững được kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, về thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (SLA).
- CO2: Mở rộng vốn từ vựng về lĩnh vực ngôn ngữ nói riêng và tiếng Anh nói chung.
- CO3: Phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, giải thích và sử dụng được các thuật ngữ và khái niệm cơ bản trong nghiên cứu về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, về cơ sở lý luận của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, về thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (SLA).

- CLO2: Xác định được vấn đề và xây dựng được đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.

- CLO3: Có vốn từ vựng chuyên ngành về lĩnh vực tiếp thụ và giảng dạy ngôn ngữ nói riêng và tiếng Anh nói chung.

- CLO4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu về lĩnh vực tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.

- CLO5: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm và những kỹ năng mềm khác.

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Introducing Second Language Acquisition (SLA) 1.1. What is SLA? 1.2. What is second Language? 1.3. What is first Language? 1.4. Diversity in learning and learners.	4	6				
Nội dung 2: Foundation of Second Language Acquisition 2.1. The world of second languages 2.2. The nature of language learning 2.3. L1 versus L2 learning 2.4. The logical problem of language learning 2.5. Frameworks for SLA	4	5				
Nội dung 3: The linguistics of Second Language Acquisition 3.1. The nature of language 3.2. Early approaches to SLA 3.3. Universal Grammar 3.4. Functional approaches	4	5				
Nội dung 4: The psychology of Second Language Acquisition. 4.1. Languages and the brain 4.2. Learning processes 4.3. Differences in learners 4.4. The effects of multilingualism	4	5				
Nội dung 5: Social contexts of Second Language Acquisition. 5.1. Communicative competence	4	5				

5.2. Microsocial factors						
5.3. Macrosocial factors						
Nội dung 6: Acquiring knowledge for L2 use. 6.1. Competence and use 6.2. Academic vs. interpersonal competence 6.3. Components of language knowledge 6.4. Receptive activities 6.5. Productive activities	4	5				
Nội dung 7: L2 learning and teaching. 7.1. Integrating perspectives 7.2. Approaching near-native competence 7.3. Implications for L2 learning and teaching	3	5				

5. Phương pháp dạy học:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	<u>Điểm 1: Bài kiểm tra quá trình số 1 (tuần 4)</u> - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 1 – tuần 4 (Một số khái niệm cơ bản về môn học và cơ sở của việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).	Rubric 1	CLO 1, 3	30%
2	<u>Điểm 2: Bài kiểm tra quá trình số 2 (tuần 10)</u> - Hình thức: Thi viết. - Nội dung kiểm tra: Nội dung từ tuần 7 – tuần 10 (Các nghiên cứu tiếp thụ ngôn ngữ thứ 2 từ góc độ ngôn ngữ học và tâm lý học) - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).	Rubric 1	CLO 2, 3	
3	<u>Điểm 3: Bài tập nhóm/ tuần - thuyết trình trước lớp</u> (kiểm tra xen kẽ vào các buổi học sau tuần 10)	Rubric 2	CLO 1, 2, 3, 4, 5	

	- Sinh viên làm việc theo nhóm từ 4-5 người. Giáo viên giao các chủ đề thuyết trình cho sinh viên. Sinh viên chuẩn bị trước chủ đề và trình bày trước lớp. - Điểm thi được đánh giá theo thang điểm 10 (6 điểm lý thuyết + 4 điểm thực hành).			
4	<u>Điểm 4: Điểm chuyên cần và tham gia phát biểu ý kiến xây dựng trên lớp</u>	Rubric 3	CLO 4, 5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric 1	CLO 1, 2, 3	20%
III	Thi cuối kì			
	Viết	Rubric 1	CLO 1, 2, 3	50%

MARKING SCHEME FOR ASSIGNMENT

Scoring Criteria	Total Points	Students' points
Punctuality and adherence to time allocation	1	
Demonstrate understanding of the topic	4	
Provides clear purpose and obvious conclusion to solve the raising question.	3	
Uses various appropriate connectors	1	
Comprehensible handout, overhead, PPP, or other presentation aid	1	
Total Points	10	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp theo quy định (80% trở lên)
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, thảo luận trình bày các vấn đề ở mỗi đơn vị bài học.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội dung được giao theo yêu cầu của giáo viên
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Tài liệu tham khảo chính

8.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Ellis, R. (1997). *Second Language Acquisition*. Oxford University Press

8.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lightbown, Patsy M. & Spada, Nina (1999), *How Languages are Learned* (Second Edition). Oxford: Oxford University Press.

2. Murial Saville-Troike (2006), *Introducing Second Language Acquisition*. Cambridge University Press.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

[1]. Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội.

[2]. Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh của Trường Đại học Vinh

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trường các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.



PGS.TS. Đậu Bá Thìn